NGÀY 1 THÁNG 9 NĂM 1964

BACH KHOA

năm thứ tám

PHẠM - LƯƠNG - GIANG *10 năm bang giao Việt-Nam — Indonesia* • THU - THỦY *Moise Tschombé* • ĐOÀN - THÊM *chương trình Trung-học* • NGUYỄN-HIẾN - LÊ *góp ý kiến về chính sách cách mạng của Bộ Quốc Gia giáo dục* • L.M. PARREL *đề nghị một chương trình giáo dục chuyên về nông nghiệp* • VŨ - HẠNH *con đường công chức* • DOHAMIDE *nguyên tắc hành đạo của Hồi-giáo* • NGUYỄN - HỮU - DUNG *kỹ thuật du kích trong « chiến tranh cách mạng » của Cộng - sản* • VŨ-BẢO *một giai đoạn mới trong cuộc tranh chấp Bắc - Kinh — Mạc - Tư - Khoa* • PHAN - DU *uất hận lên men* • VÕ - HỒNG *tình yêu đất* •

SINH - HOẠT

LÊ - TẤT - ĐIỀU *(thuật) sinh viên tranh đấu* •

184

Thanh thoát

Fine

Dịu dàng

Racée

Tonique

NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"

DESORMAIS FABRIQUEE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA Sté Fse DES DISTILLERIES DE L.I.C. DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE" EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat, en vérifiant que la capsule inviolable que comportent les bouteilles d'origine sous leur bouchon à vis est bien en place

NƯỚC HOA "NGÔI SAO" RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi mua quý ngài nên để đặt kiểm soát lại nắp chì ngừa gian bọc ở miệng chai chánh gốc nằm phía trong nắp vặn đinh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hẳng chính (Siège Social)

ĐÀI BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hẳng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện thoại : 36.268 và 36.269

KHO HÀNG : HƯ-KHỐ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictif et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thế, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 20.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK

CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CA CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỐ VÀ KHO THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA) ; VÀ CÓ TỦ BAO HIEM CHO THUÊ, MỖI TỦ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TƯ 300$ TRỞ LÊN.

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 60.000.000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Code : Peterson Internationale 4 th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES

LES GRANDES VILLES DU MONDE

SUCCURSALE DE SAIGON :

11, Bến Chương Dương

Téléphone : 21.632-21.633

AGENCE DE CHOLON :

218, đại lộ Đồng-Khánh

Téléphone : 36.266

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD

Maritime — Incendie — Automobile — Accidents

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET NAM

SAIGON

AGENCE 32, Dai Lô Hàm Nghi — Tél : 20 065, 20.066, 20 067,

BUREAUX : 178 - 180 - 182, Duong Lê-Thanh-Tôn (Marché central) — Tél. : 22 142

— 415 - 417, Duong Hai Bà Trung (Tân-Dinh) — Tél. : 25.172.

CHOLON : **AGENCE** : 386, Dai - lô Dông Khanh (Cholon) — Tél. : 36.105.

KHANH-HUNG : **AGENCE** : 23, Duong Hoang-Diêu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SÀIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M

Số thương mãi Saigon số : 157B

Q.G.D.B. : 55.826.21.001

C.C.P. SAIGON No 27.04

TRỤ SỞ : 29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh : Hành lang Eden; Saigon

Điện thoại : 23.207

ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI - DIỆN CÁC NGÂN - HÀNG TRÊN THẾ - GIỚI

BÁCH KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

B. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

-:-

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA DÀI HẠN

Phương danh độc giả_____

Địa chỉ_____

Thời hạn mua (1)_____ bắt đầu từ_____

Thể thức trả tiền_____

_____ *ngày* ____ *tháng* ____ *1962*

Ký tên

Giá báo dài hạn :

Một năm :	200 $
6 tháng :	100 $

— Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— rả trước 200 $, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 $ (22 số thường 220 $ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 = $ 260 $)

— Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

---

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, bay bằng chi phiếu hoặc gởi bưu phiu.

Pour vos voyages par

voie aérienne ou voie maritime,

SERVICE

DENIS FRERES agrée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BÁCH KHOA *trong số này*

Số 184 ngày 1-9-64

PHẠM-LƯƠNG-GIANG *10 năm bang giao Việt-Nam — Indonesia* 3

THU-THỦY *Moise Tschombé, lãnh tụ ba mươi lăm tuổi, của xứ Congo 4 tuổi* 13

ĐOÀN-THÊM *góp ý kiến về chương trình Trung-học* 19

NGUYỄN-HIẾN-LÊ *góp ý kiến về chính sách cách mạng của Bộ Quốc Gia Giáo Dục* 27

L.M. PARREL *đề nghị một chương trình giáo dục chuyên về nông nghiệp* 35

VŨ-HẠNH *con đường công chức* 47

DOHAMIDE *nguyên tắc hành đạo của Hồi-giáo* 53

NGUYỄN-HỮU-DUNG *kỹ thuật du kích trong chiến tranh cách mạng của Cộng-sản* 58

VŨ-BẢO *một giai đoạn mới trong cuộc tranh chấp Bắc-Kinh Mạc-Tư-Khoa* 63

PHAN-DU *uất hận lên men (truyện ngắn)* 69

VÕ-HỒNG *tình yêu đất (truyện ngắn)* 83

SINH HOẠT

LÊ-TẤT-ĐIỀU *(thuật) sinh viên tranh đấu* 91

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Họ Hồ 10 năm ở miền Bắc (IV)	NHƯ-PHONG
Jean Dupuis hay Bắc-kỳ túng rối	NGUYỄN-PHƯƠNG
Nhân việc tranh chấp Việt-Nam/ Cambốt trước Hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp-Quốc	PHẠM-TRỌNG-NHÂN
Chánh sách ngoại-giao của Thái-Lan	NGỌC-NÊ
Cần nâng cao trí-thức của Đại chúng	NGUYỄN-HIẾN-LÊ
Đạo đức học đường	VŨ-HẠNH
Nhạc Jazz	TRẦN-VĂN-KHÊ
Nhiễm-sắc-thể và di-truyền tính	VÕ-QUANG-YẾN
Vấn đề phát triển ngành ngư nghiệp tại Việt-Nam	LÊ-DŨNG-DÂN
Lược-khảo về tiểu-thuyết trinh-thám Anh	NGUYỄN-TRẦN-HUÂN
Những xu hướng mới trong âm nhạc	TÔN-THẤT-TIẾT
Vài kỉ-niệm về nhà văn Nhất-Linh	NGUIỄN-NGU-Í
Một ngày của Ivan (Dịch A. Soljénitsyne)	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
Gió trên đồi (truyện ngắn)	TRÙNG-DƯƠNG
Trường hợp của Mãnh (truyện ngắn)	NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ
Quê nhà (truyện ngắn)	Y-UYÊN
Vết thương dậy thì (truyện ngắn)	TÚY-HỒNG
Nước sông (truyện ngắn)	YÊN-HL

10 năm bang-giao Việt-Nam — Indonesia

● PHẠM-LƯƠNG-GIANG

NGÀY 6-8-1964 : Bộ ngoại-giao cho mời Tổng lãnh sự Indonesia tại Saigon, đến để phản kháng về các vụ: Chánh-phủ Indonesia dung-túng hai nhân-viên Việt-Cộng công-khai mạt-sát Việt-Nam Cộng-Hòa ; Tổng-Thống Soekarno gửi điệp-văn mừng và Thứ-Trưởng Ngoại-giao Suwito — (trong thời-gian Ngoại-trưởng Subandrio đi công-cán vắng) — đích thân tới dự « Đại-Hội » do hai nhân-viên trên đây tổ-chức, tuyên-truyền cho phong-trào «Giải-Phóng Miền Nam»... Bộ Ngoại-giao yêu cầu Tổng lãnh sự Indonesia cho biết quan-điểm của chánh-phủ ông càng sớm càng hay.

Ngày 10-8-1964. *12 giờ 5* : một nguồn tin có thẩm quyền cho biết hai Tòa Tổng lãnh sự Indonesia tại Hànội và « Việt-Nam Dân Chủ Cộng-Hòa » tại Djakarta, một ngày rất gần đây, sẽ được nâng lên hàng Đại - sứ quán. *16g00* : Bộ Ngoại-giao cho mời Tổng lãnh sự Indonesia và viên này xác-nhận tin trên, đồng thời, với tư-cách cá-nhân cũng như nhân-danh chánh-phủ, phát biểu ý-kiến « nền bang-giao Việt-Nam — Indonesia nên được duy-trì với cấp-bậc Tổng lãnh sự quán như hiện nay ». Bộ Ngoại-giao trả lời sẽ xét vấn-đề sau. *19g00* : Bộ Ngoại-giao thông-cáo trên đài phát thanh và gửi điệp văn tới Tòa Tổng lãnh sự Indonesia, loan tin « chánh-phủ V.N.C.H.

---

(1) 1955-1964. Indonesia trước đây còn thuộc Hà-Lan, tên nước là « Indes Néerlandaises », ta kêu « Nam-dương quần-đảo », nghĩa là những quần-đảo ở miền bể lớn phía Nam. Khi nước độc lập, tên đổi là « Indonesia », hay « Indonesia ». tùy khi viết tiếng Pháp hay tiếng Anh ; ta kêu là « Nam-dương ». Năm 1961, tòa Tổng lãnh sự tại Saigon gửi điệp văn cho Bộ Ngoại-giao VN, yêu cầu chánh-thức tên nước từ nay được kêu là « In-đô-nê-xia », « Indonesia » hay «Indonesie » tùy trường hợp dùng tiếng Việt, tiếng Anh hay tiếng Pháp.

cho chỉ-thị Tòa Tổng lãnh sự tại Djakarta ngưng hoạt-động kể từ ngày hôm nay, và yêu-cầu chánh phủ Indonesia triệu-hồi Tòa Tổng-lãnh-sự của mình, sớm ngày nào hay ngày ấy ».

20g00 : Tổng-lãnh-sự Indonesia hội-kiến với một Giám-đốc chánh-trị Bộ Ngoại-giao để cùng quyết-định thủ-tục triệt-thoái Tòa Tổng lãnh sự.

Ngày 12-8-64. Tổng Trưởng Ngoại giao Indonesia tuyên-bố « không ngạc-nhiên trước phản-ứng của chánh-phủ V.N.C.H. », và ông « đã cho chỉ-thị Tổng lãnh sự Indonesia thu xếp về nước ngay tức khắc ».

Ngày 18-8-64. Tổng lãnh sự Việt-Nam tại Djakarta cùng nhân viên và gia-đình về tới Saigon.

Ngày 23-8-64 : Tổng lãnh sự Indonesia tại Việt-Nam cùng nhân-viên và gia đình từ-biệt Saigon, lên đường về Djakarta.

Những giòng trên đây, hùng hồn và ngắn ngủi, có thể coi như trích lục bản « khai tử » nền bang-giao Việt-Nam — Indonesia kết quả của mười trời năm chánh-trị phiêu lưu và tình-duyên gượng-gạo...

Chúng ta hãy cũng ôn lại những đoạn chánh của cuộc tình-duyên chánh-trị này, kể từ 1955 cho tới 1964.

***

Sau Hội-nghị Bandoeng năm 1955, Việt-Nam Cộng-Hòa và Indonesia thiết-lập quan-hệ bang-giao trên cấp bậc Tổng lãnh sự quán. Tính cho tới năm 1961, xuốt trong 6 năm trời, chính-tình biến-chuyển mỗi ngày thêm phức-tạp đã khiến Indonesia đối với VNCH

lần lần đi từ thái độ « vô tư », « lạnh lùng », cho tới « bất thân - thiện »... Rồi đến năm 1964, Indonesia trở nên « đối lập » đến mức coi thường cả những nguyên-tắc sơ-đẳng của xã-giao quốc-tế...

Buổi đầu, Indonesia tự nhận là không thuộc khối nào (1) nên cố giữ thăng bằng đứng giữa hai miền Việt-Nam Nam Bắc. Indonesia không công-nhận Việt-Nam Cộng-Hòa và « Việt-Nam Dân Chủ Cộng Hòa» trước pháp lý (2). Chỉ công nhận hai miền trên thực-tế (3), Indonesia đặt Tổng Lãnh sự quán tại Saigon và Hà-nội, và nhận Nam-Bắc Việt - Nam song song cùng đặt Tổng Lãnh sự quán tại Djakarta. Cuộc thi đua bắt đầu, và Indonesia mỗi ngày thêm nghiêng về phe tả !

Cuộc chuyển hướng bắt nguồn từ nhiều lý do, trong số ta phải kể những sự kiện lịch-sử, tình cờ hay cố hữu, từ trong phát ra, hay từ ngoài đưa tới.

Indonesia ác cảm với Hoà-lan, do đó ác cảm lây với tất cả các nước đã thống-trị, bạch chủng trong số có Pháp và Mỹ.

Indonesia cho rằng : trước 1954, V. N. đã đi đôi với Pháp; sau 1954, V.N. lại trở nên «chư hầu» của Mỹ ! Và đối với một số nhà lãnh-đạo Indonesia, thì còn lâu lắm, bạch-chủng mới gột rửa được một phần nào tội lỗi của thực-dân

---

(1) Non-alignement.

(2) reconnaissance de jure, có thể đặt sứ quán.

(3) reconnaissanes de facto, chỉ có thể đặt tới Tổng Lãnh sự quán là cùng.

Hòa-lan đã thống-trị Nam Dương (1) trong liền ba thế kỷ !

Ngoài ra, ta cũng không nên quên là do sự tình cờ của lịch-sử trong mấy năm qua, đa số những bạn thân của Việt-Nam lại là những kẻ thù bất cộng đái thiên của Indonesia ! Nước Anh rất thông cảm tình-trạng và ủng-hộ Việt-Nam, thì đầu năm 1964, vì vấn đề Mã-Lai-Á, ý-kiến bất đồng giữa Anh và Indonesia đã khiến tòa Đại-sứ Anh tại Djakarta bị dân chúng mệnh danh là tự động biểu tình, phản đối, đập phá, đến mức Đại-sứ Anh và các nhân-viên ngoại-giao bị dồn vào chân tường, đứng trước các phần-tử quá-khích mang súng thị uy (2) ! Mã-Lai rất tha-thiết với V.N.C.H., thì hiện nay, Mã-Lai và Indonesia lại đang lâm tình-trạng không đội trời chung ! Tổng-Thống Soekarno kêu Mã-Lai-Á là : « Con chó giữ nhà cho đế-quốc, canh gác ngay ở ngưỡng cửa Indonesia ! »

Ngoài ra, những ai có mặt tại Indonesia dịp lễ Độc-lập năm 1964 (17-8) đều nhận xét và ghi chú, mặc dù không mấy ngạc nhiên : sự hiện diện của một số quốc khách trung lập, thiên Cộng hay Cộng-sản (Norodom Sihanouk, Trường-Chinh, cùng một số văn-công nghệ-sĩ Việt-Cộng . . .) và phong trào « dân chúng phản đối » nhằm mục đích chánh trị đã gần như đượm mầu sắc bài ngoại, quá khích và thiếu suy xét (biểu tình thị uy trước tòa Đại sứ Mỹ, đóng cửa Nhà Thông Tin Anh, chiếm đóng nhà Thông Tin Mỹ, hăm dọa quốc hữu hóa các nhà máy lọc dầu . . .)

Năm 1959, 1960, Tổng - Thống Indonesia mời Tổng-Thống V.N.C.H viếng Indonesia, và đồng thời ngỏ ý muốn viếng thăm V.N. Nhưng muốn giữ cán cân thăng bằng, Tổng-Thống Indonesia mời cả «Chủ tịch Việt-Nam Dân Chủ Cộng-Hòa», và vị quốc-khách này đã vội vã viếng Indonesia. Sự-kiện khiến Tổng-Thống V.N.C.H. từ khước lời mời, và cũng không mời Tổng-Thống Soekarno viếng thăm Việt-Nam đáp lễ. Nỗi bất bình đã reo hạt, nẩy mầm, tình trạng mỗi ngày trầm-trọng khiến Tổng-Thống Indonesia hiểu thắng, không những ác-cảm. Tổng-Thống VN vì tự-ái bị thương-tổn mà còn bất-bình cả chánh phủ và dân-tộc V.N. vì chánh-kiến . . . Về phần Tổng-Thống V.N. khi đó, cũng tỏ thái-độ lạnh nhạt với Indonesia trung-lập.

Nhưng khúc rẽ của chánh-sách Indonesia đối với V.N.C.H., có lẽ rõ-rệt nhất là từ năm 1961 Việt-Cộng khai sinh cho « Phong-trào giải phóng miền Nam ». Các chánh-khách Indonesia không ngớt lời cổ-võ, tán-tụng, công-khai, không cần e-dè, không lo giấu giếm. Mỗi lần Bộ Ngoại-giao tại Saigon hay Tòa Tổng lãnh sự ta tại Djakarta đều có phản-kháng, và mỗi lần nhà hữu trách Indonesia lại thoái-thác, nói quanh ! Chúng ta có thể lần lượt ôn lại các cuộc đối-thoại lịch sử hy-hữu đó !

Năm 1962. Nguyễn-Văn-Hiếu (3) cầm đầu một phái đoàn mệnh-danh là

---

(1) tên cũ của Indonesia.

(2) các nhân-viên ngoại-giao Anh đã rất bình tĩnh, và đoàn biểu tình đã giải-tán.

(3) Một sự tình cờ phi lý : khi đó, Tổng lãnh sự V.N.C.H. tại Djakarta cũng tên là Nguyễn-Văn-Hiếu.

đại-diện «Mặt Trận Giải Phóng miền Nam » viếng « thiện-chí » Djakarta. Tổng - Thống Soekarno chánh - thức tiếp-kiến, và tuyên-bố với khách là « cuộc tranh-đấu của nhân-dân miền Nam hợp với chánh-nghĩa, vì vậy thế nào cũng thành công ». Hãng thông-tấn AFP cho biết là Tổng-Thống Soekarno còn xác nhận « cuộc tranh-đấu này so với cuộc khởi-nghĩa của Indonesia chống thực dân đế-quốc cũng cùng chung ý-nghĩa ! »

Bộ ngoại giao V.N.C.H. phản kháng. Tổng lãnh sự Indonesia tại Saigon phủ - nhận và nguy - biện trả lời : « Nguyễn-Văn-Hiếu viếng Djakarta là do lời mời của « Ủy-ban đoàn-kết Á-Phi » tại Indonesia chuyển tới « Ủy-ban đoàn-kết Á-Phi » tại Nam-Việt (? !), chớ chánh-quyền Indonesia không hay biết gì ; hơn nữa, không hề tuyên bố như hãng thông-tấn AFP đã loan tin, Tổng-Thống Soekarno chỉ phát-biểu ý-kiến rất đại-cương và lý-thuyết, là *tranh đấu vì chánh-nghĩa tất nhiên sẽ thắng*. Tổng-Thống tuyệt-nhiên không ám-chỉ một quốc-gia nào !

Cũng năm 1962, Indonesia tổ-chức Á-châu Vận-động-hội tại Djakarta. Là lần đầu đặt chánh-trị xen lẫn vào thể-thao, ban tổ chức đã chịu áp lực của Trung-Cộng để gạt Trung-Hoa Quốc gia ra ngoài, và chịu ảnh-hưởng của các quốc-gia Á-Rập trung-lập hay thiên-tả để bỏ rơi Do-Thái ! Các quốc-gia khác công-kích và ủy ban trung-ương Thể-Vận Hội Quốc-Tế khiển-trách đã khiến Indonesia phản ứng. Trước kia Tổng Thống Soekarno định-nghĩa : «Các lực-lượng đang tiến» (New emerging forces : lực lượng đang tiến, đang lên, hay đang thời phát triển...) như một thành-phần trong thế-giới chia làm ba phe :

Các lực-lượng cố-định : các nước tư bản, đế quốc, thực-dân ;

Các lực-lượng cấp-tiến : các nước theo chủ-nghĩa Xã-hội hay Cộng-Sản;

Các lực lượng đang lên : các nước mới dành lại độc lập, đang mở mang.

Đến năm 1963, nhân lễ độc-lập ngày 17-8, Tổng Thống Soekarno định-nghĩa lại, và chia thế-giới làm hai phe, tương-phản :

— Các lực-lượng cố-định,

— Các lực lượng đang lên, gồm các quốc-gia Á-Châu, Phi-châu và Châu-Mỹ la-tinh; các quốc-gia Xã-hội, Cộng-sản; các quốc-gia cấp-tiến trong khối các lực lượng cố-định trước đây...

Thoạt đầu, cũng tưởng đối với Indonesia, quan-niệm chỉ có ảnh-hưởng là thâu hẹp và lôi kéo về mình một số quốc-gia tham-dự Vận-động Hội các lực lượng đang lên (Ganefo : Games New Emerging Forces), Nhưng về sau, quan-niệm đã dần dần ảnh hưởng tới chánh-sách đối ngoại của Indonesia muốn đóng vai cường quốc lãnh đạo trong khối các quốc gia đó !

Ngoài ra, do tình trạng kinh-tế hỗn-độn, đảng Cộng Sản Indonesia tăng cường hoạt-động, đã ra công ủng hộ Việt-Cộng. Và Việt-Cộng đáp lại, họa lời, càng gắng sức tuyên truyền cho « Mặt trận giải phóng miền Nam », cùng là khuyến khích Indonesia trong công cuộc chống đối Mã-lai Á.

Nguyễn-Hữu-Thọ sang viếng Indonesia, yết kiến các nhà lãnh đạo Indonesia. Hoạt động của Cộng Sản Indonesia và Cộng Sản Việt Nam đã tìm thấy đối tượng và đường lối, để cùng nâng đỡ lẫn nhau trên đường tranh đấu...

Cuối năm 1963, « Mặt trận giải phóng miền Nam » cùng với « Ủy ban đoàn kết các dân tộc Á-Phi » tại Indonesia, đã tổ-chức một tuần lễ đoàn-kết, tuyên-truyền hoạt động bằng đủ mọi phương tiện và thủ đoạn. Phái đoàn Nguyễn-Thị-Bình qua Indonesia công cán. Tòa Tổng lãnh sự ta phản-kháng, yêu cầu chánh phủ địa phương hủy bỏ các tổ - chức kia. Lẽ dĩ nhiên lời phản-kháng của ta vô hiệu - quả ! Không những vậy, Tổng Thống Soekarno sống sượng trong khi tiếp phái-đoàn Nguyễn-Thị-Bình, vui câu chuyện, còn không ngần ngại tuyên bố «hy-vọng cuộc tranh đấu của nhân dân miền Nam sẽ thắng lợi » và Tổng-thống « mong sẽ có hân-hạnh viếng thăm thủ-đô Saigon đã được giải-phóng !».

Bộ Ngoại-giao V N C H kịch-liệt phản-ứng, cho mời Tổng lãnh sự Indonesia để trao tận tay một kháng - điệp về lời tuyên bố vô-tri của Tổng Thống Soekarno.

Đầu năm 1964, đệ tam Phó Thủ Tướng Indonesia Chaerul Saleh khi tiếp phái đoàn Nguyễn-Thị-Bình, cũng phát biểu ý kiến «chánh phủ và dân tộc Indonesia có bổn-phận ủng hộ mặt trận giải phóng miền Nam». Về phần ông Sudibjo, Bộ-Trưởng, Tổng Thư Ký mặt trận quốc-gia Indonesia, đi xa hơn, còn tuyên-bố thật nồng-hậu và chi-tiết «hoàn toàn ủng hộ cuộc tranh-đấu của nhân dân dưới quyền chỉ huy của Mặt trận Giải-phóng miền Nam» cùng là hứa hẹn «sẽ thăm viếng Việt Nam đã thống-nhất. Như vậy, có thể thăm viếng cả hai miền Nam Bắc...»

Tòa Tổng Lãnh Sự Việt Nam Cộng Hòa yêu cầu Bộ Ngoại giao Indonesia phủ-nhận các vụ trên do báo chí loan tin, đồng thời phản kháng kịch-liệt, nếu một phần nào các vụ đó là có thực.

Bộ ngoại giao Indonesia nhận kháng điệp, không hề hồi-âm chi-tiết, mà chỉ trả lời vắn tắt «là đã nhận được điệp văn của Tòa Tổng Lãnh Sự Việt Nam Cộng Hòa phản kháng ! » Trong việc giao thiệp giữa các cá-nhân cũng như giữa các quốc gia, lịch sử cổ-kim thiết nghĩ chưa bao giờ lại có những hành động, những cử chỉ, những chủ-trương trâng-tráo, thất-lễ, vô-tri, tráo trở đến thế !...

Ngày 20-7-1964, « Ủy ban đoàn kết với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, Lào và Cambodge» (1) tổ-chức «mít-tinh» kỷ niệm đệ thập chu-niên Hiệp-định Genève, mạt sát các chánh-phủ quốc-gia, trong số có VN CH. Có tới 2.500 người tham dự, đại đa số thuộc thành-phần công nhân các xí-nghiệp, nhân dân thiên Cộng hoặc Cộng-sản, tới nơi bằng phương tiện chuyên-trở tập-đoàn. Trong số các yếu-nhân Indonesia tới dự «cho thêm tăng phần long trọng », có các ông Maladi Tổng-Trưởng Thể-Thao, Suryadarma Tổng-Trưởng tại Phủ Tổng-Thống. Đại-sứ

---

(1) có nghĩa : Việt Cộng, Lào Cộng, Cambodge trung lập, chống đối Mỹ...

Cambodge, Tổng Lãnh sự Việt-Cộng cũng có mặt tại cuộc «mít-tinh» này. Tổng-Thống Soekarno gửi thông-điệp khuyến-khích, do đệ tam Phó Thủ-Tướng Chaerul Saleh đọc. Sau đó, các yếu-nhân kể trên cũng lên tiếng, chúc mừng công cuộc thắng lợi. Rồi ủy - ban thông qua một quyết - nghị gồm 7 điều, trong số có mấy điểm chánh đáng chúng ta lưu ý :

— điều 2 : « Quân-đội Mỹ hãy rút lui khỏi miền Nam Việt-Nam, đình-chỉ can-thiệp vào nội tình Việt-Nam, và để yên cho dân-tộc Việt-Nam giải-quyết lấy vấn đề nội-bộ. »

— điều 4 : «Hoa-Kỳ hãy chấm dứt những vi-phạm biên giới Cambodge.»

— điều 5 : «quan-hệ bang-giao giữa Cộng-Hòa Indonesia và Dân-chủ Cộng-Hòa Việt-Nam phải được nâng lên cấp bậc Đại sứ quán».

— điều 6 : «Chánh-phủ Indonesia tham-dự công-cuộc giải-quyết bài toán Việt-Nam theo nhãn tuyến của người Á-đông.»

Khoảng đầu năm 1964, «Mặt-trận Giải Phóng Miền Nam » cử hai nhân-viên Lê-Quang-Chánh và Huỳnh-Văn-Bá tới Djakarta hoạt-động. Thoạt tiên, các đương sự viếng thăm Indonesia với tư-cách du-khách, nhưng sau chiếu-khán cứ được lần lần triển-hạn (2 tháng, 3 tháng, 6 tháng, tổng cộng là 11 tháng), và các hoạt động dần dần ra ngoài ánh sáng. Rồi đến giữa năm 1964, các đương sự in danh-thiếp còn ghi địa-chỉ, số điện-thoại, và cả cơ quan « National Front for Liberation of South Vietnam » mà các đương-sự là đại-diện !

Tổng Thống Soekarno

Mặc dù không đồng ý kiến với ông, chúng ta cũng phải công nhận Tổng Thống Soekarno là một nhân vật khác thường, thù cũng nhiều mà bạn cũng lắm, người khen không ít mà kẻ chê cũng thật sa số hàng hà ! Ông có những đặc tính rất mâu-thuẫn : rất bình dân mà cũng rất kiêu-căng, rất giản-dị mà cũng rất phức-tạp, rất sáng-suốt, điềm-tĩnh, mà một đôi khi thật mù-quáng, nông-nổi. . .

Có lẽ đặc-tính đáng ai nấy lưu ý nhiều nhất ở ông, là đặc-tính hiếu-sắc ! Chúng ta chưa quên về điểm này, tên ông đã được nhắc nhở rất nhiều và không mấy thán-phục, nhân mấy vụ công du qua Thái-Lan, Nhật-Bản, và nhất là ở Hoa-Kỳ...

Ông có tới 4 bà vợ ; mỗi bà ở mỗi tỉnh, phụ-trách mỗi nhiệm-vụ khác nhau.

Tại Indonesia, các ấn-phẩm có tính-cách định kỳ, nhà xuất bản phải xin phép Bộ Thông Tin trừ khi cơ quan phát hành thuộc một phái-bộ ngoại giao hay lãnh-sự, thì không kể. Chưởng lý có quyền cấm phổ biến ấn-phẩm nếu xét nội-dung có hại về phong tục hay chánh-trị.

Lê-Quang-Chánh và Huỳnh-Văn-Bá phát hành bản thông tin, mạt sát thoá mạ chánh phủ ta. Vào khoảng tháng 7, Tổng lãnh sự V.N.C.H. tới Bộ Ngoại-giao phản kháng. Giám-đốc Nha Đông-Á Thái-Bình-Dương tiếp kiến, tỏ vẻ ngượng ngùng vì đại-diện « Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam » hoạt động quá lố lăng, sống sượng : ông cho biết Bộ Ngoại giao đang chú trọng cứu-xét vấn đề này, và sẽ trả lời sau . . .

Tòa Tổng lãnh sự theo dõi, và được biết là Bộ Ngoại giao Indonesia đã khuyến-cáo Huỳnh-Văn-Bá, Lê-Quang-Chánh, «không nên tuyên bố lớn tiếng với báo chí, mà chỉ nên hoạt động lặng-lẽ về bề sâu, tiếp xúc với các tổ chức nhân-dân và quần chúng» ! Đồng thời, các bản thông-tin có định kỳ tiếp tục lưu hành, nhưng không ghi ngày tháng, mà chỉ đánh số thứ tự...

Chúng ta không cần bình-luận dài về những sự kiện này. Những cách xử-trí như vậy có giá-trị của nó, xứng đáng với phẩm-cách những người đã chủ-trương, áp dụng...

Tình trạng như thế tiếp-diễn cho đến đầu tháng 8-1964, thái-độ của nhà cầm quyền Indonesia trở nên mỗi ngày thêm bất thân-thiện như đã ghi ở đoạn đầu thiên khảo cứu này.

Có bà từ ngoại quốc đưa về ; có bà nguyên là vợ một bác sĩ riêng của ông, đã có 5 con, nay ly-dị để kết duyên với Tổng Thống.

Nhưng mặc dù vậy, không một công dân nào, kể cả các đối phương chánh-trị, đã công-kích cuộc đời quá lãng-mạn của ông, nhất là đối với một vị Quốc trưởng của 95 triệu dân... Ngoài ra, cách ông tiêu-sài cho bản thân ông và các bà thê-thiếp, cũng khiến các quan-sát viên Âu Tây đàm-tiếu...

Có lẽ tại vì ông khéo nói, và tài hoạt-bát của ông có thể liệt vào hạng « cự-phách » trong chánh giới, không những tại Indonesia mà còn tại cả Đông Nam Á ! Ông có thể bất thình lình, xuất khẩu thành văn, diễn thuyết bất cứ về vấn-đề gì, hàng 1, 2 hay 3 giờ mà không cần giấy tờ và không biết mệt ! Dù là bằng Thổ-ngữ hay Anh-văn, nói chuyện với đồng bào hay người ngoại quốc, ông dùng chữ văn vẻ hay nôm na, đứng đắn hay cợt đùa là tùy vấn đề, tùy tính-tình và trình-độ văn hóa của người nghe chuyện...

Đúng ra, ngay từ tháng 7-1964, một số chánh-trị gia VN đã đề nghị nên đoạn-giao với Indonesia. Nhưng một số hữu-trách khác ngỏ ý nên đợi chờ, hy-vọng thành công cảm-hóa các nhà cầm quyền Indoneria sẽ biết điều hơn trước. Nhưng sự thực đã tới, phũ phàng và sống sượng... Indonesia muốn nâng quan-hệ bang giao với Bắc-Việt lên cấp bậc đại sứ quán, và duy-trì

quan-hệ bang giao với VNCH «như hiện tại», nghĩa là cấp bậc Tổng Lãnh sự quán ! Thật cổ-kim chưa bao giờ một quan-niệm chánh-trị, một phương pháp xử thế, lại mâu-thuẫn, ngạo mạn, tự đại, thiếu thiết thực và bất lịch sự đến như vậy ! Và chánh-phủ VNCH, không thể làm gì khác hơn là đoạn-giao với chánh phủ Indonesia, mặc dầu tin tưởng ở tình bạn giữa hai dân-tộc không hề xuy-xuyễn...

***

Ngày 17-8-1964 là lễ quốc khánh Indonesia, lần thứ 19 kỷ niệm nền độc lập được thâu hồi. Một tuần lễ sau khi Việt Nam — Indonesia đoạn-giao, Tổng Thống Soekarno đã nhân dịp này đả-kích Mỹ « xâm-lăng » Bắc Việt về vụ Vịnh Bắc Việt, và đả kích V.N.C.H không sáng suốt am hiểu tình thế, vì sớm muộn «lãnh thổ Việt Nam sẽ thống nhất trong tự-do» (1). Tổng Thống Soekarno «tuyên bố trước toàn thể thế-giới : không gì có thể ngăn cản tình bạn tha thiết giữa Cao-Ly, Việt - Nam, Cambodge và Indonesia (2) », rồi ông ca ngợi Thái tử Nomodom Sihanouk đã cầm cự đắc lực trước sự tấn công khốc liệt của các nước đế quốc, và tin tưởng miền Nam Việt Nam cùng miền Nam Cao Ly sẽ sớm trở lại với tự do ». Ông nhắc đi nhắc lại để không giấu giếm thiện-cảm đối với Việt cộng, trước khi nhấn mạnh là « những can-thiệp của ngoại bang vào nội-tình Việt Nam không thể nào giải quyết vấn đề...». Để kết thúc về mục này, Tổng Thống Soekarno tán thưởng những quan niệm của

Tổng Thống De Gaulle đề nghị trung lập hóa Miền Nam Việt Nam : đề nghị mà tất cả chúng ta đều đã cương quyết phản đối vì biết rõ nguy hiểm và tai hại tới mức nào.

Chúng ta không thể nhận Soekarno trong hàng ngũ bạn của dân tộc Việt-Nam, với những ý-nghĩ dị-kỳ như vậy...

Nhưng tại sao Soekarno lại vội vã cụ-thể-hóa mối cảm-tình nồng-nhiệt mà ông sẵn có với Việt-Cộng từ đã mấy năm nay ?

Chúng ta cần hiểu một vài chi tiết chánh trị, và đi ngược dòng thời gian từ mười hai tháng vừa qua :

10) Trước hết, những vụ khủng hoảng chánh trị do chánh sách kỳ thị tôn giáo gây nên, cũng hồi này năm ngoái, khiến một số chánh khách quốc-tế, sai hay đúng, cho rằng khả-năng chống Cộng của VNCH có suy-giảm một phần nào ! Rồi các cuộc đảo-chánh ngày 1-11-1963, chỉnh-lý ngày 30-1-1964 sau đó, lẽ tất nhiên khiến chánh-quyền VNCH sẽ bận rộn về tổ chức nội bộ, không được rảnh tay và có nhiều thì giờ diệt Cộng và đối ngoại...

20) Đa số các nhiệm sở ngoại giao và lãnh sự của ta, qua một thời gian đã khá lâu rồi mà không hề có trưởng-nhiệm thực thụ, không hề được chấn-chỉnh cho phù-hợp với nhu-cầu của tình-trạng mới, khiến người ngoại cuộc có thể hiểu một phần nào tưởng-tượng

---

(1) Ý Tổng Thống Sorkarno muốn nói Việt Cộng sẽ thắng...

(2) xin hiểu : Bắc Cao, Việt Cộng, Cambodge và Indonesia.

chúng ta đang vấp phải những khó khăn nội bộ chưa giải quyết xong.

3o) Ta thắng lợi trong vụ Việt-Nam/Cambodge tranh chấp trước Hội-đồng Bảo-an LHQ dịp tháng 6-1964, và trong vụ này, thiện cảm của Soekarno là tất nhiên hướng về phía Norodom Sihanouk.

4o) Phái đoàn Đại-Tướng Trần-Thiện Khiêm (1) thành công trong cuộc viếng thăm thiện-chí Kuala-Lampur. Và chúng ta không nên quên Indonesia và Đại Mã-lai-Á là hai kẻ thù bất cộng đái thiên ! (Trung tuần tháng 8, có tin nghĩa quân Indonesia đổ bộ lên miền duyên hải Đại Mã lai Á, và Đại Mã lai Á tố cáo sự việc trước Hội đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc mặc dầu chưa quyết-liệt yêu cầu triệu-tập phiên họp bất thường).

5o) Việt-Cộng khiêu-khích Hải-quân Hoa-Kỳ tại Vịnh Bắc Việt ngày 2 và 4/8/64, do đó bị Hải quân Hoa Kỳ trả đũa tấn công oanh tạc các cứ điểm quan trọng tại Bắc Việt.

6o) Các nước trung-lập hay thiên Cộng, hồi gần đây, dụng công gắng sức xiết chặt hàng ngũ «ve vãn» Tổng thống Soekarno hiếu thắng và giàu lòng tự-ái. Thái - Tử Norodom Sihanouk Quốc trưởng Cambodge đích thân sang công-du Indonesia một tuần lễ, nhân dịp Quốc Khánh; và cũng nhân dịp Quốc-Khánh, Trường-Chinh từ Hà-Nội sang Indonesia chúc mừng có mang theo cả một đoàn «văn-công» «nghệ sĩ» tới 70 người, để trình diễn tại Djakarta, củng cố tình giao hảo !

Tất cả những điểm ghi trên đây, và nhất là điểm 6, đã ảnh-hưởng rất nhiều đến phản-ứng của Tổng-Thống Soekarno về vấn-đề bang-giao Việt-Nam — Indonesia. Đó là những yếu-tố mà chúng ta có thể phân-tích để khả dĩ tiên-đoán về mỗi trường-hợp bang-giao, ngõ hầu khi cần tới, áp-dụng những biện-pháp cứng-rắn, chứng tỏ một thái-độ dứt-khoát . . .

Lịch sử là một cuộc tái-diễn không ngừng. Và sự cáo-chung của nền bang giao Việt-Nam — Indonesia có thể coi như một trường-hợp điển-hình, để chúng ta cùng lưu-tâm nghiên-cứu, khả-dĩ dứt-khoát và minh-bạch nhận những ai là bạn, và những ai không là bạn . . .

PHẠM-LƯƠNG-GIANG

---

(1) Khi đó, Đại tướng còn là Trung-Tướng.

CÁO LỖI

Vì lý do sức khoẻ của tác giả, bài **« Họ Hồ 10 năm ở miền Bắc »** phải tạm hoãn lại một kỳ.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc Bách-Khoa.

QUÀ TRANG NHÃ

BẠN ĐỌC HÃY TÌM CHO ĐƯỢC :

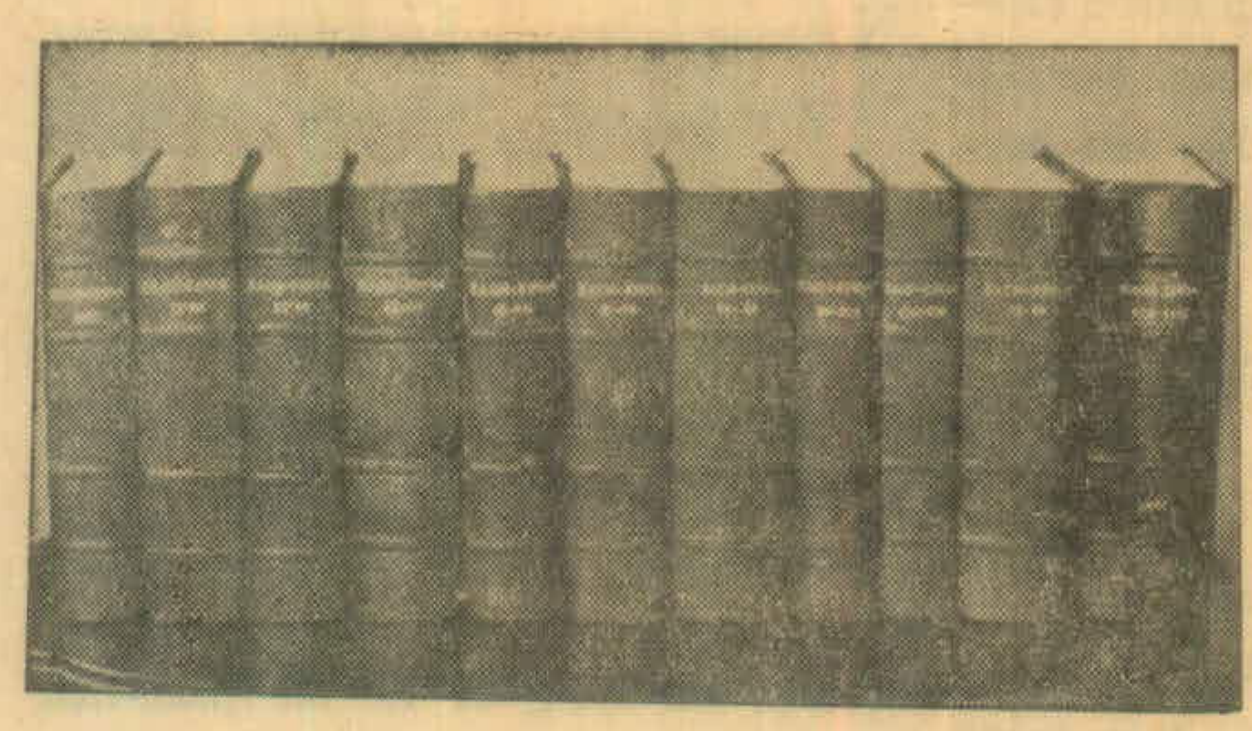

BÁCH - KHOA ĐÓNG TẬP

6 NĂM : 16 TẬP

(144 SỐ)

8 TẬP (1957 — 60) MỖI TẬP 12 SỐ (giá 1 tập 110).

8 TẬP (1961 — 62) MỖI TẬP 6 SỐ (giá 1 tập 65).

(ở xa thêm cước phí)

MỘT BỘ BÁO CUNG ỨNG TÀI LIỆU MỌI MẶT, VỚI TRÊN 1500 BÀI BIÊN KHẢO VÀ TRÊN 1000 SÁNG TÁC VĂN NGHỆ ĐỦ LOẠI CÙNG 3 CUỘC PHỎNG VẤN LỚN VỀ VĂN NGHỆ VÀ HỘI HỌA

MỘT BỘ BÁO LỢI ÍCH CHO MỌI GIA ĐÌNH

XIN HỎI TẠI CÁC HIỆU SÁCH VÀ TẠI TÒA SOẠN

BÁCH-KHOA *160, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG — SAI-GON*

MOISE TSCHOMBÉ

lãnh tụ ba mươi lăm tuổi của xứ Congo bốn tuổi

● THU-THỦY

TRONG một tác phẩm viết về Congo *(Katanga and back)*, ông nguyên đại diện Liên-Hiệp-Quốc tại Elisabethville là Conor Cruise O'Brien nhận xét về Tschombé như sau : « Ông ta nhanh trí, nhưng không có nhãn quan sâu sắc. Gần như không thể nào thương thuyết được với ông. Ông ta mâu thuẫn, dối trá mà không hề ngượng mồm. Bị bắt gặp quả tang đang lừa dối, ông ta làm ra bộ điệu một người không hiểu, và theo tôi nghĩ thì ông ta cảm thấy thương hại tội nghiệp cho sự ngây thơ của một người đối thoại cứ chờ nghe sự thực trong khi công việc ông ta chỉ là nói láo ».

Nhận xét ấy nghe thật nghiêm khắc, mà có lẽ đúng. Hồi tháng 12 năm 1961, lần đầu tiên ký giấy đầu hàng Liên-Hiệp-Quốc, chịu chấm dứt tình trạng phân tranh ở Katanga, sau khi hạ bút ký giấy tờ xong, bốn giờ đồng hồ sau Tschombé tuyên bố quả quyết rằng mình không hề ký kết gì cả.

Một người bênh vực cho Tschombé là Max Clos chịu nhận rằng những chuyện như thế quả có xảy ra, nhưng có nên trách một nhà chính trị về tội nói láo vì lợi ích quốc gia chăng, và giữa một người dối trá mà có tài cứu quốc với những người ngay thực mà bất tài thì nên chọn bên nào ? Nói thế bởi vì Max Clos cho rằng hiện thời, trong tình thế nầy, ở Congo chỉ có Tschombé là có hy vọng gỡ rối được mà thôi.

Hiện tình ở Congo đang đưa xứ này lên hàng những mối lo lớn của thế giới. Bốn năm trước, Congo vừa được trao trả độc lập thì ở đó phát sinh rắc rối ngay, rắc rối

cực kỳ gay cấn, vì thái độ ngoan cố của thực dân Bỉ, vì chủ trương khuynh tả nguy hiểm của Lumumba, vì chủ trương tách riêng Katanga của Tschombé, rắc rối đến máu đổ xương rơi, đến nỗi Liên-Hiệp-Quốc phải kêu gọi các xứ hội viên đóng góp quân lực, phái binh đội đến can thiệp, và đến nỗi Liên-Hiệp-Quốc phải thiệt mất ngay tại đấy một vị Tổng thư ký lỗi lạc. Sau đó, Lumumba bị hạ sát, Tschombé đầu hàng, Liên-Hiệp-Quốc giúp đỡ thành lập chính quyền trung ương Congo do Adoula cầm đầu. Tình thế có vẻ êm dịu ; ít ra là đã vài năm nay báo chí không nêu Congo lên trang nhất nữa, các đài phát thanh không loan tin Congo ngày một nữa. Thế rồi, gần đây, Congo bỗng nhiên trở lại thành một đề tài thời sự : Quân đội LiênHiệp-Quốc hết hạn kỳ trấn đóng, phải cấp tốc trù liệu những biện pháp làm cho xứ này tự mình giữ được trật tự. Vì sự thực, trật tự ở đây hiện rất khó giữ nổi : một phần quân đội chưa chịu qui thuận chính phủ trung ương, đồng bạc sụt giá, quyền hành chính phủ Adoula tiên thực tế không lan rộng ra khỏi thủ đô, xô xác xung đột giữa các bộ lạc xảy ra liên miên v.v... Biện pháp nào, nhân vật nào giải quyết được tình thế ấy ?

Giữa lúc đó, Moïse Tschombé xuất hiện và được chọn lựa. Người ấy hiện đang cầm quyền ở Congo.

Tại sao vậy ?

Theo Tschombé thì là bởi vì ông ta tự xét có đủ tư cách hơn mọi người. «Tôi không phải như bọn lau nhau vô giá trị ở Léopoldville ấy, như những anh cô-mi bưu-điện, những anh viên chức giữ kho hàng được bốc lên hàng bộ trưởng ấy. Tôi, tôi là một người giàu có. Tôi có bò, có nông trại. Tôi không cần làm chính trị để kiếm ăn. Nếu mà tôi ra làm chính trị, ấy chỉ là vì hạnh phúc của dân tộc tôi mà thôi.» Ông Tschombé đã có tiếng là không trung thực, vậy lời tự phán này có nên tin chăng ? Nếu người ta để ý so sánh sản nghiệp của ông Tschombé trước ngày ông ra làm chính trị vì hạnh phúc của dân tộc và sau ngày ấy, cách nhau chỉ có hai năm rưỡi, thì người ta phải đâm ngờ. Trước khi tham chính thì ông Tschombé là một tay buôn bán bị phá sản, gặp lúc Congo được trao trả độc lập, ông nhảy lên vũ đài chính trị, và nhanh như chớp, ông có ngay cả bò lẫn nông trại như ông đã nói.

Chắc chắn không phải người ta chọn lựa ông Tschombé vì đức liêm chính. Nhưng có lẽ là vì ông làm được việc, ông có lương tri, có óc thực tế nhất.

Theo Max Clos (tạp chí *Le Figaro littéraire* số 950) Lumumba là một chính khách đầy ảo tưởng. Ông ta khăng khăng quét sạch bè lũ thực dân đế quốc, xua cho kỳ hết những người Âu ra khỏi nước, trong khi xứ Congo chậm tiến đang cần rất nhiều chuyên viên (Ở những hầm mỏ tại Katanga, Tschombé không cứng rắn với người Âu như thế, và ông

đã chọn được một số người Âu hợp tác chân thành với mình). Ông Lumumba mơ một guồng máy chính trị tổ chức rập theo những quốc gia tân tiến ; một sớm một chiều vừa mới lên cầm quyền ông ta đã đập tan những cơ sở cũ, tước quyền những chúa bộ lạc, đặt ra quận, trao quyền cho quận trưởng. Chẳng bao lâu, các quận tan nát, các chúa bộ lạc giành nhau thu hồi những đất đai bị cắt xén của họ, đánh nhau loạn xạ.

Còn Adoula thì, vẫn theo Max Clos, là người tốt, nhưng trịnh trọng, lễ mễ, mũ cao, áo dài, cách biệt cuộc sống thực tế cho nên cũng không am hiểu gì hơn Lumumba về các đặc tính của xứ sở mình.

Tschombé thì ông ta hiểu. Trước hết vì ông là con rể của một vị chúa bộ lạc, một bộ lạc vào hàng quan trọng nhất xứ Congo, với ba triệu dân số; ông ta biết rõ địa vị trọng yếu của các lãnh tụ bộ lạc luôn-luôn nhậu nhẹt, chưng những bộ da thú đầy nhà, của các tay phù thủy... biết rõ uy tín của họ đối với dân chúng, biết rõ cái lề lối cai trị truyền thống rất ư luộm thuộm «rách nát» ; nhưng đồng thời ông cũng biết rằng nếu nhất đán đá đổ những thứ lạc hậu ấy đi thì sự đổ vỡ sẽ xảy đến trước khi chính quyền trung ương kịp có thì giờ xoay trở.

Hơn nữa, tuy mới ba mươi lăm tuổi, Tschombé lại là người có nhiều kinh nghiệm, vì đã sớm lao mình vào con đường doanh nghiệp. Trong địa hạt này, Tschombé nhận thấy sự bất lực của đồng bào mình, trình độ kém cỏi về kiến thức chuyên môn của đồng bào, tình trạng thiếu thốn cán bộ của xứ sở mình.

Do đó, trong khi các chính trị gia xuất thân từ bàn giấy, say mê ảo tưởng, chủ trương thiết lập nhanh chóng một bộ máy hành-chánh tân tiến và đuổi gấp bọn thực dân đi, thì Tschombé, với óc thực tiễn của mình, chủ trương vỗ về các vị tù trưởng và kêu gọi sự giúp đỡ kỹ thuật của người da trắng. Vấn đề đặt ra cho xứ Congo hiện nay là làm sao chấm dứt tình hình phân tranh, xâu xé hỗn loạn giữa các bộ lạc. và nâng cao mức sống dân chúng. Tschombé hy vọng thái độ thỏa hiệp đối với người da trắng sẽ củng cố cơ sở kinh tế, còn thái độ khéo léo đối với các vị tù trưởng địa phương sẽ vãn hồi trật tự an ninh cho xứ sở ông.

Chủ trương ấy đã thành công ở Katanga. Vào khoảng 1961, 1962, trong khi ở Léopoldville người ta đang mạt sát ông ta kịch liệt, thì dân Congo vẫn trộm liếc mắt về Katanga một cách thèm muồn : ở đó tương đối có an ninh để sinh sống, có la-ve để uống và có thuốc đầy đủ để hút . . .

Từ Katanga tiến lên nắm quyền toàn xứ Congo, Tschombé đứng trước một thế mới, một thử thách lớn. Katanga bất quá là một vùng

vài triệu dân cư, còn Congo có 14 triệu dân số, gồm hàng trăm bộ lạc khác nhau, lúc nào cũng hằm hè chống nhau, với một tình trạng kinh tế không có gì lạc quan. Ngược lại, nếu trước kia Tschombé là địch thủ của Liên-Hiệp-Quốc, của Hoa-Kỳ, ông ta bị coi là một tên phản bội, chạy theo ôm chân quân thực dân Bỉ, thì ngày nay Liên-Hiệp-Quốc rút quân đi, dân chúng lại trao quyền cho ông ta, Hoa-Kỳ lại ủng hộ ông ta,... và mới rồi, các báo lại loan tin ông Tschombé lớn tiếng cảnh cáo thực dân Pháp, đòi đánh nhau với Congo thuộc Pháp, và nhất định là mình dư sức đánh nhau. Rồi ông ta lại xuất quân đánh nhau với những bộ lạc nổi loạn do Trung cộng xúi dục. Hoa-Kỳ vội vã đem máy bay đến giúp ông ta !

Không trung tín, không liêm khiết, nhưng thực tế, láu lỉnh, làm được việc : đó có thể là một hạng lãnh tụ cần thiết trong một trường hợp nào đó chăng ? Xứ Congo đang thí nghiệm sự chọn lựa độc đáo của mình.

THU-THỦY

(Thuật theo tài liệu tạp chí *Le Figaro littéraire*)

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY ◆ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

Chương-trình Trung-học

● ĐOÀN-THÊM

Chương-trình Trung Học, ban hành do nghị-định 12-8-58, được áp-dụng ngay cho các lớp đệ Nhất-cấp từ ngày khai trường Lăm ấy, cho các kỳ thi Tú-Tài I từ 1960, và tú-tài II từ 1961.

Như thế, sự cải-cách 1958 đã tạm đủ thời-gian thí-nghiệm, để có thể xét lại một cách khách-quan : có lẽ những giới hữu - trách cũng đương tiến-hành việc đó. Nên tôi xin góp vài ý-kiến riêng, với sự dè-dặt cần-thiết cho một người ở ngoài giáo-giới.

Trái với một số phụ-huynh, tôi không đòi hỏi sự canh-tân toàn-diện làm đảo lộn cả nhiều sách giáo-khoa, cùng những cách - thức sắp đặt và giảng dạy ở các trường hiện nay.

Ngoài ra, tôi cũng không tán đồng quan-điểm của một số khá đông người hay phàn nàn rằng trẻ phải học nhiều quá. Nhồi sọ là một nạn cần tránh, và sức khỏe của học-sinh phải được chăm nom. Song sự giản-dị-hóa các môn học chỉ có hạn, vì sức học-vấn phổ-thông của thanh-niên V. N. ít ra phải tương-đương với trình-độ trung-bình của hạng cùng tuổi ở nhiều nước tân-tiến. Có như vậy, mới theo kịp thời-đại.

Lại còn một thành-kiến mà các nhà sư-phạm không buồn lên tiếng đánh tan, vì điều mà tôi sắp gợi, đối với các vị, phải được coi là hiển-nhiên. Vốn là nhiều người hay kêu ca : đã phải học bao nhiêu môn đầy những sự khó nhớ mà chẳng dùng làm gì được cả, bắt trẻ học làm chi mãi ?

Nói như vậy, là quên rằng các môn Trung-học chỉ nhằm luyện trí, gây thích-thú để thanh-niên muốn giỏi về ngành này khác, cung cấp một số thường - thức phổ - thông, hoặc sửa soạn cho học lên bậc cao mà tìm lối chuyên-môn.

Tuy-nhiên, quan-niệm sai lạc như trên về vai trò Trung-học phổ-thông,

cũng gián-tiếp chứng tỏ một ước-nguyện đáng chú ý : phụ-huynh muốn con em *học* để *hành*, chớ không mất nhiều thời-giờ vì những kiến-văn xa thực-tại.

Vậy thì càng nên chuyển hướng giáo-dục, cho ngả mạnh về phía chuyên-nghiệp và kỹ-thuật, như đã trình bày ở bài trước (B. K. số 182). Trong khi chờ đợi, giá thử chưa có sự thay đổi nào, các vị giáo-sư cũng không nên buộc học-sinh thuộc và nhớ quá nhiều chi-tiết : thực ra, chương-trình nặng hay nhẹ còn tùy ở sự áp dụng khắt-khe hay rộng-rãi của người dạy, và nhất là của người chấm thi.

Vì những lẽ vừa kể, tôi chỉ ước mong một vài sự cải-thiện, mà tôi tin là có thể thực-hiện dễ-dàng.

Số môn, số giờ, và các ban

Đệ-nhất-cấp

MÔN HỌC	Đệ 7	Đệ 6	Đệ 5	Đệ 4
1— Việt-văn và Hán-văn	5 + 1	5 + 1	5 + 1	5 + 1
2— Sử, Địa	2	2	2	2
3— Công-dân	2	2	2	2
4— Sinh-ngữ	6	6	5	5
5— Vạn-vật	1	1	2	2
6— Lý, Hóa	2	2	2 1/2	2 1/2
7— Toán	3	3	3 1 2	3 1/2
Cộng	22	22	23	23
Họa	1	1	1	1
Ca nhạc	1	1	1	1
Thể thao	3	3	3	3
Thủ công	1	1	1	1
Nội-trợ, dưỡng-nhi	1	1	1	1
Tổng cộng	28	28	29	29

Về tổng-số giờ, có thể giữ nguyên.

Song xin bỏ giờ Hán-văn ở Đệ Nhất-cấp.

Ở đệ Ngũ và đệ Tứ, thay giờ Hán-văn bằng giờ Sinh-ngữ, vì Sinh-ngữ mới được 5 giờ.

Sinh-ngữ cần hơn, Hán-văn chỉ cần cho cấp nào học đề rồi ra còn khảo cứu.

Phần đông trẻ em cũng rất chán nản, khi phải tập viết chữ Nho.

Đệ - nhị - cấp

MÔN	Ban Sinh-ngữ			Ban Cổ-Điển			Ban Toán			Ban Vạn-vật		
	Đệ 3	Đệ 2	Đệ 1	Đệ 3	Đệ 2	Đệ 1	Đệ 3	Đệ 2	Đệ 1	Đệ 3	Đệ 2	Đệ 1
1— Việt-văn	5	5		5	5		3	3		3	3	
2— Sử, Địa	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
3— Công-Dân	2	2	1	2	2	1	2	2	1	2	2	1
4— Triết-học			9			9			3			4
5— Sinh-ngữ thứ 1	6	6	6	6	6	6	4	4	3	4	4	3
6— Sinh-ngữ thứ 2	6	6	6				4	4	3	4	4	3
7— Hán-văn hoặc La-tinh				6	6	6						
8— Lý, Hóa	1	1	1	1	1	1	4	4	6	4	4	6
9— Toán	1	1	1	1	1	1	6	6	8	4	4	4
10— Vạn-vật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	3	3	4
Cộng	24	24	27	24	24	27	26	26	27	26	26	27
Thể-thao	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	3
Nội-trợ, Dưỡng-nhi	1	1		1	1		1	1		1	1	

Ban Cổ-điển có nên bỏ đi không?

Thanh-niên V.N, ở hậu-bán thế kỷ XX, mà học từ 15 tuổi tiếng La-tinh của thời cổ châu Âu, thì ít nhất cũng không hợp với nhu-cầu của xứ sở đương muốn tiến mạnh về ngày mai.

Còn Hán-tự, tuy đáng quý về phương-diện xây dựng quốc-học, nên dành cho những người muốn theo đuổi lâu dài : nghĩa là để khi vào Đại - học Văn - Khoa, bắt đầu cũng kịp, vì nhờ phương-pháp mới, sinh-viên sẽ thâu lượm được chóng vánh những kết-quả tốt đẹp hơn : sau 3 năm ở Đại-học, có thể khảo cứu được rồi, về cổ-học và văn-minh Trung-quốc.

Trong thực-tế, các ban Cổ-điển rất ít học-sinh.

Ban sinh ngữ và môn Triết-học. Môn Triết rất phức-tạp, nên cần được xét lại và sửa đổi.

Chỉ có trung-học Pháp, còn chịu ảnh-hưởng lâu đời của các nhà sư-phạm tu-sĩ dòng Jésuites, mới còn giữ ở lớp cuối trung-học, nào tâm-lý-học, nào siêu-hình-học v.v . . . là những môn đòi hỏi một lý-trí già dặn, với những học-thuyết mà ít trẻ em 17, 18 tuổi có thể lý hội.

Tôi xin thú thực rằng sau bao nhiêu năm học Triết và đọc sách Triết, nhiều bạn và tôi vẫn thường thấy hoang mang : khi phải giảng lại mấy bài Triết cho con, tôi rất túng túng về nhiều điểm mà nó phải tìm hiểu.

Vả lại, học Triết thì phải quay về những dĩ-vãng quá xa-xôi, nhất là khi người thảo chương-trình lại thiên về thời cổ : Triết-học từ hơn một thế-kỷ nay, tiến biết bao nhiêu : Song con tôi phải đọc Marc Aurèle, Platon, Aristote ? Thôi thì đôi chút Tứ-Thư cố - hữu, cũng được đi. Nhưng chưa nên bắt vỡ đầu về « Dharma Pada, Khóa hư lục » ?

Ngay đối với Triết-học hiện-đại, sự lựa chọn các tác-giả phải học, cũng thiếu lý-do vững chắc : tại sao chỉ có triết-gia Pháp, và tại sao Bergson, Emmanuel Mounier, Gabriel Marcel chớ không vị khác khi còn hàng trăm ? Vì cớ gì trong bao nhiêu sách của Bergson, lại bắt đọc « Le rire » để nghiên cứu tiếng cười ?

Không - gian, thời - gian, lý-trí, chân-lý, ý-thức, vật-chất, tinh-thần với những lý-thuyết đằng sau tận cùng bằng « isme » : xin miễn cho thanh-niên 18 tuổi còn đương say đá banh và đi cắm trại, muốn hiểu hỏa-tiễn cùng phi-cơ siêu-thanh...

Trong các môn thuộc Triết, tôi thấy chỉ nên giữ lại *Luận-lý* (Logique), vì môn này đi đôi với khoa-học cùng toán-học mà trẻ đã quen thuộc trong nhiều năm.

Còn các vấn-đề luân-lý đạo-đức (Morale) của lớp Triết, thì đem nhập cả vào chương-trình Công-dân giáo-dục.

Tâm-lý-học và Siêu - hình - học, nên được đưa lên Đại - học Văn-khoa, để nhường chỗ cho môn nào

có ích-lợi trực-tiếp hơn đối với người ít tuổi, nghĩa là dễ hướng họ vào thực-tế và thời-đại.

Vậy xin đề-nghị : *Xã-hội học* (Sociologie), hoặc các vấn-đề xã-hội nhất là khi môn này dễ hiểu hơn Tâm-lý và Siêu-hình, lại bổ túc cho chương-trình Sử-học và Công-dân Giáo-dục.

Ban Toán và Ban Vạn-Vật — Ở hai Ban này, số giờ Việt-văn quá nhiều, số giờ Sinh-ngữ quá ít.

Việt-Văn được dạy 5 hoặc 6 giờ một tuần trong suốt bốn năm, từ đệ Thất đến hết đệ Tứ.

Nhưng khi lên đệ-tam và đệ-nhị, ban Toán hay ban Vạn-Vật, vẫn còn 3 giờ mỗi tuần, chỉ kém các ban Sinh-ngữ và Cổ-điển có 2 giờ.

Có nên rút bớt xuống 1 hoặc 2 giờ không ? để tăng số giờ Sinh-ngữ chỉ có 4 giờ ở đệ Tam, đệ Nhị và 3 giờ ở đệ Nhất.

Vẫn biết Việt-văn là môn chính yếu. Song ai muốn học nhiều, thì sang ban Sinh-ngữ hay Cổ-điển.

Người làm chương-trình đã tăng số giờ Sinh-ngữ ở các ban Văn-chương, rút giờ Sinh-ngữ ở các ban Toán và Khoa-học.

Thoạt tiên, tưởng là hợp-lý. Thực ra, không được hợp-thời.

Vì chính học-sinh Toán và Khoa-học lại cần và cần sinh-ngữ hơn cả học sinh Văn-chương, nhất là về Anh-văn.

Vì sau Trung-học, nếu muốn du học ở ngoại-quốc, nhất là xin học bổng, thì nên có tú-tài Toán hoặc Vạn-Vật, vì các ngành kỹ-thuật được chọn ưu-tiên, và hầu hết người được phép đi, đều học các trường kỹ-sư hoặc chuyên-nghiệp cần nhiều Toán.

Khốn thay, rất nhiều người không có hy-vọng ra ngoài, vì tuy kết-quả Trung-học rất tốt, lại kém sinh-ngữ. Nên dù học ở nhà, lên tới Đại-học, họ vẫn gặp nhiều khó-khăn : vấn-đề chuyển-ngữ có được giải quyết, họ cũng không đọc nổi sách ngoại ngữ để bổ túc bài học, một sự tối cần cho ai muốn chóng giỏi.

Vậy nên tha bớt cho họ một phần ca-dao, tục-ngữ, thơ năm đời Hồng-Đức, văn-tế trận-vong, thơ Trạng-Trình (đệ Tam) hát ả đào của Nguyễn-Công-Trứ, thơ mỉa đời Tú-Xương (đệ Nhị). Bốn năm trước, họ cũng đã học khá nhiều rồi.

***

Các ban Toán và Vạn-Vật, cũng phải học Triết, 4 giờ mỗi tuần:

— Tâm-lý-học, Luận-Lý, và Luân-lý (ban Vạn-Vật)

— Luận-lý và Luân-lý (ban Toán)

Chỉ nên để ở cả 2 ban : Luận-lý và Luân-lý.

Môn Tâm-lý, nên bỏ ở các ban Văn-chương, càng nên miễn ở ban Vạn Vật.

***

Nhận xét về vài môn học

Có những môn rất hữu-ích được trù liệu tỉ-mỉ trên giấy tờ,

song đòi hỏi những phương-tiện mà đa-số trường chưa thể đủ.

Thủ-công ở đệ Nhất-cấp, có dạy qua về các nghề mộc, rèn, hàn, tập làm thợ nguội và thợ điện. Học-sinh phải biết xử dụng những khí-cụ như bào, đục, khoan, đe, búa, kìm, cưa, vồ, các đồ hàn sì, gắn điện, vv... trẻ em có thể lắp mộng gỗ, đóng hộp, làm đồ kim-khí như ly uống nước, ấm đun nước, thùng sắt ; mài giũa theo các hình ; sửa chữa dây điện, đèn và chuông điện ; tháo và lắp xe đạp vv...

Nếu cung cấp đủ dụng-cụ và giáo-sư kỹ-thuật, thì còn gì bằng, khi cần nâng cao giá-trị của các nghề thủ công, và hướng trẻ em vào các ngành chuyên-nghiệp.

Nhưng đã thế, tại sao không dạy trồng cây, trồng rau, tưới vườn, bón đất, nuôi gia súc ? Dân một xứ sống nhờ canh-nông, cần hiểu biết các hoạt-động ở đồng quê. Những thường thức đó, có dự trù, nhưng lại dành cho con gái và liệt vào chương-trình kinh-tế gia-đình (lớp đệ Ngũ, phần Xã, thôn, trại). Nhưng con trai cũng phải biết « rác rưởi, cống rãnh, phân bón, ao hồ, cây ăn trái » cũng nên biết nuôi ong, gà vịt, chim câu, thỏ, tằm, vv... nhất là ở các tỉnh nhỏ.

Ca nhạc — Chương-trình phong-phú quá thể, đọc qua chắc ai cũng tưởng lạc vào một Viện Âm-Nhạc.

Mỗi tuần chỉ học 1 giờ, ở các lớp đệ Nhất-cấp.

Nên tôi tự hỏi làm sao trẻ em dưới 16 tuổi học nổi bao nhiêu bài rất khó ? cả về thực-hành lẫn lý-thuyết, từ âm luật, điệu ca, đến lịch-sử âm-nhạc Đông, Tây, Cổ, Kim : Cò lả, Hò lờ, Hát chèo, Ca Lý, Ca Bắc, các giọng Ấn-Độ, Ai-Cập, Hy-Lạp, « Karagouna xứ Macédoine », Chant Grégorien trước năm 1000, âm-nhạc ở thời-kỳ Trung-cổ, đàn Luth, Clavecin và Orgue, nhạc-kịch Ý-Đại-Lợi thế-kỷ XVII, Operas Pháp của Rameau và Gluck, v. v...

Chẳng rõ học-sinh ở Darlac, Côn-Sơn, Quảng-Ngãi, An-Giang vv... đã được nghe chưa và có hiểu gì không, bài « Peere-Gynt của Grieg », « Symphonie số 9 của Beethoven », « Concerto en La của Schumann », « Sonate của César Franck đĩa DB. 2742/45 » ?...

Vẫn biết theo chỉ-thị của Bộ Giáo-Dục, Giáo-viên được tự ý lựa chọn các bài, các đoạn, các loại tùy theo trình-độ học-sinh : hoặc dạy hát nhiều hơn dạy lý-thuyết, hay cho nghe nhạc. Song nếu vậy, hà-tất đưa ra một chương-trình vĩ-đại như thế, dài 12 trang 15 x 25cm, và gồm những phần hoặc quá bao-la, hoặc không cần thiết ? Thành thử chương-trình dạy ca-nhạc ở đây, thực ra là tài-liệu trình bày những gì nên biết nếu muốn quán thông âm-nhạc, chớ không phải là một văn-kiện giáo-khoa cần phải áp dụng để đi tới mục-tiêu rõ-rệt. Vậy ít nhất là nên giản-dị-hóa : cho biết qua âm-luật, và dạy hát, có múa càng tốt.

Công-dân giáo-dục — Ở cả đệ-Nhất-cấp lẫn đệ Nhị-cấp, công-dân giáo-dục được dạy 2 giờ mỗi tuần, rồi thành môn thi Trung-học đệ-nhất, và thi Tú-tài phần I, với hệ-số 2.

Vấn-đề Công-dân giáo-dục và Đức-dục rất quan-trọng, cần được bàn xét sâu rộng, còn ở trong khuôn-khổ bài này, chỉ xin bày tỏ một vài ý-kiến liên quan trực - tiếp đến sự sắp đặt chương - trình và soạn thảo sách dạy.

Chương - trình Công - Dân 1958 chia ra như sau :

Đệ Thất — Con người. Đời sống ở gia-đình. Đời sống ở học-đường. Bổn-phận đối với mình, với tổ-tiên, cha mẹ, anh em thày và bạn.

Đệ Lục — Đời sống xã-hội. Bổn-phận đối với xã-hội. Giao-tế xã-hội

Đệ Ngũ — Tổ chức công-quyền tại Việt Nam. Hiến-Pháp. Các công quyền căn-bản. Tổ-chức hành-chánh tại Trung-ương và địa-phương.

Đệ Tứ — Quốc-gia và các yếu-tố căn - bản. Sơ - lược về các chế-độ chánh-trị. Quyền - lợi và nghĩa-vụ công-dân.

Đệ Tam — Chánh-trị-học yếu-lược. Dân-chủ. Các chánh-thể. Các tổ-chức quốc - tế. Giao - tế và đời sống trong xã-hội. Các tập thể xã hội.

Đệ Nhị — Kinh-tế-học yếu-lược. Các học - thuyết kinh-tế. Sản xuất. Các tổ-chức sản-xuất và mậu-dịch. Tiền-tệ, ngân-hàng, tín-dụng mậu-dịch quốc-tế.

Trước hết, tôi thấy cần phân phối lại, vì một mục có khi được ghi nhiều lần ở các lớp khác nhau :

Năm Đệ-Lục, về giao-tế, dạy lễ-độ và kỷ-luật trong xã-hội : cách bận đồ, chào hỏi, giới thiệu thăm viếng, đi đứng ở nơi công - cộng, trên đường phố, trong rạp hát và quán ăn.

Nhưng sau khi học về tổ - chức hành - chánh, chánh-trị ở Đệ-Ngũ và Đệ-Tứ, lên Đệ-Tam lại học về giao - tế : cách đi đứng đối xử ở nơi công - cộng, trong các buổi lễ-nghi, hội họp, dự tiệc vv...

Ở Đệ-Tam, học sơ-lược về các chánh-thể : quân-chủ, dân-chủ, độc-tài, cộng-hòa : song các tổ-chức đó cũng đã được dạy qua rồi, ở năm Đệ-Tứ.

Ngoài ra, những điều giản-dị và cụ - thể dĩ - nhiên phải học trước những sự phức-tạp và trừu-tượng, cho hợp với tuổi và sức của trẻ em. Liệu có như vậy không ?

Các ý-niệm thông - thường về quốc-gia, chế-độ, hiến - pháp và dân-chủ đều chưa có, vì lên Đệ-Tứ hoặc Đệ-Tam mới học, lại học ngay Hiến-Pháp và tổ-chức công-quyền VN, thì chắc học-sinh chẳng hiểu vì sao lại có một Quốc-Hội, sao ông Tỉnh - trưởng lại không được xử án ?...

Dù sao, chương trình này cũng nặng về phần chánh-trị (3 năm) và kinh-tế (1 năm) còn phần xã-hội chỉ lướt qua. Đọc cuốn Công-dân Đệ-Ngũ của Ô. Đàm-Sỹ-Hiến

và Nguyễn-Bá-Lương, tôi có cảm tưởng đọc bài giảng ở Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh. Cuốn Kinh-tế lược-giảng của ô. Vũ-quốc-Thúc (đệ-Nhị) gồm nhiều bài soạn rất công-phu, nhưng nên dành cho lớp Năng-lực Luật-học : chắc không phải rằng ông muốn như vậy, song khi soạn sách, ông phải theo đúng chương-trình.

Duy cuốn Công-dân Đệ-Thất của một nhóm giáo-sư (1), có lẽ hợp hơn cả với trình-độ trung - học phổ-thông, với mục-đích hướng dẫn trẻ em vào đường sáng một cách nhẹ nhàng dễ theo : bài ngắn dễ học, văn giản-dị dễ hiểu, với những tỉ - dụ cụ - thể, những tấm gương đáng soi, mượn khắp Âu Á xưa và nay : ngoài công soạn, còn công dịch.

Rút kinh-nghiệm này, tôi đề-nghị giao cho từng nhóm giáo-sư liệu theo đường lối kể trên, mà soạn chung từng cuốn cho mỗi lớp. Tài học cá-nhân ở đây phải nhường bước cho nhu-cầu thích - ứng và quyền-lợi chung của thanh-niên.

Tôi lại xin nhấn mạnh vào sự cần-thiết *nêu gương*, ở lãnh - vực này. Vì nếu giáo-sư chỉ lấy lời riêng ý riêng của mình mà dạy, học-sinh chỉ coi môn Công - dân như bài khác, phải học thì thuộc và biết vậy. Trái lại, gương sáng ở các thời các nước, chắc chắn kích thích tuổi trẻ nhiều hơn.

Chỉ có một điều đáng tiếc, nhưng chúng ta đành chịu chiều lòng trẻ, miễn sao đạt kết-quả tốt : khi nêu những gương cổ lỗ như trong Nhị-thập-tứ-hiếu, người 14, 15 tuổi chỉ bật cười.

Có chi lạ ? Rất nhiều thanh niên đã mất tin-tưởng về cổ Á - Đông, và chỉ sẵn lòng theo Âu-Mỹ. Vậy thì chúng ta đem gương sáng của thanh-niên Âu-Mỹ ra cho soi: ở học đường, họ sống tập thể ra sao, tự giữ kỹ-luật hay tập thi-hành quyền công-dân như thế nào, ở Mỹ, ở Úc, thể-thao được tôn trọng đến mức nào, ở Anh, ở Thụy - Điển vv . . . Không ai muốn thành Văn - Ngạn-Bác hay Địch-Nhân-Kiệt: con người thế-hệ muốn thành những Fleming, Lincoln hay Saint-Exupery. Cũng được chứ sao ?

Đ.T.

---

(1) Cao-Văn-Luận, Nguyễn - văn - Thích, Lê-Tuyên, Nguyễn-văn-Trung. Nguyễn-Nam-Châu, Cao-Hữu-Hoành.

Quý Bạn yêu thơ hãy tìm đọc

thi phẩm DẠ THẢO LAN

Lời ngỏ của KIM TUẤN

Mẫu bìa của THANH HỒ

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Góp vài ý-kiến về chính-sách "cách mạng" của bộ Quốc-gia Giáo-dục

(xin xem B. K. từ 183)

Về sự cải tổ nền Đại-học, chúng tôi thấy chủ trương của ông Tổng-trưởng cũng có hai điểm hợp thời hợp lý :

— dùng Việt ngữ làm chuyển ngữ bắt đầu ngay từ niên khóa 1964-65 (1).

— lập quy chế Đại-học và một quy chế riêng cho trường Văn-Khoa Đại học « để bảo vệ và phát triển Văn-hiến nước nhà, nâng cao văn học dân tộc » (trang 10).

Về điểm trên, báo chí đã bàn quá nhiều rồi, chúng tôi không muốn bàn thêm nữa. Chúng tôi chỉ xin chuyển lên ông Tổng-trưởng lời than thở thiết tha này của một thanh niên : « Ôi! Cầu Trời cho lần này người ta thực hiện được lời người ta nói », và xin được bày tỏ thêm ít điều thắc mắc dưới đây.

— Về điểm trên :

— dùng Việt ngữ làm chuyển ngữ ở Đại-học mà cũng cả ở các trường Cao đẳng nữa chứ ?

— chúng tôi không dám mong cấp tiến mà đòi đổi chuyển ngữ ngay một lúc ở hai ba năm trong mỗi trường, cứ tiệm tiến từng năm một cũng được rồi, miễn là tiến cho vững và đã tiến thì tiến đều chứ đừng đứng lại, vì chúng tôi ngại bộ sẽ bị nhiều kẻ tìm mọi cách để ngăn cản nếu không phá hoại.

Về điểm dưới — lập một quy chế riêng cho trường Văn-khoa Đại học — chúng tôi mong rằng để giữ đúng quy tắc Dân tộc nêu ở phần 1, (trang 4) ông Tổng-trưởng

---

(1) Chúng tôi xin nhắc lại chủ trương của chúng tôi:

Vẫn phải trọng sinh ngữ, ở Trung - học phải thay đổi chương trình và lối dạy sinh ngữ để lên Đại-học sinh-viên đủ sức tham khảo sách ngoại quốc, và ở Đại học cũng phải học thêm ngoại ngữ nếu muốn sau này xuất dương du học.

sẽ cương quyết thắng mọi trở ngại để cho Văn-khoa Đại-học của ta đúng là Văn-khoa Đại-học *Việt-Nam*, nghĩa là trong những trường Văn-khoa, người ta phải chú trọng đặc biệt vào sự nghiên cứu, phát triển nền Văn-hóa Việt-Nam. Tất nhiên như vậy không phải là gạt bỏ các nền văn hóa ngoại quốc, nhưng có nghiên cứu các nền Văn hóa này thì mục đích tối hậu vẫn là để bồi bổ cho nền văn hóa Việt-Nam.

Như vậy, theo thiển ý của chúng tôi thì các giáo sư hay giảng sư Việt ở trường đó phải là những vị hiểu rõ Văn-hóa Việt-Nam đã có công nghiên cứu Văn-hóa Việt-Nam, ít nhất phải viết được tiếng Việt cho xuôi, biết được một số tiếng Hán tối thiểu nào đó. Chúng tôi nghe nói ở một trường Đại-học nọ, có một vị dạy tiếng Hán lỡ đọc lầm chữ *cung* là thân thể (gồm chữ *thân* là mình bên chữ *cung* là cây cung) thành ra chữ *xạ* là bắn (gồm chữ *thân* là mình bên chữ *thốn* là tấc) — ai cũng có lúc lầm lẫn, điều này không đáng trách, nhưng khi học sinh hỏi lại thì cãi bướng rằng xạ là bắn, bắn phải có cung, cho nên chữ mà một bên là *thân*, một bên là *cung* kia phải đọc là *xạ* ! Một vị khác dịch những đoạn về triết học phương Tây ra tiếng Việt mà không thành câu gì cả, đọc đi đọc lại không ai hiểu gì hết. Kỳ dị hơn nữa, một vị giáo sư ngoại quốc không biết tiếng Việt mà chấm bài viết bằng tiếng Việt của thí sinh (vì sinh viên trong lớp học triết học Phương Đông đó nghe giảng bằng tiếng Việt mà có thể làm bài bằng tiếng Việt) Chúng tôi không rõ những lời đó đúng tới mức nào chỉ nêu lên như vậy để Bộ điều tra lại, và chúng tôi nghĩ nếu thực là thiếu giáo sư thì thà tạm bỏ bớt vài chứng chỉ đi và đào tạo gấp giáo sư còn hơn là dạy một cách là « hình thức » như vậy.

Ở các ban khác chúng tôi không dám bàn tới, nhưng riêng về ban Văn-khoa, chúng tôi nghĩ phải có một qui chế đặc biệt. Bất kỳ là đậu bằng cấp gì, phải có một công trình khảo cứu bằng tiếng Việt hoặc ít nhất cũng phải dịch luận án ra tiếng Việt rồi mới được vào ngạch ; trái lại những vị tuy không có bằng cấp gì cả mà có công khảo cứu lâu năm về văn hóa Việt, hoặc văn hóa phương Đông và công trình khảo cứu xét ra có giá trị, thì cũng được vô ngạch. Có vậy mới là khuyến khích các nhà trí thức nghiên cứu về Văn-hóa của chúng ta, mới là « lành mạnh hóa cơ quan giáo dục», như ông Tổng-trưởng đã chủ trương (trang 9).

Nếu ngay niên khóa 1964-65 này hoặc trễ lắm là niên khóa tới ông Tổng-trưởng thực hiện được điều chúng tôi mong ước đó thì cũng là làm được một cuộc cách mạng cấp tiến nho nhỏ rồi đấy.

***

Điểm thứ ba chúng tôi đồng ý với ông Tổng-Trưởng là tái lập

kỷ luật học đường. Phải tái lập gấp ngay trong niên khóa tới, phải cấp tiến chứ không tiệm tiến được.

Trong những kỳ thi vừa rồi chúng tôi nhận thấy ông Tổng Trưởng đã dùng một biện pháp nghiêm để chận đứng nạn gian lận.

Chúng tôi theo dõi kết quả của biện pháp đó, mới đầu cũng mừng vì thấy không có nạn lộ đề thi nữa và được nghe một vị giám khảo bảo rằng kỷ luật trong vài trường thi ở Sàigòn mười phần đã lập lại được tới tám ; nhưng sau đó, nhân dịp đi về lục tỉnh tôi hỏi thăm vài vị giám khảo nữa thì được biết tại hai tỉnh ở miền Hậu Giang không khí trong trường thi cũng gần tệ như năm ngoái, nghĩa là vẫn còn những vị giám thị quá dễ dãi với thí sinh, có những thí sinh chẳng coi kỷ luật ra cái gì cả, rồi gần đây lại được biết thêm rằng nhiều tỉnh khác cũng thế.

Tệ hơn nữa, một số giáo viên sư phạm cấp tốc mới ra trường năm ngoái hay năm kia như nhiễm cái độc vô kỷ luật của thời trước không coi trọng nghề của mình ; càng tệ hơn nữa một số giáo viên già ra trường từ thời tiền chiến cũng có tinh thần buông trôi, không dám cương quyết bảo vệ kỷ luật.

Không có kỷ luật trong học đường, trong trường thi thì làm sao có thể gọi là giáo dục được. Dùng chính sách mềm mỏng, giảng giải một lần nữa cho mọi người có trách nhiệm và cho đám thanh niên, hô hào phụ huynh học sinh khuyên răn con em, nếu như vậy mà tình trạng vẫn không cải thiện thì phải dùng một biện pháp mạnh mẽ; mà muốn cho biện pháp có kết quả thì phải trừng trị thẳng tay những kẻ có quyền thế mà xấu xa, phải thẳng tay « thanh lọc » như ông Tổng trưởng đã nói. Chúng tôi ngờ rằng sở dĩ trong kỳ thi vừa rồi kỷ luật chưa được tôn trọng triệt để, có lẽ tại quốc dân thấy sự thanh lọc trong hàng ngũ giáo chức chưa được thực hành đúng mức. Vụ lộ đề thi năm ngoái quan trọng là vậy mà rút cục chỉ có một tùy phái bị tù. Thế thì kỷ luật có bị coi thường cũng là dễ hiểu.

***

Điểm thứ tư chúng tôi xin góp ít ý kiến với Bộ là vấn đề « lành mạnh hóa Tư thục ».

Trong cuốn sách đã dẫn của UNESCO, trang 32, 33, chúng tôi thấy tình trạng Tư thục ở nước ta trong mười năm nay y như tình trạng Tư thục ở Phi Luật Tân mười năm trước.

Năm 1959, học sinh các Tư thục Trung học Phi Luật Tân chiếm tới 65% tổng số học sinh Trung học trong nước. Nhiều trường nhận học sinh một cách bừa bãi chẳng kể sức học của chúng, làm cho trình độ các kỳ thi sút đi ; giáo sư không đủ khả năng, dạy nhiều giờ quá, lớp học đông quá. Tóm lại «các Tư thục cạnh tranh với nhau một cách bất chính mà mở trường tư thành ra một công việc làm ăn rất có lợi». Chính quyền Phi có lập ra một cơ quan chuyên xét vấn đề Tư thục,

có ra lệnh cấm thu trên 50 học sinh mỗi lớp, nhưng người ta vẫn thường thấy những lớp từ 60 đến 80 học sinh.

Nhận xét như trên rồi, tác giả thiên khảo cứu đưa ra giải pháp này: một mặt cải thiện lần lần quy chế Tư thục, bắt Tư thục phải theo những tiêu chuẩn mỗi ngày mỗi gắt hơn, đóng cửa một số trường nào tệ quá nhưng đừng đóng cửa từng loạt một ; một mặt cải thiện quy chế ở trường công và mở mang thêm trường công.

Về điểm này chúng tôi cũng nghĩ rằng phải cải thiện lần lần. Muốn cấp tiến thì sẽ đổ vỡ.

Chúng tôi còn có thêm hai ý kiến dưới đây, không chắc đã đúng nhưng cũng xin trình bày :

— Tại những nơi nào đã có một trường Trung học công và một vài trường Trung học tư thì đừng nên mở thêm trường bán công. Kinh nghiệm ở một tỉnh miền Hậu-Giang cho ta thấy rằng mở trường bán công—trong trường hợp trên— chỉ là cạnh tranh với trường tư mà không có kết quả gì tốt đẹp về phương diện giáo dục cả. Trường bán công nửa là công, nửa là tư, thường có đủ những cái tệ của trường công — phí tổn nặng về văn phòng — và trường tư — thiếu kỷ luật. Trường có lỗ (thường là lỗ) thì sẽ được trợ cấp mà có lời thì phải chia cho các cổ phần, mỗi người chẳng được bao nhiêu, nên không ai tận tâm lo cho trường cả, không ai chịu trách nhiệm cả. Một trường nọ chỉ có 700 học sinh mà chịu một số chi phí về văn-phòng là 25.000đ, mỗi tháng chỉ vì những ông có cổ phần gởi gấm người quen vào văn phòng và ông Giám Đốc không thể từ chối được.

Tại những nơi hiện đã có trường bán công thì nên giao cho một hội phụ huynh học sinh hoặc một giáo hội, rút hết trợ cấp đi, để đổi thành một trường tư. Mỗi tỉnh nên đặt một viên thanh tra Trung học để giải quyết vấn đề khó khăn về các tư thục trong tỉnh.

Nghe nói Hội nghị Tư thục họp tháng Tư vừa rồi đã thảo hai bức tâm thư, một bức kêu gọi sự hợp tác của phụ huynh học sinh, một bức nhắc nhở học sinh tu tâm sửa tánh, chăm chỉ học hành. Tôi chưa được đọc hai bức đó, không biết nó được phổ biến có rộng không — mà sao không gởi đăng trên báo, cho đọc trên đài phát thanh ? — nhưng tôi đoán rằng lời lẽ chắc cảm động lắm. Chưa bao giờ học đường có thái độ thiết tha như thế. Vậy thì các hội Phụ huynh học sinh nên được thành lập gấp trong mỗi tỉnh và nên được góp ý kiến với Tư thục về kỷ luật và sự tổ chức của trường nữa.

Thực lạ lùng, sao mà đại đa số phụ huynh thời nầy hờ hững với sự giáo dục của con em đến thế, làm cho nhà giáo nào cũng phải phàn nàn, chán nản. Có viết bài nhắc nhở trên báo thì báo không muốn đăng vì đăng hoài rồi, mà có kết quả gì đâu ? Viết sách để phổ biến những tri thức căn

bản về sự dạy dỗ trẻ thì sách ế. Hình như lúc này ai cũng chỉ lo kiếm ăn đã, có dư chút thì giờ thì đọc truyện kiếm hiệp, nghe ca cải lương để tiêu khiển chứ không muốn bận tâm gì về sự học của con em cả.

Làm sao cải thiện được tình trạng đó ? Khuyến khích sự thành lập các hội Phụ huynh học sinh ? E cũng chưa đủ. Có lẽ lại phải phỏng theo chính sách của Israel: ở nông thôn của họ hai chục gia đình có một cán bộ canh nông thì ở thành thị của ta, hai chục gia đình cũng nên có một cán bộ giáo dục, cán bộ này có nhiệm vụ thay các phụ huynh mà săn sóc, kiểm soát sự học trẻ em trong hai chục gia đình đó.

Không một chính phủ nào — nhất là trong tình trạng chiến tranh — có đủ ngân sách đài thọ hạng cán bộ đó. Nhưng chính quyền không đủ sức thì đã có Tôn-giáo. Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh trong cuốn «Đạo Phật ngày nay» nói đến vấn đề « hiện đại hóa đạo Phật » Theo thiển ý, Tôn giáo muốn « hiện đại hóa » thì trước hết phải lo săn sóc tinh thần và vật chất của đồng bào. Giá có được một số thanh niên Phật tử — tôi nhớ đến tổ chức Phật tử trí thức — chịu lãnh công việc cán bộ giáo dục đó thì may mắn cho quốc dân biết bao, nhẹ việc cho các cơ quan giáo dục biết bao. Mới đầu hãy thí nghiệm trong một châu thành nhỏ, hoặc một khu tại Sàigòn. Nếu có kết quả sẽ bành trướng thêm. Công việc đó chỉ cần thực hiện trong một năm ; khi trẻ em đã vào quy củ rồi thì số cán bộ sẽ rút đi được ; có thể rằng lúc đó phụ huynh học sinh sẽ tự đảm nhiệm lấy một phần nữa vì không lẽ con em của mình mà lại cứ nhờ hoài người ngoài săn sóc cho như vậy.

***

Trong số mười mấy điểm ông Tổng trưởng đã nêu ra, chúng tôi chỉ mới bàn tới qua loa có bốn điểm mà đã thấy rằng công việc của bộ thực khó khăn, khó khăn hơn hết thảy các Bộ khác, khó khăn nhất là điểm « giáo dục để sản xuất » và điểm « lành mạnh hóa tư thục. » Chúng tôi đã đưa ra ít đề nghị : điểm nào có thể giải quyết được mau thì xin Bộ mạnh bạo giải quyết ngay ; điểm nào không thể giải quyết gấp được thì xin tiến lần lần từng bước một, tiến một cách chắc chắn, và đều đều. Thà làm được ít, nhưng việc nào xong việc ấy, chứ ôm đồm quá, rút cục chẳng được gì mà mang tiếng.

Như vậy mà tôi còn ngại rằng Bộ khó thực hiện nổi. Mới chỉ có thiện chí, có chương trình thôi thì cũng như là chưa có gì cả. Cần nhất là phương tiện.

Theo Cơ quan Văn hóa Liên Hiệp Quốc, những nước kém phát triển như Ba-Tây, Ghana, Phi Luật Tân bỏ ra từ 2 đến 3% lợi tức quốc gia vào việc giáo dục. Nước ta đã chậm trễ nên gắng sức nhiều hơn nữa, nhưng trong tình trạng chiến tranh này ta cứ hãy định tỉ số là 3%. Năm 1955 lợi tức quốc gia

của ta, theo cơ quan Thống-kê của Liên Hiệp Quốc là 54.435 triệu bạc hiện nay lợi tức tăng lên bao nhiêu chúng tôi không rõ. Cứ cho rằng nó tăng nhiều lắm là được 3% mỗi năm, thì năm 1965 nó vào khoảng : $55 + \frac{55 \times 3 \times 10}{100} =$ nghĩa là 72 tỉ. Ba phần trăm của 72 tỉ là 2,2 tỉ. Năm 1964, ngân sách của Bộ là 1380 triệu (khoảng 5% tổng số ngân sách quốc gia : 26 tỉ rưỡi). Sang năm 1965, ta có thể tăng lên tới 2,2 tỉ, khoảng gấp rưỡi được không ?

Nếu không được thì làm sao ? Phải bắt các xí nghiệp gánh vác một phần như Ba Tây ? (Tại Ba Tây các xí nghiệp đóng một thuế về giáo dục kỹ thuật bằng 1% tổng số lương họ trả cho nhân viên, thợ thuyền). Rồi bắt cả những điền chủ đóng góp một phần nữa : chẳng hạn 2% lợi tức của họ ? Họ nên đóng góp vì công việc giáo dục kỹ nghệ và canh nông có lợi cho họ : nhờ có chuyên viên, cán bộ giỏi mà sức sản xuất của họ sẽ cao lên. Chúng tôi nghĩ có lẽ còn nên yêu cầu các gia đình khá giả đóng góp — bằng cách này hay cách khác — một phần vào học phí của con em họ ở ban Trung học nữa. Tôi không nhớ nhà kinh tế học nào đó đã nói tại những xứ nghèo chính sách giáo dục vô phí là bất công vì như vậy là bắt người nghèo đóng thuế cho con người giàu đi học — Cần giảng một cách khéo léo cho dân hiểu được sự đó.

Phải dẫn dụ quần chúng, tạo nên một luồng dư luận nếu không thuận thì cũng đừng nghịch. Có vậy mới thành công. Số tiền thu được có lẽ không được bao nhiêu nhưng cũng vẫn là quý. Vả lại đó là một sự công bằng về xã hội. Cần nhất là phải tiết kiệm, khéo thu vén. Những chi phí nào không thực cần thiết thì bỏ, để tiền dùng vào việc khác.

Tiền tuy vậy còn dễ kiếm ; Giáo chức mới khó đào tạo. Muốn thực hiện chương trình «Giáo dục để sản xuất » cần có rất nhiều giáo sư về ngành kỹ thuật. Trong khi đào tạo những vị này — ít nhất cũng phải ba, bốn năm — chắc phải tạm dùng một số kỹ sư, chuyên viên trong chính quyền hay trong xí nghiệp, có khi phải trưng dụng những người đã hồi hưu nữa. Chúng tôi nghĩ riêng về ngành Giáo dục, nghị định 55 tuổi hồi hưu nên áp dụng một cách mềm dẻo. Vì chúng ta thiếu thày.

Sau cùng không được quốc dân tiếp tay thì cũng khó thành công. Không khí trong trường thi không thể nào cải thiện được nếu đa số phụ huynh học sinh vẫn coi trường thi là «chốn chợ búa». Khi đa số không trọng kỷ luật thì kỷ luật đành phải bỏ. Tôi nhớ một ông hiệu trưởng nọ, vào một lớp đệ Nhị, thấy học-sinh không tuân lệnh ông, bận sơ mi dài tay đi học (ông bắt mọi sinh viên phải bận sơ mi cụt tay), nổi cơn thịnh nộ, đuổi những học sinh đó ra khỏi lớp. Một trò ra, rồi hai ba trò, rồi cả chục trò, nhìn lại thấy vẫn còn vài chục trò nữa, ông lắc đầu, nhún vai, vẫy bọn họ cho trở vào lớp.

Ai cũng biết rằng học phí thấp quá, trường tư muốn sống được phải dồn cả trăm trẻ vào một lớp ; nhưng nếu tăng học phí lên độ 20% hay 10% để nhận mỗi lớp 50, 60 trò thôi, dạy kỹ hơn được thì phụ huynh học sinh không chịu (1).

Chúng tôi vẫn biết cái khó bó cái khôn nhưng chúng tôi cũng biết nhiều gia đình so đo về học phí mà phung phí vào những việc khác.

Mở thật nhiều trường canh nông và kỹ thuật, nhưng nếu phụ huynh học sinh không hiểu giá trị của thực nghiệp, vẫn muốn cho con em thành hạng cạo giấy, thì trường sẽ vắng hoặc không có hạng học sinh giỏi. (Tôi nói đo là nói mở thật nhiều trường. Ở nước ta hiện nay điều đó chưa đáng lo, có mở thêm một lúc hai chục trường canh nông và kỹ thuật thì cũng chưa đủ để thu hút hết thanh niên muốn học nghề). Vậy vấn đề giáo dục đại chúng cũng rất cần ; có khi phải tạo nên một khích động tâm lí trong đại chúng thì mới dễ thực hiện được những cải cách mạnh mẽ. Và chúng ta, từ phụ huynh tới học sinh, chúng ta nên nhớ rằng về vấn đề giáo dục mình phải trông cậy ở mình trước hết.

— Chúng tôi hiểu những nỗi khó khăn đó nên chỉ mong rằng trong niên khóa 1964 - 65 này kỷ luật trong các trường công được tái lập ; cơ quan giáo dục được thanh lọc, các trường Đại học có quy chế mới, đặc biệt là trường Đại học văn khoa.

— qua niên khóa tới các Tư thục có quy củ, thành « lành mạnh» như ông Tổng trưởng nói :

— trong bốn hay năm năm nữa Việt ngữ được dùng làm chuyển ngữ ở hết thảy các trường Đại học và Cao đẳng mà nửa số trường Trung học cũng đã chuyển xong thành các trường kỹ thuật.

Trong tình trạng chiến tranh được vậy cũng là đáng mừng rồi. Còn như muốn Cách mạng toàn diện ngay một lúc thì phải thay đổi hẳn xã hội, thay đổi hẳn tinh thần của đồng bào, điều mà không biết có ai làm nổi hay không.

***

Cuối bức thư, ông Dương-Thứ - Lang có một câu thanh minh phân trần với ông Tổng trưởng và với độc giả rằng ông chống lại chủ trương tiệm tiến của ông Tổng Trưởng nhưng không phản bội dân tộc. Không ai ngờ ông như vậy đâu, trái lại ai cũng thấy rõ và mến lòng yêu nước của ông.

Nhưng nhớ lại mới mấy tháng trước đây, trong cái vụ bắt đóng học phí ở trường trung học công, một số người phản kháng bị một số người khác chụp mũ là nghe

(1) Chúng ta nên nhớ học phí hiện nay so với 9-10 năm trước hạ được 20-30% trong khi giá sinh hoạt tăng lên 50%.

lời Việt-Cộng xúi, thì cần thận như ông Dương là phải.

Đọc lời thanh minh đó, chắc ông có Tổng Trưởng Bộ Q.G.G.D. càng thái độ cởi mở hơn nữa. Ở giữa Saigon này mà hạng cầm viết chúng tôi còn phải dè dặt như vậy thì ở thôn quê làm sao hạng dân đen có thể đạo đạt lên ông Quận trưởng, ông Tỉnh trưởng một phần mười nguyện vọng của họ được!

NGUYỄN.HIẾN-LÊ

Các Bạn yêu thơ hãy tìm đọc

thi phẩm GIẤC NGỦ CHÂN ĐÈO

Thơ DUY NĂNG

Mẫu bìa ĐINH CƯỜNG

Phụ bản NGỌC DŨNG

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : ..500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explocions

Capital : 1.500.000.000 Frs.

≠

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

=

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 8.750.000.000 PHẬT LĂNC

Assurance Franco Asiatique

Assurance Toutes Branches

Capital : 288 750.000.000 F

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

16, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 — 23.913

Góp ý-kiến với Hội-Đồng Quốc-Gia Giáo-Dục

ĐỀ NGHỊ MỘT CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CHUYÊN VỀ NÔNG-NGHIỆP

L. M. PARREL

Trong một cuộc họp báo mới đây, ông Bộ-trưởng Quốc-Gia giáo dục có đề cập đến việc cải tổ chương trình giáo dục hiện nay. Ông cho đó không phải là việc riêng của Bộ, mà là của toàn dân. Nên Ông đã mở một hộp thư dân ý thu góp những ý kiến của mọi tầng lớp về việc cải-tổ giáo dục. Mới đây, Bộ lại tuyên bố thành lập Hội Đồng Giáo Dục Quốc Gia để nghiên cứu những đề nghị cải cách của Bộ, và những đóng góp của mọi tầng lớp nhân dân trong hộp thơ ý kiến kia.

Trong khuôn khổ đó, chúng tôi mạo muội trình bầy tài liệu sau đây, viết theo một bài của ông René Dumont, Giáo sư tại viện Quốc gia nông nghiệp Pháp và việc nghiên cứu phát triển kinh tế và nông nghiệp. Ông đã từng làm việc tại Việt-Nam và Cam-Bốt. Bài của ông đã đọc tại hội nghị Văn hóa Liên-Hiệp-Quốc họp tại Frascati tháng 6 năm 1963 và đăng trong tập san nghiên cứu kinh tế xã hội Tiers Monde (Janv-Avril 1964), nhan đề «Le développement agricole, spécialement tropical, exige un Enseignement totalement repensé».

Mong rằng tài liệu này sẽ đóng góp một phần nào vào việc duyệt lại chương trình giáo dục hiện nay, và góp thêm kinh nghiệm để soạn thảo một chương trình giáo dục thích hợp với tình trạng đang mở mang của nước ta, một nước lấy nông nghiệp làm nền tảng kinh tế.

I) Những thiếu sót chính-yếu của nền giáo-dục hiện nay

Nền giáo dục ở Âu Châu đã phát triển trên căn bản một nông nghiệp đã mở mang. Nền nông nghiệp này thường dùng loài vật để kéo, đã biết dùng phân chuồng. Bậc Trung học, nhất là những ban chuyên về khoa học, đã được phổ cập song song với cuộc Cách-mạng nông nghiệp, tức là khai thác tận cùng khả năng của đất, không bao giờ cho đất nghỉ, mở rộng diện tích trồng cây kỹ nghệ và các đồng cỏ, nhất là canh tân việc chăn nuôi.

Nền giáo dục tốn kém này, chúng ta lại đem áp dụng cho những xứ Á Phi, nơi mà nông nghiệp hãy còn sơ khai, ruộng đất hãy còn có những thời gian nghỉ dài, nhiều nơi chưa biết dùng phân bón và trâu bò kéo, vì thế không sinh lợi là mấy. Do đó, nhà nông không có đủ tiền mà cho con đi học, vì tại đây, nguồn lợi chính là nông nghiệp. Nước Guinée hiện nay có 2000 sinh viên ở hải ngoại, nhiều nước khác còn có đông hơn. Điều đó thật đáng mừng, nhưng giá việc giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật được phát triển song đôi, thì còn đáng mừng biết mấy. Vì giáo dục kỹ thuật rất cần thiết cho việc mở mang kỹ nghệ và cải tiến nông nghiệp. Một nền giáo dục chuyên nghiệp như thế, nhằm đào tạo *nhiều học sinh hơn là sinh viên*, để đẩy mạnh việc phát triển.

Trong thực tế ngược lại người ta đã tăng số sinh viên lên quá mức. Rồi những sinh viên này phần lớn lại nhằm những nghề không ăn nhập gì đến nông nghiệp: làm công chức, buôn bán, hoặc nghề tự do. Những nghề này nếu phát triển mạnh sẽ phương hại đến việc phát triển kinh tế, trước khi nông nghiệp được cải tiến thực sự. Nhưng phũ phàng thay, ngày nay các nghề này đang phát triển, còn nông nghiệp thì lẹt đẹt chậm tiến.

Lý do chính của tình trạng này là sự chênh lệch quá mức giữa lợi tức của nông dân và của người thành thị. Ai cũng muốn được nhập vào « giai cấp ưu đãi », và coi nhà trường là phương tiện, là cửa đưa vào giai cấp đó. Vì thế, giáo dục chỉ còn một mục đích chính yếu đó là thi đậu. Bằng cấp đã trở nên một thứ chìa khóa vạn năng mở được các cửa đi vào giai cấp ưu đãi.

Nền giáo dục sẽ mang một bộ mặt mới mẻ khác hẳn, nếu thay vì nhằm cung cấp bằng cấp, người ta đào tạo những người có học thức và hiệu năng. Theo René Dumont, *việc tìm ra một lối tuyển lựa nhân tài khác với những kỳ thi cổ điển, là việc đầu tiên phải làm cấp bách* để cải tiến nền giáo dục hiện nay tại các nước đang mở mang, nếu các nước này muốn cho nền giáo

dục có kết quả trực tiếp và cụ thể. Sau đó chỉ có sự tiến bộ của kinh tế địa phương mới có thể giúp cho nền giáo dục được mở rộng. Với điều kiện là nền kinh tế địa phương đạt tới ngay được mức sản xuất mau lẹ và khả quan.

Sự tốn kém của nền giáo dục bắt chước theo Âu Châu, là một trong những mối nguy ngập ngang với sự thiếu hiệu năng sản xuất... vì nó kìm hãm không cho việc học được phổ biến rộng rãi và mau lẹ.

Nếu chỉ nhằm cải thiện hiệu năng của lối giáo dục cũ, thì cũng có thể chấp nhận sự trạng hiện thời, là chỉ một thiểu số được giáo dục, nhưng thiểu số này phải được giáo dục sao cho thành những cán bộ lãnh đạo xứ sở. Đó cũng là chuyện mà Âu Châu đã làm mấy thế kỷ trước đây, lúc việc giáo dục có tính cách trưởng giả và chỉ dành cho một thiểu số được ưu đãi. Đó cũng là trường hợp của nước Ai-Cập và một phần châu Mỹ la-tinh, nơi có nhiều sinh viên cao đẳng sống chung với một số lớn những người mù chữ. Nhưng những quốc gia này lại có một đặc điểm chung là sự phát triển kinh tế rất chậm. Khoan nói tới những hậu quả về phương diện chính trị của tình trạng đó, chúng ta cũng thấy rằng tình trạng đó không đem đến một nền dân chủ thực sự.

Muốn phổ biến rất nhanh chóng một trình độ tối thiểu về học vấn cho toàn thể dân chúng chậm tiến mà chỉ chú ý đến việc đào tạo giáo chức và xây trường không thôi chưa đủ. Thực ra, dân quê một khi đã ý thức được sự quan trọng của việc học, sẽ tự động xây trường học. Nhưng điều cần là phải cung cấp vật liệu xây cất cho họ, và phải nghiên cứu để tìm ra những vật liệu thiệt rẻ tiền. Ở các xứ nóng, có thể chỉ dựng lên một khung nhà bằng gỗ và lợp lá, rồi trồng ở bốn bề những cây loại chóng lớn (như cây trứng cá) để thay tường che mưa gió. Ở xứ nóng, một căn nhà như thế thoáng khí và mát mẻ hơn. Phải làm nhà vào mùa nắng, vì chỉ cần một cái liếp tre và một bóng cây là đủ mát, trong khi chờ đợi các cây con lớn lên kịp mùa mưa. Tất cả những công việc đó không đòi một ngân quĩ ngoại viện nào, mà chỉ đòi hỏi công lao người địa phương thôi.

Vấn đề trường sở như thế tạm ổn, chỉ còn phải lo dụng cụ nhà trường, sách vở bút mực. Về những khoản này tuy cũng phải tiết kiệm, nhưng không được sẻn quá. Lương giáo chức mới là điều đáng lo nhất, vì là khoản chi nặng nhất và thường xuyên. Chúng tôi đề nghị giảm lương công chức tại các nước chậm-tiến xuống, để san bằng cái hố chênh lệch giữa thôn quê và thành thị. Năm 1885, một giáo viên trường làng bên Pháp, cũng chỉ kiếm được số tiền ngang với người nông dân trung bình, thành ra, về phương diện xã hội, bình đẳng với họ. Đối với các nước đang mở mang cũng phải thi hành như vậy, nếu thực tình người

ta muốn phổ biến giáo dục nhanh chóng, và đưa các thầy giáo vào môi trường thôn quê để họ có thể làm đòn bẩy thúc mạnh đà tiến kỹ thuật và xã hội cũng như khuyến nông.

Vì thế phải chủ trương chính sách khắc khổ đối với những người lãnh đạo và công chức cao cấp. Đó cũng là một dịp để họ bầy tỏ lòng yêu nước thương nòi mà họ hằng bô bô cổ súy trong các bài diễn văn. Tuy nhiên cũng nên định lại đẳng cấp cho hai loại người cốt cán trong việc phát triển xứ sở, đó là chuyên viên và thầy giáo. Những người này phải được quí trọng ngang hàng với các nhà chính trị và hành chánh trong nước. Phải trả thêm phụ cấp cho những người làm việc tại nông thôn và vì thế phải có một ngân khoản về giáo dục đồi dào mới tuyển mộ mau lẹ được đầy đủ một số giáo viên có khả năng.

Bây giờ chúng tôi xin đề cập sơ lược những đề nghị cụ thể mà không đi sâu vào chi tiết.

II) Đề nghị một nền giáo dục nông thôn có hiệu quả mà đỡ tốn kém

1.— Trường sơ cấp nông thôn sẽ còn là trung tâm dạy nghề.

Bây giờ chúng ta có một trường tiểu học nông thôn theo lối mới. Vào buổi đầu, một khóa học chỉ chừng bốn năm thôi, nhưng dạy thế nào để bất cứ đi đâu học sinh cũng có thể học thêm. Trường loại này có thể mở ở những nơi thất học, cho nên sẽ thu nhận một số lớn học sinh lớn tuổi, vừa làm việc vừa học. Chương trình sẽ bắt đầu bằng một ít kiến thức phổ thông, đồng thời cho học sinh làm quen với phương pháp canh tác nông nghiệp mới. Với mục đích đó, mỗi trường sẽ có một khoảng đất canh tác, do người huấn luyện viên nông nghiệp sở tại đảm nhiệm. Người huấn luyện viên này đồng thời cũng là giáo viên nông phổ của trường. Nếu trường mở tại miền rừng, thì khoảng đất canh tác này sẽ là một khu vườn trồng cây ăn quả hoặc cà phê, chè . . . với một trại nhỏ chăn nuôi súc vật.

Những học trò từ 9 — 10 tuổi trở đi đều phải làm việc, cũng như chúng thường làm việc ở nhà cho cha mẹ. Nhưng làm việc đây là làm cho nhà trường, chứ không làm cho cha mẹ, những vị này nhiều khi lợi dụng chúng quá. Việc làm sẽ phù hợp với sức lực của chúng, vì thực ra công việc vườn tược không có gì vất vả lắm. Làm vườn như vậy tức là một môn thể thao quí giá, vì thế trường miễn hẳn môn thể dục. Thời gian trung bình làm việc ngoài vườn mỗi ngày chừng hai giờ đồ lại.

Thực ra trường học theo lề lối cũ cũng đôi khi có mục làm vườn,

nhưng với tinh thần khác hẳn. Thầy giáo thì chẳng biết gì về công việc đồng áng, cho nên cũng không đóng góp được chút chi vào việc cải tiến kỹ thuật canh tác cho học trò. Tệ hơn nữa, ông còn khinh thị công việc tay chân, đồng áng, vì tự coi là một kẻ sĩ, chỉ biết việc đào tạo những « kẻ sĩ » mà thôi. Đôi khi ông cũng bắt học trò làm vườn, nhưng là để phạt lỗi. Vườn đây cũng chỉ là vườn hoa để làm cảnh, hoặc có trồng rau dưa cũng chỉ dăm ba cây tượng trưng, để làm triển lãm, hoặc để thầy giáo xào ăn chơi. Như thế là học trò đã làm vườn không công cho ông giáo vậy.

Trái lại, trường học theo lối mới, tổ chức trồng trọt với một ý nghĩa khác hẳn. Vườn trái của nhà trường sẽ cung cấp hoa quả rau dưa cho quán cơm nhà trường, vì rồi đây, nhà nước không thể cung cấp mãi được. Trong trường hợp nhà trường không có quán cơm xã hội, thì rau cỏ, trái cây một phần sẽ đem bán, một phần chia cho học trò. Vì thế, cũng nên cân nhắc kỹ càng nên trồng loại cây nào. Các loại cây kỹ nghệ đem bán đi có thể thu về cho nhà trường một số vốn khá để mua sắm dụng cụ. Trong những nước quá nghèo, có thể dùng số lời này trả lương thầy giáo.

Như thế đủ rõ việc trồng cây, thực tập nông nghiệp tại những trường này chủ ý nhằm sinh hoa lợi. Tuy nhiên giá trị « giáo dục » của công việc cũng không vì thế mà thuyên giảm đi chút nào, và vẫn được coi là chính yếu. Cho dầu sau này lớn lên học sinh không còn nhớ được mấy tí về những bài nông phố thực tập ấy đi nữa, nhưng nguyên một sự kiện chúng có được lòng tôn trọng huấn luyện viên nông nghiệp, cũng đủ là một kết quả tốt đẹp lắm rồi. Vì rồi đây khi lớn lên thành một nông dân, lòng tôn trọng tín nhiệm ấy vẫn còn, và như thế họ dễ dàng cởi mở để đón nhận và nghe theo những đề nghị cải tiến. Nhiên hậu, nông nghiệp có cơ canh tân dễ dàng.

Trở lại vấn đề thực tập canh tác tại trường. Không phải học-sinh có thể trồng bất cứ cây gì, trồng bừa bãi thế nào cũng được, nhưng điều cần thiết là phải học trồng cho đúng cách.

Trong giai đoạn hiện thời, để tiến bộ, nền nông nghiệp tại các xứ nóng phải để ý đến ba yếu tố chính là dùng trâu bò kéo cầy, dùng phân chuồng, và trồng cỏ. Nhà trường có thể phổ biến điều đó cho học sinh và nhờ học sinh phổ biến cho người lớn trong làng. Vì thế, cánh ruộng của nhà trường phải là cánh ruộng gương mẫu, như một triển lãm cho dân làng biết kết quả của những phương-pháp canh tác mới, cho nên thầy giáo phải luôn luôn để ý săn sóc chu đáo. Thực ra, những kiến thức về phương pháp canh tác mới cũng không có nhiều lắm, vì càng tiến bộ công việc càng đơn giản.

Nhưng bước đầu bao giờ cũng khó, ngay trong việc tổ chức trường học theo lối mới. Thí dụ, nhà trường có một cặp bò. Bây giờ làm sao thuyết phục được ông giáo săn sóc chăm lo nó tử tế ? Thuyết phục không có lợi, mà phải thay đổi lề lối suy nghĩ của ông, huấn luyện ông trong một môi trường mới mẻ hẳn : đó là trường sư phạm nông thôn mà chúng tôi sẽ đề cập dưới đây. Trở lực lớn nhất lại là tâm lý của các phụ huynh. Họ cho rằng gửi con tới trường là để chúng tập làm thư sinh, có bàn tay trắng đẹp, không phải chai lì vì cuốc phát. Nay lại bắt con em họ làm lụng, thì thật là một chuyện chướng tai gai mắt.

Vì thế mà các nhà lãnh đạo phải kiên nhẫn giải thích cho họ để đánh đổ thành kiến này. Thực ra, giải thích rằng làm việc là nâng cao nhân cách, chứ không hạ giá, họ cũng chả tin nào. Vì thế việc giải thích rất khó khăn. Muốn cho họ dễ chấp nhận điều đó, *phải phổ biến việc lao động ra khắp các trường học công tư, các phân khoa Đại học.* Nếu không các trường ở nông thôn (nơi bắt phải lao động) sẽ bị khinh chê. Tại thành thị, các trường cũng phải có vườn trồng rau, nhưng sẽ ở các vùng ngoại ô. Tuy nhiên thực tập về nông nghiệp lại không có lợi mấy cho học sinh ở thành thị, vì làm gì có đất cho chúng canh tác. Do đó, thực tập lại phải đi theo một hướng khác, tức là cho chúng tập những tiểu công nghệ. Tuy nhiên đừng quá chú trọng đến việc tập đan lát cho con trai và thêu thùa cho con gái, vì những việc ấy không giúp ích cho việc phát triển kinh tế xứ sở là mấy, mà chỉ giúp một số ít người có kế sinh nhai. Thay vì tập thêu, con gái nên tập may vá, vì sẽ tiết kiệm cho ngân quĩ gia đình rất nhiều. Con trai nên học tập để trở nên những thợ lành nghề, những viên cai thầu, những chuyên viên và kỹ sư. Bắt đầu hãy tập làm thợ mộc, làm thợ rèn, rồi học đến máy móc vv... Tuy nhiên tiểu công nghệ xây cất có thể giữ vai trò kinh tế chính yếu trong một thời gian lâu dài, vì thế không nên canh tân hóa vội.

Những thực hiện của Liên-Xô về lãnh vực này nên được khảo sát, như một thí dụ. Tuy nhiên, nên nhớ nước Nga đã tiến đến một trình độ phát triển cao hơn các nước đang mở mang ở thế-giới thứ ba.

2.— Công tác lao động tại các trường học Liên-Xô.

Bản quyết nghị của Ủy ban Trung ương đảng Cộng sản Liên-Xô viết : « Nếu chỉ dạy cho học sinh những lý thuyết suông, không tập cho học sinh biết hoạt động thực tế, thói quen làm việc lao động, tức là nhà trường không chú ý đến việc thâu dụng thanh thiếu niên vào guồng máy sản xuất kinh tế. Một sự ly khai giữa học đường và đời sống như thế phản lại nỗ lực xây dựng xã hội. Trong khi tham gia vào những hoạt động lợi ích về phương diện xã hội, thế hệ trẻ phải

tập làm bất cứ việc gì về chân tay : việc học tập phải phù hợp với những hoạt động kỹ nghệ và nông nghiệp sau này ».

Thực ra quyết nghị này cũng có nhiều điểm sai lầm. Trích lại không hẳn là công nhận hoàn toàn. Nhưng ta thấy họ đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để giáo dục học sinh. Và thực ra kết quả thu lượm được cũng khả quan. Năm 1962 ông René Dumont có dịp qua Nga và đã thấy những học sinh cỡ mười tuổi suốt trong một tháng đã vui vẻ đi hái bông gòn.

Trường tiểu học Nga không trực tiếp chuẩn bị được các học sinh thành thạo nghề của chúng sau này, nói khác đi không hướng nghiệp từ nhỏ, nhưng nhà trường chú ý đến việc không tách rời học sinh nhỏ khỏi giới công nhân sản xuất. Vào quãng 10 tuổi, học sinh phải làm việc tập đoàn tại các làng bên cạnh chừng 8 ngày. Hơn nữa, mỗi trường còn canh tác từ 2 đến 5 mẫu ruộng.

Đó thực là một sáng kiến rất hay mà các nước chậm tiến nên mô phỏng, để tránh cái nạn đào tạo học sinh thành lớp người trưởng giả được ưu đãi, xa lìa quần chúng lao động. « Quan niệm xã hội chủ nghĩa về giáo dục là dạy cho học sinh biết lao động ». Ông thứ trưởng giáo dục tiểu bang Moldavie đã xác định như vậy.

Đến 12 tuổi, học sinh phải làm việc nhiều hơn, công việc hướng về những ngành chuyên môn của nông nghiệp. Hiện nay Liên - Xô đang chú trọng về cơ khí hóa, vì nhắm một tương lai nông nghiệp hoàn toàn dùng máy móc. Ngoài những giờ học phổ thông, học sinh còn phải tập nghề 12 giờ một tuần : 8 giờ lý thuyết, 4 giờ thực hành, dần dần tỉ số sẽ đảo ngược 4 giờ lý thuyết, 8 giờ thực hành. Cuối mỗi niên học, học sinh còn phải làm việc thực tập 24 ngày. Muốn đậu tú tài phải có chứng chỉ lao-động.

Tại Viện canh nông Kichiniov ở tiểu bang Moldavie (Nga), cứ chín sinh viên tốt nghiệp, lại có một người đi dạy tại các trường Cao-đẳng nông phố, là những trường đóng vai trò chính yếu trong việc đẩy mạnh đà tiến nông nghiệp.

3.— Một dự án tổ chức trường trại chuyên nghiệp.

Giáo dục kiểu Nga mà chúng tôi vừa đề cập đến ở trên rất tốn kém, có thực hiện cũng phải đợi một thời gian lâu dài. Liệu có thể mang lại cho những người dân quê xấu số một nền giáo dục cơ bản tối thiểu với một ít huấn luyện nghề nghiệp, mà không phải tốn kém nhiều về tài lực và nhân lực không ? Nếu có thể được thì hay biết mấy. Giáo dục cơ bản như vậy chắc sớm muộn sẽ bị một số người chê là thấp kém. Nhưng thà thấp kém mà nhiều người được hưởng, còn hơn « tiến bộ » nhưng chỉ một thiểu số được hưởng, còn đại đa số quần chúng nông thôn chả được xơ múi gì.

Hiện nay, chính phủ nước cộng hòa Mali đang tổ chức theo từng mùa những lớp tiểu học, để dạy cho những nông dân trưởng thành mù chữ một vài nghề. Đáng lẽ nên tổ chức những trường tương tự để thâu nhận những thanh niên nhỏ tuổi hơn mà chưa được đi học, và cũng không hy vọng sẽ được đi học. Lúc đó việc giáo huấn sẽ thiên hẳn về việc dạy nghề, đồng thời có thể dạy một ít kiến thức sơ học như tập đọc, tập viết, làm bốn phép toán . . .

Điều khẩn cấp hiện nay là nghiên cứu để tổ chức những trường học nông trại ấy với kinh phí ít tốn nhất để việc phổ biến được rộng rãi và nhanh chóng. Vì trường chú trọng về thực hành và phát triển nông nghiệp như thế, nên kết quả về kinh tế thu lượm được sẽ làm cho trường có thể tự đài thọ và tiến bộ thêm mãi, cũng như chinh phục được nhiều thiện cảm và tín nhiệm. Do đó nông dân sẽ đua nhau đi học. Tuy nhiên, tại những miền đất khô cằn, có thể kiểu trường ấy không thể sinh lợi nhiều lắm về kinh tế, lúc đó muốn cho nông dân hưởng ứng đông đảo, sẽ phải quy định giá trị của chứng chỉ tốt nghiệp do trường cấp phát. Âu cũng là một cách để xét lại giá trị cần lao và đề cao lao động chân tay.

4.— Điểm chính yếu của đề án cải cách giáo dục : trường sư phạm nông thôn.

Muốn thực hiện kế hoạch đề nghị trên cần đào tạo một ban giáo viên lành nghề, nhưng theo một lối nhìn mới mẻ hẳn. Thoạt tiên các giáo viên phải là người sinh trưởng ở nông thôn, hãnh diện khi nhắc đến nông thôn và cố kết với nông dân. Cực chẳng đã mới tuyển người thành thị. Trường sư phạm nông thôn, với mục đích đào tạo giáo chức nông thôn, sẽ đặt địa điểm ở giữa lòng nông thôn, gần một trạm thí nghiệm nông phố, hay trung tâm khuyến nông, và có một khu đất canh tác bên cạnh trường.

Trường sẽ đào tạo những huấn luyện viên dạy về nông nghiệp (giáo viên), những chủ tịch trung tâm khuyến nông, và những cán bộ hợp tác nông nghiệp (cán bộ trung cấp). Trường sẽ tuyển những học sinh có bằng tiểu học. Nói bằng tiểu học là để định mức học vấn, chứ không chú trọng vào bằng cấp và óc khoa cử. Chương trình họ sẽ kéo dài 4 năm. Với sự tiến triển của trình độ học vấn trong nước, sau này trường có thể tuyển những người có bằng Trung-học. Lúc đó học trình có thể gồm hai năm thôi. Rồi tiếp theo là một (hay hai) năm học về chuyên môn.

Dĩ nhiên, chương-trình học sẽ bao hàm một phần thực tập nông nghiệp theo phương pháp tiến bộ. Biện pháp này áp dụng cả cho những giáo viên tương lai, vì họ sẽ phải trực tiếp điều khiển khu canh tác của trường, trong trường hợp không có huấn luyện viên nông phố. Ngay cả khi có huấn luyện viên nông phố phụ tá, giáo viên cũng phải am tường những

vấn đề canh nông thực hành và tân tiến, vì mục đích của việc giảng dạy của họ là làm cho học sinh hấp thụ được những kỹ thuật mới về canh tác. *Mục đích trục lợi của chương trình giáo dục mới này không giảm giá trị*, trái lại nó còn đòi hỏi ở thầy giáo phải cố gắng làm cho việc giáo dục canh nông càng ngày càng được cải thiện. Việc giáo dục phổ thông, thực hành tại nông thôn đối với học sinh sẽ trở nên hứng thú.

Trong khung cảnh chính sách khắc khổ, những trường sư phạm nói trên sẽ được trang bị đơn sơ, để tập cho các giáo viên quen với khắc khổ. Tới khi ra trường, họ không bỡ ngỡ khó chịu khi phải đến ở những cơ sở « quê kịch » tại những nông thôn hẻo lánh.

Còn một khó khăn lớn lao nữa mà chúng ta không thể không bàn tới, đó là làm sao chống lại với sức quyến rũ của thành thị để giữ mấy giáo viên lành nghề cồ kết với nông thôn ? Tôi nói những giáo viên lành nghề, giỏi, chứ không phải những giáo viên bất đắc dĩ hiện nay phải ở lại nông thôn, vì không thể làm khác được. Làm sao cho những nghề ở nông thôn hấp dẫn được những phần tử vừa tận tâm vừa có tài, nếu không việc canh tân hóa nông nghiệp không thể tiến mau được.

5.— *Mở ra những viễn tượng huy hoàng cho nghề giáo chức nông thôn.*

Chỉ trông cậy vào những người tâm huyết để xây dựng một quốc gia trẻ, là một lỗi lầm nặng nề, vì ở đâu số người tâm huyết cũng rất hạn hẹp. Tại Ấn-Độ ngày nay người ta không còn tìm thấy môn đệ của Gandhi trong những đảng phái lấy thánh Gandhi làm gương mẫu. Trong một đoạn trước đã có đề nghị nâng cao mức sống vật chất của những chuyên viên, những giáo chức và tất cả những nhân viên làm việc ở thôn quê nói chung. Tuy nhiên sự nâng cao này cũng phải liên hệ với khung cảnh khắc khổ của một nước đang mở mang.

Tăng lương chưa đủ. Tại các trường học nông thôn, các giáo chức có thể tiến thêm mãi, cho đến chức hiệu trưởng, hoặc thanh tra tiểu học, với số lương bổng ít nhất là ngang với các giáo chức ở ngạch thành thị, họ cũng có thể được đổi về làm việc ở thành thị, khi đã có con cái học hành lên cao chẳng hạn.

Tuy nhiên, còn phải mở ra cho họ nhiều viễn tượng huy hoàng hơn nữa. Chẳng hạn ở thôn quê, muốn thi hành những chức vụ hành chánh cho có hiệu quả, có lợi nhiều cho việc phát triển kinh tế, thì người đảm đương những chức vụ đó phải am tường môi trường nhân sự và các vấn đề nông nghiệp. Một viên chức trẻ tốt nghiệp trường quốc gia hành chánh sinh trưởng ở tỉnh, nhất định sẽ không thể thông thạo những vấn đề thôn quê bằng những giáo viên và những huấn luyện viên nông phố. Bởi vậy

muốn gây hào hứng cho thanh niên hăng hái gia nhập trường sư phạm nông thôn, thì phải quy định những luật lệ. Thí dụ, những huấn luyện viên nông nghiệp, những giáo viên nông phố, những chủ tịch trung tâm khuyến nông, sau một thời gian làm việc đắc lực chừng 10 năm, sẽ được làm phó quận trưởng Hoặc là một nửa những chức vụ đó nên dành cho những người này, sau khi họ theo học những khoa huấn luyện hay thực tập về hành chánh và đã qua một kỳ thi tuyển, trong đó chú trọng nhiều đến khả năng chuyên môn của họ.

6.— Trường Đại học sư phạm nông thôn.

Phải sớm nghĩ đến việc đào tạo ban giảng huấn cho các trường sư phạm nông thôn, nghĩa là phải mở một Đại học sư-phạm nông thôn. Ban đầu nếu thiếu giáo sư dạy trường này, có thể mượn người người ngoại quốc, với điều kiện thay thế họ dần dần bằng những giáo sư Việt. Các giáo sư này được chọn lựa trong số những cựu sinh viên tốt nghiệp đại học sư phạm nông thôn hiện đang làm giáo sư tại các trường sư phạm nông thôn. Họ sẽ qua một kỳ thi tuyển lựa. Cũng theo một thể thức ấy, các giáo viên trường làng có thể được thăng làm giáo sư trường sư phạm nông thôn. Trong các quốc gia trẻ, điều tối quan trọng là phải có thăng tiến xã hội trong mọi lãnh vực, và kịch liệt đả phá chế độ quan liêu khư khư nắm giữ các địa vị không cho ai lên. Dĩ nhiên sự thăng tiến nhằm vào những người luôn luôn cố gắng cầu tiến, cải thiện nghề nghiệp.

Cái nguy hiểm của bằng cấp cổ truyền (ở nước nào cũng vậy) là tạo cho người có bằng một mặc cảm tự tôn, coi như thể có bằng là biết hết mọi chuyện, và không cần phải học hỏi trau giồi thêm. Do đó nên tuyển người làm việc nhà nước bằng khế ước, hơn là cho vào ngạch (Trừ một vài ngành như cảnh sát, tòa án, ngân khố). Biện pháp đó cái lợi là giúp người công chức tự cải tiến mãi, vì thỉnh thoảng có mở những kỳ thi khảo sát khả năng, xem còn nên mời tại chức nữa hay nên cho về vườn.

***

KẾT LUẬN

Chương trình giáo dục hướng về nông thôn đề nghị trên đây chắc có nhiều điểm cần thảo luận lại. Có thể có người cho đó là một chương trình quá thấp, giảm trình độ trí thức của dân tộc xuống. Nhưng giá trị của học vấn tùy thuộc nơi các người giảng dạy, tùy nơi nhiệt tâm và hăng hái của họ. Chương trình trên đây chỉ nhắm đáp ứng được với tình trạng chậm tiến hiện thời của các nước Á-Phi và vì vậy chỉ nhằm phục vụ giai đoạn.

Chương trình học theo lối Âu Tây đã đưa đến kết quả sau đây: Năm 1963, các trường ở Phi-Châu, vốn là lo đào tạo công chức, nay

công chức đầy ứ, đã trở nên trung tâm đào tạo thất nghiệp. Tại Nigeria 10 năm gần đây : hơn hai phần ba học sinh ra trường bị thất nghiệp. Tại sao ? Vì các cô cậu Tú này ra trường với một mặc cảm tự đại, khinh thị việc tay chân, nhất là việc đồng áng.

Nhận xét thứ hai : có nên khư khư ôm lấy quan niệm cho rằng chỉ giáo dục theo lối Âu Tây mới là hay nhất ? Nền giáo dục ấy có được soạn thảo nghiên cứu cho thích ứng với những nước trẻ-trung đang tiến chưa ? Xin thưa là chưa, và vì thế phải đầy mạnh những khám phá, tìm tòi trong lãnh vực giáo dục. Đó là mục đích của bài này. Nền giác dục phổ thông kéo dài (13 năm = 6 năm tiểu học + 7 năm trung học) ở Âu-Châu chỉ có mục đích trang hoàng cho tinh thần, mà không sinh lợi ích thực tiễn. Đem áp dụng vào những quốc gia mà một nửa số dân đều dưới 20 tuổi, là hạn hẹp số người được hưởng giáo dục. Cái thiểu số được hưởng giáo dục này lại vênh vênh tự phong là «ưu tú», lên nắm quyền hành và đè đầu cưỡi cổ dân đen, mà họ hằng khinh rẻ.

Mục đích tài liệu này là nhằm làm cho việc giáo dục có hiệu quả về kinh tế. Vì thế, phải đưa ra một học trình ngắn hạn, phổ biến cho mọi người, đã làm tăng tiến mau lẹ hiệu năng sản xuất kinh tế của mỗi người. Xin đừng ngồi trong tháp ngà với đầy đủ tiện nghi vật chất, mà lên tiếng khinh thị những «của cải trần gian». Chỉ khi nào người ta có nhiều tiền của, kiếm được bằng ít sức lao động, lúc đó mới có thể mở rộng, phát triển việc học hành, là mục tiêu chính yếu mà xã hội nào cũng phải luôn nhắm tới, vì không khi nào người ta thỏa mãn được nhu cầu giáo dục, nghĩa là người ta luôn luôn muốn học hỏi tìm hiểu không ngừng. Nhưng khởi đầu thiết lập một chương trình giáo dục cao rộng mà tốn kém và ít hiệu quả, thì dễ đi tới kìm hãm sự phát triển giáo dục và giới hạn số người được học tập.

Trong viễn tượng ấy, chúng ta cơ thể tìm ra nhiều kế hoạch khác với kế hoạch trình bày trên đây, miễn sao đáp ứng đúng với những nhu cầu, hoàn cảnh của một nước chậm tiến. Ý định của chúng tôi là lưu ý mọi người đến những thiếu sót trầm trọng của nền giáo dục chép lại Âu Tây hiện thời gương cần phải duyệt lại và sửa đổi cho thích hợp với hoàn cảnh xã hội Việt-Nam. Đề nghị trên đây đưa ra tất nhiên không phải hy vọng được áp dụng ngay, mà chỉ để mời gọi quí vị hằng lưu tâm đến giáo dục thảo luận, sửa chữa cho thực hoàn bị để sau đó có thể giúp ích cho việc xây dựng một nền học chính đáp ứng đứng với tình hình hiện tại của nước ta.

L. M. PARREL

(Giám đốc Văn phòng Xã hội Saigon)

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.
Siège social : 16 Bd des Italiens-Paris 9e

SAIGON

36 Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135 *Đại-lộ Nguyễn-Huệ*
(Immeuble TAX)

Téléphone: 22.797 — B.P. No' -5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B.P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box nº 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à 'Étranger, notamment en A.O.F. A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba : (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Con đường công chức

VŨ-HẠNH

NGHĨ về mục-đích sự học, về cái lý tưởng lớn nhất và phổ biến nhất hiện tại, chúng ta nhận thấy phần đông các bậc làm cha làm mẹ chỉ muốn cho con cái mình trở thành công-chức. Hân hạnh hơn nữa, nếu con cái mình là một công-chức cao-cấp.

Chúng ta vẫn biết công-chức rất là cần thiết cho sự điều-hành công việc của một chế độ, công-chức là tầng lớp người đóng vai chuyên môn căn bản để xây dựng một quốc-gia. Phủ nhận sự thật rất là hiển nhiên như thế, quả là một việc buồn cười. Hơn nữa, chúng ta còn thông cảm với nỗi lòng cha mẹ đối với con cái : ở một hoàn cảnh xã-hội mà đa số người vất vả chân lấm tay bùn, hoặc là dầm mưa dãi nắng mới có miếng ăn thì được việc làm ngồi trong bóng mát yên lành với sự ăn mặc chỉnh tề, sạch sẽ, chẳng là quí giá lắm sao ? Hơn nữa, miếng ăn khổ nhọc mà đa số người ở trong xã-hội chúng ta tìm lấy hằng ngày còn là miếng ăn đầy những đe dọa bất thường - vì nạn mất mùa, vì cảnh thất nghiệp - cho nên có một đồng lương đều đặn, dù là ít ỏi, cũng chẳng là một lý tưởng rồi sao ?

Chính vì thương con mà cha mẹ đã ước mong như thế và tìm mọi cách cho con đạt được như thế. Nhưng xét cho cùng, sự lo lắng ấy không phải là không hợp hòi. Và hình như bậc cha mẹ đã nghĩ đến họ nhiều hơn nghĩ đến con cái.

Tại sao chúng ta dám có những nhận xét ấy ? Phải chăng là vì chúng ta thấy rõ cha mẹ muốn con chóng có công ăn việc làm để có phương tiện giúp đỡ gia-đình hoặc ít nhất cũng bớt phần gia-đình gánh vác ? Hay là con đàng công chức là một con đàng gần gũi, hiền lành, khiến bậc làm cha làm mẹ dễ được đáp đền chữ hiếu và khỏi lo âu nhiều nỗi chơi vơi ? Sự thực quả có như vậy. Nhưng đấy mới chỉ là những cái nhìn vội vã, xoay quanh cuộc đời con cái ở trong gia-đình. Nếu ta quan niệm con cái trong cái vị trí của nó ở giữa hoàn

cảnh cụ thể của đất nước ta, cùng với yêu cầu phát-triển hợp lý của nó, chúng ta thấy rõ vấn-đề trầm trọng hơn nhiều.

Ấy bởi vì nước Việt-Nam là nước nghèo khổ trong những điều kiện thiên-nhiên hết sức giàu có. Ấy bởi dân-tộc Việt-Nam là một dân-tộc có nền văn-hóa riêng biệt, lâu đời, nhưng lại là một dân-tộc mang nhiều xích-xiềng nô-lệ. Bờ biển của ta lắm cá nhưng chính tàu bè nước ngoài đánh cá cho chúng ta đem tiền ra mua lại để ăn. Và khi không có đồng tiền, như mới ngày nào báo chí đăng tin, có người xuống bến Bạch Đằng ăn cắp hai con cá nhỏ trên một chiếc tàu ngoại-quốc, đã bị những người chài lưới trên chiếc tàu đó đánh đập gần chết. Đồng ruộng của ta nhiều lúa, nhưng biết bao năm người ngoài xay gạo cho chúng ta dùng. Và đất của ta phì nhiêu, dân ta cặm cụi trồng lấy cao su, rạch lấy chất nhựa để cho người ngoài . . . hốt bạc. Quả chanh ta trồng, hạt dưa ta tạo, lá thuốc ta làm, và biết bao nhiêu thứ nữa, đều biến thành đồ ngoại-phẩm để ta mua bằng giá đắt, để rồi mỗi ngày mỗi khốn cùng hơn ? Cho đến tiếng nói của nền văn-hóa lâu đời cũng bị hất hủi như một ngôn-ngữ thổ-dân lạc-hậu trước các « sinh-ngữ » nước ngoài, chỉ vì nước ngoài trả lương cho chúng ta xài.

Như thế, chỉ vì chúng ta có mỗi một cái lý tưởng công-chức là quan-trọng nhất. Đành rằng có biết bao người công-chức yêu nước, thương nòi, có biết bao người công-chức đã từng hi-sinh cho những công cuộc cạch-mạng, nhưng đấy chỉ là trường hợp của những cá-nhân ưu-tú, giác ngộ quyền lợi cao cả của dân tộc mình. Nhưng về căn bản, đã là công-chức, là chịu theo một chế-độ lương bổng có những qui-tắc ràng buộc của nó, là chịu theo một nề-nếp sinh - hoạt tinh thần có những công-thức máy móc của nó. Người ta dễ đi đến một tâm trạng, là chế-độ nào cũng tốt, miễn có trả lương sòng phẳng, đủ đầy. Khi người công-chức không được biểu tình, không được đình công, khi sự thâm niên của họ có nhiều hứa hẹn lợi quyền về sau, tất nhiên chí khí của họ, nếu có, cũng tiêu mòn dần. Nhưng nếu ví phỏng công-chức của ta thảy đều dồi-dào nhiệt huyết vì dân, vì nước, thì trong những chế-độ đã cũ mòn, phỏng họ có thể làm gì hơn được ? Rốt cuộc, họ phải nhượng đất nước cho người ngoài khai thác, và chịu trọn đời một cảnh ba cọc ba đồng. Với đồng lương có chừng mực, tất nhiên cuộc đời cũng được điều chỉnh theo chừng mực ấy. Đến sự ăn uống, chi tiêu, giải - trí, món quà tình cảm đối với bà con, bạn hữu, cũng được qui định theo một chừng mực rõ ràng. Và khi nhìn vào cuộc đời, sự chừng mực ấy, sự hạn chế ấy, biến thành một nhân sinh quan, một vũ trụ quan riêng biệt có những qui-luật tuần hoàn của nó, mà cái đặc tính rõ nhất là sự « cầu xin hai chữ bình an ».

Không phải những người công chức không nhìn thấy được rõ ràng điều ấy. Nhưng chính vì nhìn thấy được điều ấy mà họ lại buộc con cái đi vào con đường của họ, để tránh cho họ một sự lo nghĩ xa xôi, để khỏi thương tổn đến sự bình an của họ. Chúng ta không khỏi ngạc nhiên khi thấy

đa số phụ-huynh hiện tại không còn có những tham vọng lớn lao, Chính tư tưởng họ, biểu hiện trong những hành-động giáo-hóa, đã hạn chế nhiều đời sống con cái. Họ không dám khuyên con cái đi vào những con đường khác có thể phiêu lưu, mạo hiểm nhiều hơn, nhưng đồng thời cũng hứa hẹn một sự nghiệp lớn cho mình và cho đất nước. Nếu có những người trở thành anh hùng, hoặc thành danh-nhân, thì đó quả là những chuyện rủi ro, ở ngoài ý muốn cha mẹ đời nay. Có thể, danh nhân, anh hùng là loại... mồ côi, nếu không là con... bất hiếu.

Quả thật người ta đã tìm mọi cách giới hạn hoạt-động, ý chí, tài năng, của con cái mình. Trong cái tình cảm gọi rằng thương yêu, họ đã tìm cách phá hoại, tiêu diệt. Thói quen tạo thành thiên-tính, do đó con cái bị ép lâu ngày vào trong khuôn khổ không thể cựa quậy như loài tôm càng mà im thin-thít như là chuối ép. Và những người con quí ấy nhờ có thế lực dễ kiếm chỗ làm nhàn rỗi, lo sắm chiếc xe, tậu một căn nhà, mỗi ngày cố gắng mở rộng thêm vài sửa đổi : lát thêm gạch bông, sơn lại rào giậu, treo cái rèm hoa, rồi nào quạt máy, nào ra-đi-ô, nào là tủ lạnh, biết bao nhiêu là vấn-đề quan trọng làm cho vợ chồng nát óc tính toan và có thể gây giận hờn cho cả hai bên nội, ngoại. Cứ thế cuộc đời cố gắng mà lên. Năm nay sẽ lên một ngạch, năm sau sẽ lên căn gác, và từ chiếc xe máy dầu gắn lên xe hơi, rồi cố sao cho đuổi kịp những xe đeo một bảng số mới nhất.

Trong khi đó, cuộc đời cứ việc ồ-ạt đổi thay. Mỏ quặng dưới đất, cây gỗ trên rừng, và đồng lúa, và súc vật, với bao nhiêu tài nguyên rất phong phú ấy, nếu có bàn tay khai thác, chúng ta sẽ là những kẻ giàu có vô cùng, sống một cuộc đời khoáng đạt, không cần lệ thuộc vào những cai xếp lẩm-cẩm, trong những thì giờ bó hẹp, với những cảm tình vụn vặt, chi-ly, của sự thù tạc chán chường.

Ấy chính vì thế mà chúng ta đây thiếu nhà kinh doanh chân chính, thiếu nhà khoa học có tài, thiếu những danh nhân, thiếu những anh hùng. Thỉnh thoảng mới nghe nói đến một vài học giả. Nhưng đến một lúc nào đó, mọi người bật ngửa. Thì ra các nhà học giả của ta cũng chỉ là kẻ chép sách một cách đều đặn, cẩn thận, với những quan niệm rất là cũ kỹ, nghĩa là theo đúng tinh thần... công-chức. Trong điều kiện ấy, khi cần có món xài lớn cho quốc gia mình, chúng ta lại phải khó nhọc đi vay. Và chịu trả món tiền lời bằng mọi cam kết.

Cuối cùng, ta lại nhìn nhau thở dài : quả là dân ta nghèo thật. Vì nghèo nên mới thèm sang, mới lo đua nhau ăn diện. Vì nghèo nên chỉ lo mỗi một việc học bài, kể cả học tủ, học nhảy, chứ không dám nghĩ đến việc tìm tòi nghiên cứu. Vì nghèo nên phải ăn ở thiếu thốn, và bởi thiếu thốn nên hay ốm đau, và hay ốm đau thì hay dùng thuốc, và càng dùng thuốc thì lại càng nghèo. Ấy bởi vì nghèo nên lầm tình yêu với chuyện buôn bán, và trong khá nhiều trường hợp, hôn-nhân « lý tưởng » có nghĩa là mua được một người chồng địa vị hay chài được một người vợ nhiều tiền. Lại chính vì nghèo không tiền đi đến bác-sĩ nên tin mọi thứ ông Đạo, kể cả Đạo Rờ, Đạo

Liếm, đạo Mò... chuyên trị mọi bệnh bằng các bộ phận sẵn có trên người. Ấy lại vì nghèo mà các đề thi bán như tôm tươi, vì nghèo mà tin tướng số, vì nghèo mà phải giựt hụi, thụt két, đàm chém. Rồi những gian thương càng nhiều, sòng bạc càng tăng, đĩ điếm càng thịnh, mọi ngành hoạt động đều thương mãi hóa đến mức bịp bợm gạt lường.

Tất nhiên không thể làm chuyện trói voi bỏ rọ mà qui hết những tai hại lớn lao trên đây vào một quan niệm giáo-dục hẹp hòi. Nhưng trong điều kiện đất nước cụ thể, một cái lý tưởng giáo-hóa con cái như vậy thật không hẳn là con đường hoàn toàn thích hợp cho sự góp phần giải tỏa bao nhiêu bế tắc trầm trọng đang đè nặng trên cuộc đời dân-tộc nói chung. Ngoài ra, quan niệm học tập hướng về mỗi con đường ấy, còn tạo ra một bi kịch khác nữa, xét về nhân cách con người, đó là *bi kịch một nghề*. Chính vì chỉ biết có mỗi một nghề, và là một nghề bàn giấy, nên bao nhiêu người phải chịu những sự thương tổn sâu xa về mặt tinh thần. Chỉ những công chức cao cấp, hoặc những người có thế lực hay là có một khả năng đặc biệt, còn thì đa số không sao tránh được những sự lệ thuộc phi-lý vào một công sở, vào một chủ sự, vào một giám - đốc. Trong 9 năm qua, bao nhiêu sự kiện ô-trọc vẫn còn lưu lại rõ ràng trước mắt chúng ta. Chỉ vì miếng cơm manh áo gia-đình, — nhưng chính vì một tinh thần cầu an, khiếp nhược — mà một số người mất cả tự trọng, danh-dự, đành chịu hiến thân cho những quỉ loạn, hoặc chịu đồng lõa với những loại hạng gian manh, bởi vì họ ở vào thế thụ động, tùy thuộc. Nhưng nếu ngoài cái ý thức kiêu hãnh về giá trị mình, còn có những nghề chuyên môn đã được trau dồi chu đáo phụ trợ cho cuộc đời mình, thì có một thế lực nào, dù là to tát đến đâu, có thể bắt bí, chèn ép được mình ? Tấn bi-kịch của những người một nghề — và đặc biệt là một nghề công-chức — là một bi-kịch tiếp diễn hàng ngày, cho đến một lúc nào đó, thói quen lại tạo thiên tính, và người ta xem mọi sự nhượng bộ là lẽ dĩ-nhiên, là sự cần thiết, không chừng là điều khôn ngoan.

Ấy chính là vì một số các bậc phụ huynh, dầu đã trải qua con đàng độc-đạo hiểm-nghèo, vẫn không chịu rút kinh-nghiệm thực-tế cho con cái mình. Họ cứ cất dấu những điều họ đã nếm trải, hoặc vì tự-ái, hoặc vì biếng lười — cũng là trạng thái ích-kỷ — mà không chịu phổ biến cho con cái theo một tinh thần thảo luận thân ái, xây dựng, ngõ hầu giúp cho con cái rút tỉa được nhiều bài học. Cho đến một lúc nào đó, cái chết bất ngờ kéo họ ra khỏi cuộc đời, họ lại phó mặc đàn con vào cuộc phiêu-lưu hiểm nghèo hơn nữa. Đôi khi cha mẹ vẫn gọi rằng đó là cách biểu lộ lòng thương nên không muốn ép con mình vào những thực-tập sớm sủa về đời. Nhưng đó cũng chỉ là một cách nói. Xét cho tận cùng ý thức thì họ bị vướng vấp phải những cái quan niệm lệch lạc về nghề lao động, vẫn có những cái tự-ái vô lối với một số kẻ láng diềng lười biếng chỉ thích sống đời ỷ lại đời trụy, vẫn bị một sự ưa nhàn không muốn bày vẽ phiền hà, hoặc là ngại tốn nên

phủ nhận hết ý-thức cần tiến, cầu được làm việc, của con cái mình. Xét trong lịch sử nước nhà, có lẽ chỉ có đời Trần là khôn ngoan nhất, vì họ tỏ ra thực - tế, lo xa hơn hết. Mặc dầu chưa phải già yếu, các vua thường nhường ngôi lại cho con rất sớm để lên làm Thái Thượng Hoàng, sống cách biệt hẳn với con, để dễ theo dõi và hướng dẫn con phương thức trị vì. Cha mẹ ngày nay không muốn, hoặc là không dám « nhường ngôi » cho con cái mình. Họ cứ khư khư giữ lấy mọi sự quản trị và bắt con cái chúi mũi vào trong sách vở. Con cái tò mò muốn biết công việc làm ăn, quản trị gia đình thì bị trách mắng biếng lười, phá hại, chứ không được họ tìm cách giao phó và hướng dẫn cho từ sớm. Cha mẹ chúng ta quả không thích được làm Thái Thượng Hoàng. Vì vậy, khi các người vội giã từ cõi đời, thì ta sờ soạng tự leo lên ngôi một cách vất vả, hoặc là ta đã bị đoạt mất ngôi, và chỉ còn mỗi một cách là chạy ra... đường mà kiếm việc làm !

VŨ-HẠNH

(trích trong tác phẩm « Cha mẹ bơ vơ của Vũ-Hạnh » do Hội Bạn Trẻ Em Việt-Nam xuất bản)

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

★

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

Fabrication : **Oxygène — Acétytène — Gaz Carbonique**
Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane. Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique Installations de garothérapie.

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44. Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ☆ ☆

HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E.C, 2*

Tokyo : *No 1, 2-Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Centrcl distrit : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala lumpur : *14 Ampang Street.*

بِسْمِ اللّٰهِ الرَّحْمٰنِ الرَّحِيْمِ

Nguyên tắc hành đạo của Hồi Giáo

● *DOHAMIDE*

(xin xem B.K. từ 181)

KHI Nabi MUHAMMAD kinh *Cur-An,* vốn là nguồn gốc Giáo qua đời, những quy lệ về việc hành đạo của Hồi-Giáo chưa được hệ-thống-hóa. Phải đợi 2 thế kỷ sau, Hồi-Giáo mới có một tổng hợp lý-thuyết, được phân loại và sắp xếp minh bạch, để không bao giờ thay đổi nữa. Giá trị vĩnh-cửu của Giáo-luật dường như đã tạo nên hiện-tượng bất động trên lãnh vực này, vì người Hồi-Giáo tin tưởng rằng Giáo luật kể trên biểu lộ ý chi của chính Thượng-đế tức OLLOH và các nhà bác học Hồi-Giáo (phu-co-ha), do sự soi sáng của Olloh, chỉ làm công việc sưu tập và ghi lại theo một thứ tự nào đó mà thôi. Tất cả công trình này tạo nên *Sar-y-yah* và các giải pháp tìm được gọi là *Phic.*

Cuộc sống xã hội vốn phức tạp và mênh mông, nên quyền Thánh luật chính yếu của Hồi Giáo, không chứa đựng đầy đủ các nguyên tắc cần thiết cho cộng-đồng Hồi-Giáo, từ nhiều thế-kỷ nay, đã mở rộng từ Châu Phi đến Châu Á.

Người ta tìm một nguồn gốc thứ hai cho Giáo-luật Hồi-Giáo trong Tập tục tức *Ha-đit* bao gồm những lời nói và việc làm của Nabi MUHAMMAD lúc sinh thời, đã được các môn đệ trực tiếp ghi nhận. Và đây cũng là căn-bản thành-văn của Giáo-luật Hồi-Giáo-

Trước một số trường hợp khó khăn, không tìm được một giải-pháp trong hai nguồn gốc kể trên, người ta áp dụng phương pháp loại suy (*Ki - yas*) để định một lối thoát thích ứng.

Cộng-đồng Hồi-Giáo còn đi đến chỗ tự xem là không thể sai lầm, do ở chỗ khi mà các nhà thông-thái đã thỏa-hiệp (*idj mă*) về một giải pháp nào rồi thì giải pháp đó được xem như tiêu-biểu ý-chí Olloh.

Một cách đại-cương, đó là 4 nguồn gốc của Giáo-Luật Hồi-Giáo, qua thời gian, đã tạo nên một toàn thể các quy tắc chỉ hướng sinh-hoạt của Cộng-Đồng Hồi-Giáo lý-tưởng.

Chính tính cách vừa phức tạp và vừa tế-nhị của Giáo-Luật đã khiến nảy sanh 4 Trường phái, như đã trình bày ở bài trước, là *Ha-nê-phi*, *Ma-lê-ki*, *Sa-phê-Y*, và *Han-Ba-ly*, cùng phụng sự Olloh.

Nội dung của Hồi-Giáo Luật quy tụ cả luật pháp, luân lý và đạo.

Phic luôn luôn là đạo, vì nó tiêu biểu ý chí Thượng Đế; *Phic* cũng là luân-lý, vì nó chỉ rõ hướng thiện; *Phic* đồng thời là luật, vì phần lớn nó đượm màu sắc pháp lý.

Do đó, toàn thể đời sống công cộng cũng như cá biệt của Hồi-Giáo, về lý thuyết cũng như thực hành, đều đắm chìm trong bầu không khí đạo-đức.

Trong khung-cảnh đó, người Hồi-Giáo phải luôn luôn nỗ lực thắng mọi cám dỗ ươn hèn, xa rời chánh đạo, để sống hợp với ý chí của Olloh, theo gương Muhammad.

Trên phương diện này, người Hồi-Giáo được *Hu-Kum Sa-rỏ* soi sáng, bằng cách phân loại các hành vi thành 5 loại chính và mỗi loại hàng vi đều đưa tới những hậu quả riêng biệt, những hậu quả nhãn tiền theo luật quả báo và những hậu quả chỉ có ở ngày phán xử sau cùng.

Trong những quy định phức tạp của iáo luật, người Hồi-Giáo phân biệt :

1) *wa-jib* : việc có tính cách bắt buộc tuyệt đối, nếu làm thì được phước, nhưng nếu không làm thì có tội.

2 — *Su-nat*: việc làm được phước, nhưng không làm cũng chẳng có tội gì.

3 — *Ha-rôs* : việc có tánh cách tùy tiện như ăn, uống... hàng ngày.

4 — *Ma-Krôh* : việc không làm thì được phước, nếu làm thì thiếu tốt đẹp.

5 — *Ha-răm* : việc bị cấm tuyệt đối, như uống rượu, hãm hiếp v.v...

Dĩ nhiên là vấn đề hết sức mênh mông, không có thể cô đọng trong một vài trang giấy được.

Tuy nhiên, xét riêng về những bổn phận bắt buộc (*wa-jib*) của người Hồi-Giáo, những việc phải làm thường xuyên, khi đã đặt mình vào trong thành phần của cộng đồng, mọi người Hồi-Giáo, ngoài những việc làm lành lánh dữ, tu nhân tích đức, đều liên tưởng đến năm quy định căn bản trong *Ru-Kun Islam*, tức là năm điều khoản mà mọi người Islam đã sẵn mang đức tin, không thiếu sót được.

Năm điều khoản, rường cột của Hồi-Giáo ấy là :

1) Nhận tin Thượng Đế.
2) Cầu nguyện.
3) Ăn chay tháng Ramađan.
4) Hành hương.
5) Bố thí (Za-Kat).

I. Kalimah Sa-ha-đat.

Ka-li-mah Sa-ha-đat là một công thức bằng tiếng A-rạp, chữ của *Cur-An*, do đó người Hồi - giáo nhận biết Thượng đế (Olloh), nhận biết người soi sáng con đường mộ đạo của mình.

Không một người Hồi-giáo nào là không biết công thức kể trên, vì chính nó là yếu tố căn bản, hướng con người về với Hồi - giáo, nằm trong thành phần của cộng đồng Hồi-giáo.

أَشْهَدُ أَنْ لَا إِلٰهَ إِلَّا اللّٰهُ

Phiên âm : As-ha-đu al-la i-la ha il-lol-loh.

وَأَشْهَدُ أَنَّ مُحَمَّدًا رَسُولُ اللّٰهِ

Phiên âm : Wa as-ha-đu an-na mu-hăm-ma-đar-ro-xu lul-loh.

Câu thứ nhứt có nghĩa là tôi nhận chắc không có Thượng đế nào khác, chỉ có Olloh mà thôi.

Câu thứ hai : Tôi nhận chắc Muhammad là Thiên sứ Olloh.

Loài người, đứng trước vũ trụ bao la, nhận thức rằng phải có một đấng siêu nhiên tác tạo ra vũ trụ đó. Đối với người Hồi-giáo thì đó là một quyền lực vô song, tài năng siêu việt, ấy chính Olloh.

Olloh hiện có, chế ngự vũ trụ và vạn vật, không có một quyền năng nào khác trên Olloh. Sự hiện tồn của Olloh có tánh cách vĩnh cửu, từ thiên ức, vạn kỷ, trước và sau, không có khởi đầu và cũng không có tận cùng.

Thượng đế (Olloh) không xuất hiện dưới hình thức mà con người có thể nhận ra một cách thông thường hoặc ẩn hiện trong các tượng, bụt hoặc trong con người thường.

Người Hồi-giáo nhận chắc Muhammad là Thiên sứ Olloh, tức một Người mà Thượng đế đã ban cho một số phương tiện, được chọn lọc trong các Nabi Ro-Xôn để ban truyền những lời phán cùng ý muốn của Thượng đế. Người Hồi - giáo ngưỡng mộ Muhammad với sứ mạng thiêng liêng, cao cả đó và xem Muhammad như là một gương sáng, mọi người cùng phải noi theo, để thần phục Thượng đế, vâng mệnh Thượng đế. Muhammad cũng như mọi người Hồi-giáo khác, đều phải chịu trách nhiệm trước Olloh về riêng bản thân mình. Và trách nhiệm của Muhammad còn bao la hơn, vì Muhammad lại còn phải chăm lo cho các *u-mat* (tín đồ) của mình về mọi phương diện.

Do đó, người Hồi - Giáo không thể lẫn lộn Thượng-Đế (Olloh) với Muhammad được. Muhammad là vị Thiên sứ sau cùng, đã dựng lên và

xây đắp được vững chắc lớn mạnh một cộng đồng, đề cao tính cách duy nhứt của Đấng Tạo Hóa, xóa tan lầm lẫn của một phần nhân loại.

Có điều người Hồi-Giáo quan niệm rằng Muhammad là một Người đã được Olloh giao cho đặc trách truyền bá *Hu-Kum Islam*, Muhammad có đủ sáng suốt và đức độ cùng tư cách để hoàn thành sứ mạng ấy, nên ai vâng theo lời dạy Muhammad tức là vâng mệnh Thượng đế vậy.

Nơi Nabi Muhammad, người Hồi-Giáo xác nhận 4 đặc tính :

1) *Si-đek* : lời nói ngay thật, dù là nói đùa vẫn thành sự thật.

2) *A-ma-nah* : người tôi trung của Olloh, không làm những điều Thượng đế răn cấm.

3) *Ta-ba-liêk* : người truyền dạy tất cả *Hu-Kum* Thượng đế truyền phán không giấu diếm một điều nào cả.

4.— *Phát-go-nah* : Người sáng suốt, không bao giờ thất lý trước câu hỏi của người khác.

Do quan niệm kể trên, tại các Thánh Đường Hồi-Giáo, người ta không tìm ra những tượng hình hoặc một vật dụng chi để tượng trưng sự thờ phượng. Người Hồi-Giáo nhận định Chân lý theo gương Muhammad và chỉ tôn thờ một Thượng đế trong tâm hồn. Các Thánh Đường Hồi-Ciáo chỉ là những căn nhà trống, khang trang, nơi các tín đồ Hồi-Giáo tụ họp lại ở những giờ giấc ấn định, để cầu nguyện.

Ka-li-mah Sa-ha-đat trước tiên biểu lộ sự thần phục của con người trước Thượng Đế, một cách xác nhận Chân lý đã được phát hiện trong lịch sử. Với tin tưởng của một kẻ tìm được ánh sáng, người Hồi-Giáo dùng *Ka-li-mah Sa-ha-đat* như là một phương tiện chỉ hướng trên con đường Thiên lý.

Người ngoại đạo, muốn gia nhập Hồi-Giáo, trước hết được chỉ dẫn đọc *Ka-li-mah Sa-ha-đat*. Sau khi đọc câu đó, người ấy sẽ kể như đã thành một Hồi-Giáo-đồ. Hồi-Giáo giản dị, không ấn định một nghi thức nào cả, giản dị như là việc lâu nay người ta lạc lối, nay lại tìm được lối thoát, cứu rỗi tâm hồn.

Dĩ nhiên, là phải đọc với một dụng ý ngay thẳng ; nếu không có dụng ý (ni-ha) ấy, việc đó sẽ coi như vô giá trị. Người ta cần nhận đúng tầm quan trọng của *Ka-li-mah Sa-ha-đat* và gởi vào đó, tất cả tấm lòng thành. Sự nhận chắc tính cách duy nhất của Thượng Đế không phải chỉ là vấn đề hình thức suông, vì nó ràng buộc toàn vẹn con người vào trong ấy, cả thể xác lẫn tinh thần,

Sa-ha-đat cũng là một công thức mà người ta thường đọc lên bên tai một người Hồi-Giáo đang hấp hối, khi mà tình trạng sức khỏe không còn cho phép người này tự đọc một mình. Sự việc xảy ra như là một sự trấn an tinh thần trước

khi về bên kia thế giới, một cách tạo nên can đảm cho một kẻ đang tranh đấu với tử thần, một nguồn hi vọng, vững tin rằng mình vẫn thuộc về Hồi-Giáo và được nhắm mắt lìa trần trong những điều kiện của Hồi-Giáo.

Khi người gần chết, quá kiệt quệ, người ta sợ có lầm lẫn, vì *Ka-hi-mah Sa-ha-đat* hơi dài, người ta rút ngắn lại và chỉ còn :

La i-la, ha-il lol-loh.

gọi là

Ka-li-mah Tân-hêđ.

Theo sự trình bày kể trên, *Sa-ha-đat* là một động tác căn bản, biểu lộ lòng tin tiên khởi của người Hồi-Giáo và sẽ « sống » với người Hồi-Giáo từ khi mới sinh, khi mới nhận lấy con đường, cho mãi đến ngày cùng, hai bàn tay trắng, một linh hồn, thân xác trong lòng đất.

(còn tiếp)

DOHAMIDE

Kỳ tới : Cầu nguyện (Sgo-lah).

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÊNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi ngành : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

NGUYỄN-HỮU-DUNG

Kỹ-thuật du-kích trong «Chiến-tranh cách-mạng» của Cộng-sản

TRONG Bách - Khoa số 182 thổ khởi ách Cộng-sản. Muốn thanh ngày 1-8-1964, tôi đã phân tách các lý do tại sao muốn bảo toàn tác dụng « chống Cộng » của một bài khảo cứu, ta cần trình bầy các nhận xét và các sự việc một cách khách quan. Tác dụng chống Cộng là ở điểm lựa đề tài, chứ không phải ở chỗ chửi bới.

Tôi đã lưu tâm cơ quan Kiểm Duyệt nên thận trọng để công tác kiểm-duyệt khỏi biến thành một cản trở cho công việc sáng tác và làm mất giá trị chống Cộng của các bài sưu tầm.

Muốn thắng Cộng-sản trong chiến tranh mà chúng đã gây ra tại Miền Nam, nhân dân cần biết rõ đặc tính của chiến tranh ấy. Vì vậy tôi đã đề cập tới «Chiến Tranh Cách Mạng» của Cộng-sản tại Miền Nam. Hiện giờ Miền Nam vừa là chiến trường, vừa là căn cứ xuất phát để thống nhất lãnh toán chiến trường ấy, cần biết rõ các nguyên tắc mà Cộng-sản vẫn áp dụng tại đấy. Tiếc rằng phần hữu-ích trong bài trước về «Chiến Tranh Cách Mạng» đã bị Kiểm Duyệt xóa bỏ.

Tôi yêu cầu các cơ quan Kiểm-Duyệt đừng hiểu nhầm rằng nói về Cộng-sản, tức là « giới thiệu » cho Cộng-sản. Sự thực là lưu ý về các mưu toan của chúng.

Nói về danh từ « Chiến tranh Cách Mạng », tôi đã trình bầy nguồn gốc. Danh từ ấy đã nhập ngữ rồi. Hai chữ Cách Mạng được dùng trong nhiều trường hợp và tại mọi quốc gia, chứ không phải chỉ được dùng cho các công cuộc do Chính - Phủ Cách Mạng Việt-Nam chủ trương. Tôi chắc rằng các người lãnh đạo cao cấp trong ngành thông tin cũng nghĩ như vậy,

các nhân viên kiểm duyệt chớ nên quá e dè vì e dè là không tin vào sự ngay thẳng và sự sáng suốt của thượng cấp.

Tôi đã ví chiến tranh Cách Mạng như là đáp số của một con tính cộng gồm hai đề số : yếu tố quân sự tức là chiến tranh du kích, và yếu tố nhân dân tức là các phương pháp để xâm nhập dư luận và khủng bố tinh thần.

Về phương diện thuần túy quân sự, chiến tranh du kích đã áp dụng những định luật phân tách bởi Clausewitz, một lý thuyết gia quân sự danh tiếng, người Đức-Quốc, không Cộng - sản. Engels, Troksky và Mao-Trạch-Đông đã triệt để khai thác lý thuyết Clausewitz, nhất là Mao-Trạch-Đông. Vì vậy nếu muốn sưu tầm về chiến tranh du kích, hiện giờ các nhà khảo cứu chính trị đứng đắn đều phải tham chiếu Mao-Trạch-Đông.

Thực ra Mao-Tranh-Đông không tìm ra kiến thức mới mẻ nào. Trong cuộc tranh đấu lâu dài của Đảng Cộng-sản Trung-Hoa, Mao-Trạch-Đông đã góp nhặt nhiều nhận xét về phương diện tâm lý để rút kinh nghiệm và kết luận, rồi trình bầy dưới hình thức định luật.

Mao-Trạch-Đông đã đặc-biệt nhấn mạnh vào tính cách cần thiết của «chủ-động». Phải chủ động mới tự do hành động được. Nếu để mất thế chủ động, du-kích-quân hay bộ đội « cách-mạng » sẽ dễ bị tiêu diệt.

Để chống lại chiến tranh du kích của Việt-Cộng, Trung-tướng Nguyễn-Khánh đã hoàn toàn có lý trong chủ trương dành lấy thế chủ động. Nếu ta chủ động được, thì du kích quân và các đơn vị quân sự của Cộng-sản tại Miền Nam sẽ mất thế chủ động, và theo định luật trên sẽ bị tiêu diệt.

Danh từ « chủ động » cần được định nghĩa rõ ràng. Chủ động không phải chỉ là đánh trước địch và truy kích địch trên chiến trường mà địch đã gây ra. Muốn chủ động, phải gây những chiến trường khác, địch không muốn có nhưng bị lôi vào.

Trong biến cố Vịnh Bắc - Việt hồi đầu tháng 8 vừa qua, Hoa-Kỳ đã hoàn toàn chủ động. Cộng-sản đã hoàn toàn bị động nên bị thiệt hại nặng nề. Vì các lẽ trên, « đánh ra Bắc » là một kế hoạch hữu lý và hữu hiệu, tiếc rằng Kiểm Duyệt đã xóa bỏ mất phần liên hệ giữa Kế Hoạch Bắc-Tiến và Chiến Tranh Cách-Mạng trong bài trước.

Học thuyết du kích của Mao-Trạch-Đông đã do Đại-tá G. Bonnet tóm tắt thành 10 nguyên-tắc, trong cuốn Guerre Insurrectionnelle et Révolutionnaire, không bị cấm lưu hành tại Việt-Nam :

1°) Khởi thủy, chỉ tập kích lẻ tẻ vào các đơn vị nhỏ của địch ở các nơi hẻo lánh, khó tiếp viện nhanh, dần dà mới chạm tới những đơn vị tập trung hơn và mạnh hơn.

Kinh nghiệm : phải lưu tâm tới những vụ khủng bố lẻ tẻ, ngay từ ngày có vụ khủng bố đầu tiên. Theo nguyên tắc này, Cộng-sản đặc biệt lưu tâm tới các vụ phá hoại. Trung tuần tháng 8/64, mới có hai quả lựu đạn nổ ở Quảng-Đông, Trung-Cộng đã tức khắc áp dụng những biện pháp cực kỳ nghiêm khắc.

2°) Du kích không phải là nhất thiết lúc nào cũng trốn tránh. Du-kích cũng chiếm đất, khởi thủy chiếm đóng các làng mạc, khi tình trạng đã chín nhũn tại một địa phương mới chiếm đóng các tỉnh lị.

Hiện giờ tại miền Nam, du - kích - quân Cộng-sản hoạt động ở nhiều nơi, nhưng chưa dám chiếm đóng tỉnh lị nào lâu ngày. Như vậy chứng tỏ rằng tình trạng chưa chín nhũn như những người quá bi quan tưởng nhầm. Tình trạng chưa chín nhũn là nhờ các khả năng chuyển vận nhanh chóng của quân đội. Nếu không có biến chuyển quốc tế quan trọng và nếu ta giữ được các cố gắng về quân sự, tình trạng sẽ không bao giờ chín nhũn cả vì lẽ ta có nhiều khả năng chuyển vận. Cộng-sản biết như vậy, nên chúng mới chuyển giai đoạn du kích sang giai đoạn « chiến tranh cách mạng » để sử dụng yếu tố nhân dân trong nước.

3°) Mặc dầu Du-Kích có thể chiếm đất, nhưng mục đích chính vẫn là tiêu hao hoặc tiêu diệt lực lượng của địch chứ không phải là chiếm đồn hay chiếm đất. Nếu lực lượng của địch chưa hoàn toàn bị tiêu diệt tại một địa phương, thì không được chiếm đất.

Trước khi « tổng phản công » việc chiếm đóng một địa điểm nhất định ngoài «chiến khu» là một việc bất đắc dĩ, vì địch bỏ đi nên du kích quân có mặt tại chỗ phải chiếm đóng, phải « quản lý » (quản lý = cai trị). Vì vậy các cán bộ trung-cấp du kích cũng phải được huấn luyện về công - tác chiếm đóng.

4°) Trong bất cứ trường hợp nào— dù là đánh lẻ tẻ hay đánh vào những đơn vị lớn của địch — cũng phải sử dụng một lực lượng hùng hậu hơn địch, ít ra là gấp 2 nếu không gấp 5 lần. Như vậy mới vây kín được địch và ngăn cản mọi tiếp viện.

Chiến thuật biển người nằm trong điểm này. Có thể dùng thường dân, đẩy đi trước, bắt hò hét, đốt pháo, hô xung phong để uy hiếp tinh thần của địch và làm nghi binh. Nhưng quân số du kích vẫn phải nhiều hơn của địch.

5°) Cần phải biết rõ lực lượng của địch (mới áp dụng được nguyên tắc 4). Muốn biết rõ phải thăm dò kỹ lưỡng vị trí và quân số của địch. Xong rồi nghiên cứu một kế hoạch tỉ mỉ để tập kích. Nguyên tắc là không tập kích nếu không chắc chắn thắng lợi (1).

Để nghiên cứu kế hoạch, không những phải căn cứ vào mọi chi tiết thu lượm được về địch, còn phải đặc biệt chú trọng tới giá trị cá nhân của mỗi cán bộ du kích.

Chính vì điểm này nên trong bài trước chúng tôi mới viết rằng sự bành trướng của chiến tranh du kích trong thời đại nguyên tử là một sự éo le. Trong khi Tây Phương chú trọng đến hỏa lực của võ khí coi như có giá trị quyết định, thì chiến tranh du kích đặt căn bản trên giá trị cá nhân của người cán bộ.

6°) Không ngần ngại hy sinh và mệt nhọc, và phải hoạt động liên tục

(1) Theo một nguyên tắc của Trotsky đã nói trong bài trước: Phải thắng lợi trong những buổi ban đầu, nếu không thì sẽ mất uy tín, không ảnh hưởng được tâm lý nhân dân

bằng cách mở nhiều cuộc tập kích liên tiếp và nhanh chóng.

Mấy năm nay, Việt-Cộng mở những chiến dịch liên hồi tại Miền Nam là theo điểm này. Thi hành nguyên tắc 6, trong thế công, Việt-Cộng áp dụng chiến thuật « tứ khoái nhất mạn », và « tam mãnh ». Khoái là nhanh. Tứ khoái là tập trung nhanh, thanh toán chiến trường nhanh, thu dọn chiến trường nhanh (kể cả chôn và giấu các xác chết), rút lui nhanh. Mạn là chậm. Nhất mạn, là nghiên cứu kế hoạch chậm, thực kỹ. Mãnh là mạnh. Tam mãnh là « mãnh xung » (xung phong mạnh), mãnh đả (đánh mạnh) và mãnh truy (truy kích mạnh). (Thực ra, ngoài việc thu dọn chiến trường, các chiến thuật trên không có gì lạ, chỉ khác ở điểm tập rượt trước khi tập kích, và ở chỗ nhắc đi nhắc lại đến thuộc lòng mới thôi).

Để chiến tranh du kích giữ được tính cách liên hồi nói trên Việt-Cộng áp dụng 4 nguyên tắc : địch đánh ta lui (tránh né, phân tán mỏng), địch lui ta bám, địch mệt ta đánh, địch đóng ta phá.

7o) Phải cố gắng tập kích địch trong khi địch chuyển vận. Muốn được vậy phải có tin chắc chắn và điều động du kích quân thực nhanh. Phải biết rõ lực lượng của địch, giờ giấc và tốc độ chuyển vận (công tác do thám). Phải lựa chỗ đón đường và tập kích, đặt nhiều điểm liên lạc để theo rõi địch và truyền tin bằng mọi cách có thể dùng được: các ám hiệu bằng âm thanh, bằng ánh sáng, bằng mầu sắc,

Kế hoạch tập kích phải căn cứ vào lực lượng di chuyển của địch : hoặc trực kích cả đoàn quân di chuyển nếu quân số không đông (dưới 100 người), hoặc chia ra để đánh, hoặc đánh hậu tập.

8o) Nếu tập kích vào các tỉnh lỵ hoặc các đồn lớn, phải trước hết tập kích những điểm yếu nhất, rồi mới đánh các điểm mạnh hơn, chỉ xung phong vào tỉnh lỵ hay vào đồn khi nào đã thanh toán hết các điểm tựa vòng ngoài.

9o) Chiếm võ khí và quân sĩ của địch để tăng cường lực lượng của mình.

1oo) Trong thời gian nghỉ ngơi giữa hai chiến dịch, hay hai tập kích, phải kiểm điểm lực lượng và tiếp tục huấn luyện. Không được nghỉ ngơi quá lâu, không để thời giờ cho địch thở.

Cộng-sản nghiên cứu các kế hoạch rất chậm, rất tỉ-mỉ. Nhiều khi chúng giao cho hai ba người nghiên cứu, rồi giao cho người thứ 4 quyết định. Kế hoạch phải được giữ triệt để bí mật. Trước khi tập kích, chúng tập rượt cẩn thận để thi hành kế hoạch. Mỗi du kích quân chỉ được biết phận sự của mình thôi.

Một thiểu số có tự ti mặc cảm tưởng rằng Cộng-sản có những phương pháp và tài năng kỳ diệu. Sự thực, chúng chỉ cẩn thận thôi, cẩn thận trong việc nghiên cứu kế hoạch, cẩn thận trong việc tập rượt, cẩn thận trong việc dò đường xung phong và đường rút lui.

Các kế hoạch tập kích đều dự tính hông tác phá hoại, công tác này khởi sự 1 hay 2 giờ trước khi tập kích (phá giây điện thoại, phá giây điện tín, đào đường v.v...). Thường thì tập kích vào ban đêm để dễ tránh né. Không được để lọt một ánh sáng nào, không được hút thuốc, không được nói, không được bắn trước khi có lệnh xung phong mặc dầu đã tiến tới gần vị trí địch.

Kế hoạch tập kích cũng phải dự tính tài liệu tuyên truyền để mang theo. Nếu có đủ thời giờ phải tập trung dân lại để tuyên truyền trước khi rút lui. Tại Miền Nam, Việt-Cộng vẫn làm như trên. Nếu ta có những lời chỉ bảo hữu lý và xác thực để cảnh giác dân, thì dân đỡ ngỡ-ngàng trước các mưu mô tuyên truyền của địch.

Trong chiến tranh du kích, vấn đề thưởng phạt là trọng đại. Trong khi tập rượt trước khi tập kích, Cộng-sản thúc đẩy các cán bộ phải hứa hẹn, Việc thưởng phạt căn cứ vào kết quả đối chiếu giữa lời hứa trong khi tập rượt và tác phong thực sự trên chiến trường.

Như đã trình bầy trong hai số trước, nguồn gốc của chiết tranh du kích là chính trị. Du-Kích phải ăn khớp với một khuôn khổ và một khung cảnh chính trị. Vì vậy Mao-Trạch-Đông luôn luôn nhắc nhở các cán bộ du kích không được tưởng nhầm rằng có thể thắng lợi trong một chiến tranh cách mạng mà chỉ căn cứ vào hiệu lực của dao găm hay của lựu đạn. Phải luôn luôn lưu tâm tới Chính-Trị và nhớ rằng Chiến-Tranh chỉ là một phương diện của Chính-Trị. Chính-Trị đặt mục đích cho chiến tranh và ấn định chiến lược.

Trước khi phát khởi một chiến tranh du kích. phải lũng đoạn chính trị. Trong khi chiến tranh du kích tiếp diễn, cần phải tiếp tục hoạt động chính trị, không những để xâm nhập dư luận và đào tạo điều kiện cho cuộc tranh đấu chính trị sau này, mà còn bảo vệ cho các cơ sở du kích và giúp sức để nghiên cứu các kế hoạch du kích.

Chiến tranh du kích cũng có cơ sở : trụ sở, hầm và các kho võ khí, công binh xưởng, v.v... Để bảo vệ cơ sở cần theo rõi địch một cách liên tục, và thiết lập những cơ cấu «giao liên» (giao thông, liên lạc), cần canh phòng cẩn mật nhưng kín đáo.

Để nghiên cứu kế hoạch, cần dò la vị trí của địch, lực lượng địch, các tập quán của địch, các phương pháp và phương tiện tiếp vận, danh tính cấp bực và thói quen của các cấp chỉ huy của địch, v.v...

Tất cả các công tác nhằm thăm dò tâm lý, lượm tin về địch, đều thuộc phạm vi tình báo. Tình báo là hạ tầng cơ sở của Chiến-Tranh Du-Kích và Chiến-Tranh Chính-Trị. Sẽ xin nói tới trong kỳ sau.

NGUYỄN-HỮU-DUNG

Một giai đoạn mới trong cuộc tranh chấp Bắc-Kinh – Mạc-Tư-Khoa

VŨ - BẢO

Dư luận thế giới hằng theo dõi sự tranh chấp Nga Sô và Trung-Cộng đã lại có thêm một đề tài nữa để bàn tán xôn xao từ khi báo Pravda cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng Cộng Sản Liên-Xô, trong số ra ngày mồng 10 tháng tám vừa qua đã loan quyết nghị của Đảng triệu tập vào giữa năm 1965 một Hội nghị Cộng-Sản quốc tế gồm các đảng Cộng-Sản trên thế giới. Để chuẩn bị cho Hội-Nghị này, sẽ có một hội nghị sơ bộ triệu tập vào ngày 15 tháng 12 năm 1964 để soạn thảo các tài liệu dùng làm căn bản cho việc thảo luận trước Hội-nghị Quốc-tế nói trên. Theo báo Pravda thì Hội nghị này hết sức cần thiết vì có nhiều điểm khác biệt đang chia rẽ Cộng-sản quốc tế.

Các bình luận gia đều cho rằng cuộc tranh chấp giữa Nga-Sô và Trung-Cộng, âm ỉ từ năm 1957, được bộc lộ công khai từ tháng 10 năm 1961, nay đã lại tiến thêm lên một bước nữa và trong Hội nghị sắp tới Nga-Sô sẽ không ngần ngại gì trong việc « chính thức hóa » sự chia rẽ của hai người anh lớn trước một hội đồng gia tộc gồm vào khoảng tám chục đàn em.

Thế là điều mà các đảng Cộng-Sản «ôn hòa» vẫn lo ngại nay đã sầy ra. Sự bất đồng ý kiến giữa Mao-Trạch-Đông và Krouchtchev nay không còn chỉ diễn tả bằng báo chí, phát thanh hay bằng những sự đấu khẩu ít nhiều cay chua hay có khi pha thêm chút nọc độc trước các hội nghị quốc tế; sự bất đồng ý kiến đó nay đã thành cả một sự ăn thua và cả hai bên muốn dành phần thắng đã không ngần ngại ném

cả uy tín và địa vị của mình vào cuộc đấu.

Nguyên nhân của sự tranh chấp này có thể tóm tắt như sau :

Nga-Sô chủ trương hòa hoãn với Tây-Phương và cho rằng chỉ có sự hòa hoãn đó mới tránh cho thế giới thảm họa của một cuộc chiến tranh nguyên tử.

Chủ trương đó làm cho Trung-Cộng hết sức lo ngại vì một sự hòa hoãn với Tây-Phương có nghĩa là sự quân bình của thế giới sẽ được ổn cố trong những điều kiện hết sức bất lợi cho việc phát triển của Trung-Cộng.

Đứng về phương diện lý thuyết Cách mạng, Nga-Sô thấy rằng các giáo điều Mác-Lê-Nin cần phải được thích ứng với tình thế mới, trong khi Trung Cộng lên án mọi sự xa lìa chủ nghĩa Mác-Lê chính thống. Và Trung-Cộng đã không ngại tặng cho Cộng Sản Liên-Xô danh hiệu «bọn chủ nghĩa xét lại».

Về phương diện kinh tế, Krouchtchev trong một bài diễn văn vừa đọc trước Sô-Viết tối cao, đã yêu cầu Ủy-Ban Kế-Hoạch nhà nước trong việc sản xuất các sản phẩm tiêu thụ, từ nay sẽ lấy nhu cầu của nhân dân làm tiêu chuẩn. Đó là cả một sự thay đổi về quan niệm kế hoạch kinh tế. Việc sản xuất từ nay sẽ không dựa trên chính sách của nhà nước mà sẽ dựa trên nhu cầu của giới tiêu thụ.

Và Trung-Cộng lại được dịp la lối ầm ĩ là Krouchtchev đang tái lập chủ nghĩa tư bản.

Krouchtchev còn đi xa hơn nữa. Trong một cuộc phỏng vấn gần đây dành cho ông Roy Thomson đăng trong tờ Sunday Times số 16-8-1964, Krouchtchev khi bình luận về những sự trao đổi thương mại giữa nước cộng sản Lỗ-Ma-Ni với Tây-Phương đã trả lời rằng những sự trao đổi đó làm cho tình hình hiện tại đỡ căng thẳng và mở đường cho sự sống chung hòa bình. Cũng trong cuộc phỏng vấn đó Krouchtchev tuyên bố sẵn sàng gặp các nhà lãnh đạo Tây-Phương trong một hội nghị thượng đỉnh.

Người ta hiểu được tại sao mỗi ngày Trung-Cộng lại càng nặng lời thóa mạ Nga-Sô. Và trước những sự đả kích mỗi ngày một hỗn xược của Trung-Cộng, Nga-Sô đã không kiên nhẫn được lâu hơn nữa và đã quyết định đưa vụ tranh chấp ra trước một hội nghị quốc-tế các đảng Cộng-sản như ra trước một thứ « tòa án nhân dân ». Đành rằng trước tòa án này các bồi thẩm là những anh em đồng chí, và tuy chưa biết phán quyết của tòa án sẽ ra sao, người ta cũng thấy rằng Nga-Sô đã cương quyết muốn mổ cho tan cái nhọt bọc và đằng nào việc không tránh khỏi cũng phải xảy ra thì tại sao không khoác cho nó một hình thức tối thiểu ?

Chí đã quyết mà lòng còn ngại

Tuy ý định của Nga-Sô thật rõ rệt nhưng trong hành động, Nga-Sô vẫn để lộ ra một chút gì rụt rè. Rụt rè trước hết về thời gian triệu

tập hội nghị. San nữa rụt rè trong việc ấn định mục đích của hội nghị.

— *Thời gian triệu tập hội nghị :*

Lúc đầu Nga-Sô dự định triệu tập hội nghị sơ bộ vào mùa hạ và Đại hội nghị vào mùa đông. Về sau nghĩ lại, Nga-Sô triệu tập hội nghị sơ bộ vào cuối năm nay và dời Đại hội nghị mãi đến giữa năm tới. Lý do nào đã khiến cho Nga-Sô rùng rằng như vậy ? Nga-Sô đã muốn dành thêm một « thời gian nghĩ lại » cho Trung-Cộng chăng ?

Nga Sô chờ đợi một sự khuyên nhủ huynh đệ ở nơi các đảng Cộng sản khác khiến cho Trung Cộng bỏ thái độ thách thức chăng ?

Nhưng lý do có thể đúng nhất trong việc Nga Sô dời Hội nghị sơ bộ tới 15 tháng chạp là Nga Sô có ý chờ kết quả của cuộc bầu Tổng Thống tại Hoa Kỳ. Nguyên nhân của sự tranh chấp giữa Bắc kinh và Mạc tư khoa đã là chủ trương của Mạc tư khoa muốn hòa hoãn với Tây Phương, thì ít ra muốn họp bàn về sự tranh chấp đó, cũng phải chờ xem Tổng Thống Hoa-Kỳ sắp tới, người lãnh đạo số 1 của khối Tây phương có phải là người muốn hòa hoãn hay không ? Nếu ứng cử viên quá khích của Đảng Cộng-Hòa là ông Goldwater đắc cử thì với chủ trương cứng rắn của ông này cả việc hòa hoãn cũng cần phải xét lại, nói chi đến việc họp bàn về mối tương tranh với Trung Cộng trên vấn đề hòa hoãn với Tây Phương ?

Vả lại nếu ông Goldwater đắc cử thì ngay đến Trung Cộng cũng thấy cần phải xiết chặt hàng ngũ với Nga Sô và trước một đối thủ chung quá khích như vậy may ra hai người anh em bất hòa có thể tạm quên được mối khắc biệt đã từng chia rẽ đôi bên.

Tuy nhiên, Nga-Sô có lùi ngày triệu tập hội nghị sơ bộ đến giữa tháng chạp đi chăng nữa để chờ xem Tổng Thống Hoa Kỳ tương lai là ai, Nga Sô cũng thấy rằng hi vọng thắng cử của ông Coldwater rất mỏng manh và cũng lại tờ Pravda, đã không úp mở gì hết, tỏ ý mong muốn dân Mỹ sẽ đủ già dặn chính trị để đừng chọn đi theo con đường phiêu lưu của ông Goldwater. Nói một cách khác tờ Pravda đã ủng hộ đảng Dân chủ Hoa Kỳ trong việc tranh cử ghế Tổng Thống. Thành ra chờ thì chờ, Nga Sô vẫn biết trước là mối tương quan giữa Nga Sô và Huê-Kỳ sẽ vẫn tiếp tục trên căn bản hiện tại ấy là chưa kể còn có thể cải thiện hơn, và dù có lùi ngày họp, cuộc hội nghị dự định để mổ xẻ sự xung khác giữa Nga với Trung-Cộng sẽ không có thay đổi gì. Nói tóm lại việc lùi ngày triệu tập hội nghị chỉ nhằm để phòng trường hợp ngựa về ngược mà ông Goldwater thắng phiếu trong cuộc bầu cử tháng 11 sắp tới tại Hoa-Kỳ.

— *Mục đích của hội-nghị :*

Ngoài việc dời ngày họp, sự thận trọng của Nga-Sô còn lộ ra trong

việc ấn định mục đích của Hội-nghị.

Có một lúc những đảng Cộng-Sản «ôn hòa» đã lo ngại Nga-Sô triệu tập hội nghị nhắm khai trừ Trung-Cộng ra ngoài Cộng-Sản Quốc-Tế hay để tăng cường quyền kiểm soát của Nga-Sô đối với các đảng trung thành với sự chỉ đạo của Mạc-Tư-Khoa.

Nhưng mối lo ngại đó đã tiêu tán ngay khi tờ Pravda số ra ngày 10 tháng 8 vừa qua đã công bố những mục đích khiêm tốn của Hội nghị. Theo báo Pravda thì Hội Nghị chỉ nhằm đi tới việc ký kết một thứ thỏa hiệp thân hữu theo đó thì các đảng Cộng sản cam kết từ nay tránh mọi luận chiến, và không bao giờ can thiệp vào việc các đảng anh em. Không có tập trung kỷ luật vào một khối nữa. Không có thứ giáo lý chuyên đoán, không có độc quyền giải thích chủ nghĩa Mác Lê nữa. Mạc Tư Khoa sẽ đề nghị với Hội nghị chấp nhận một sự phóng khoáng và tương dung. Và trong Hội Nghị này tính chất độc lập của các đảng cộng sản, sẽ được thừa nhận không những trong lý thuyết mà ngay cả trên thực tế. Chắc chắn hội nghị sắp tới sẽ sửa đổi lại các tuyên ngôn đã công bố trong các hội nghị trước nhóm vào năm 1957 và năm 1960, cùng chấm dứt cái hình ảnh truyền kỳ của một Khối cộng-sản thống nhất trên thế giới.

Phản ứng của Trung Cộng

Mặt dầu Nga-Sô tỏ ra nhượng bộ như vậy, phản ứng của Trung-cộng cũng rất là quyết liệt. Trước khi Nga-Sô có một hành-động nào cụ thể chuẩn-bị hội nghị sơ bộ, và cũng chẳng chờ đợi giấy mời dự họp của Nga-Sô, Trung-Cộng đã gửi ngay cho Trung Ương Đảng Liên-Sô một lá thư lời lẽ thật gay gắt đại ý như sau :

« Chúng tôi không bao giờ tham dự một Hội nghị quốc tế hay một hội nghị sơ bộ do các đồng chí triệu tập một cách đơn phương, độc đoán để tạo ra một sự phân liệt trong phong trào quốc tế Cộng-sản.

Những bọn chủ trương xét lại chỉ là thiểu số không đáng kể so với tổng số người Cộng-sản trên thế giới. Hàng ngũ bọn chúng cũng hết sức là chia rẽ. Cho nên lịch sử sẽ chứng minh rằng cuộc hội nghị mà các đồng chí định triệu tập mà không tham khảo ý kiến của các đảng anh em và không được các đảng anh em tán thành, sẽ chỉ là một hội nghị không đáng kể đi ngược lại lại quyền lợi của cộng sản quốc tế, phản bội nhân dân và cách mạng Hội nghị đó chỉ phục vụ quyền lợi của tư bản cũng như những hội nghị do Đệ nhị quốc tế triệu tập để chống lại chủ nghĩa Lê-nin.

Nhưng các đồng chí đã quyết định thì các đồng chí bắt buộc phải triệu tập hội nghị nói trên nếu không muốn làm trò cười cho các thế hệ mai sau. Cũng như phương ngôn đã nói các đồng chí đang ở cái thế cưỡi lưng cọp và không xuống được nữa.

Những điều kiện lịch sử hiện tại là một cuộc khủng hoảng trầm trọng đối với bọn xét lại và do chính họ gây nên. Cho nên chúng tôi tin rằng ngày khai mạc của hội nghị cũng là ngày mà họ đặt chân vào cái huyệt họ đã tự đào.

Chúng tôi mong mỏi các đồng chí sẽ kịp dừng bước ở bên bờ vực thẳm và đừng bận tâm về những chuyện thể diện.

Còn nếu các đồng chí từ chối không nghe lời chúng tôi và cứ nhất định chọn đi con đường dẫn tới thảm họa thì việc đó cũng là do các đồng chí muốn như vậy.»

***

Khi gửi bức thư trên không phải là Trung-Cộng không thấy rõ là bức thư đó cũng chẳng thay đổi được ý định của Nga-Sô. Nhưng Trung-Cộng vẫn gửi vì thực ra qua Trung-ương Đảng Liên-Sô, Trung-Cộng đã muốn nói chuyện nhiều hơn với các đảng Cộng-Sản khác trên thế giới và nhằm phân hóa hàng ngũ các đảng này trước đề nghị của Liên-Sô. Làm như vậy Trung-Cộng đã dập lại đúng chiến thuật của Đệ-Tam Quốc-Tế phân hóa hàng ngũ các đảng xã hội sau Thế chiến thứ nhất.

Về phần Nga Sô thì cũng không có ngạc nhiên gì trước phản ứng của Trung Cộng. Và tờ Pravda, trù liệu trước sự từ chối của Trung-cộng đã viết : « Nếu các đảng anh em thấy là có thể chấp nhận được, hội nghị sẽ được triệu lập, dù có hay không có sự tham dự của Trung-hoa ». Theo nhiều quan sát viên thì việc Trung-cộng không có ra trước « Tòa án các đảng cộng-sản » càng làm tiện việc cho Nga-sô. Việc xử án khuyết tịch này sẽ tránh cho cả Nga-sô lẫn Trung cộng một sự đối chất nặng nề cho hai bên, và cho các đảng cộng-sản khác tới phó hội.

Và Nga-sô tiếp tục súc tiến thủ tục triệu lập hội nghị sơ bộ. Hội nghị này sẽ mời 26 đảng đã dự thảo bản tuyên ngôn năm 1960 Nga-Sô cũng biết trước rằng sẽ có một số đảng, theo gương Trung-Cộng, sẽ từ chối không tới dự Hội nghị sơ bộ. Trong số các đảng này chắc chắn sẽ có đảng Cộng-Sản Albanie, Bắc Cao Ly, Bắc-Việt, và Nam-Dương. Có thể là đảng Cộng-Sản Nhật bản cũng sẽ khước từ lời mời của Nga-Sô vì như người ta đã rõ, gần đây đảng Cộng-Sản Nhật đã luận chiến dữ dội với Nga-Sô và Hội nghị chống võ khí nguyên tử họp ở Nhật cuối tháng 7 vừa qua đã tách ra làm 2 nhóm, nhóm theo Nga-Sô họp tại Hiroshima và nhóm theo Trung-Cộng họp tại Tokyo.

Trong những ngày tới, chắc chắn Trung-Cộng sẽ có những hoạt động ngoại giao mạnh mẽ để thu hút thêm số ủng hộ viên trong hàng ngũ các đảng Cộng-Sản nhất là ở Á-Châu, Phi-Châu và Mỹ La-tinh. Ngay ở Âu-Châu, Trung-Cộng cũng sẽ nhắm lôi kéo các đảng Cộng-Sản Ý, Nam-Tư và Ba-Lan. Riêng đối với đảng Cộng-Sản Lỗ-Ma-Ni là đảng đã tỏ ra nhiều

khuynh hướng độc lập với Nga-Sô. Trung-Cộng lại còn chú trọng hơn nữa bằng cách gửi cả một phái đoàn thiện chí sang thăm Lỗ-Ma-Ni. Kết quả là ngày 18 tháng 8 vừa qua, đại sứ Lỗ-Ma-Ni tại Hung-Gia-Lợi đã tuyên bố là nước ông sẽ không tới dự hội nghị sơ bộ.

Tương lai Hội-nghị sẽ ra sao ?

Có một điều chắc chắn là từ nay đến 15 tháng chạp 1964, tất cả các đảng Cộng-Sản đều phải định rõ thái độ của mình. Trước sự lôi kéo của hai khuynh hướng trái ngược, họ sẽ phải chọn lựa và sự chọn lựa nào cũng đau đớn ngay cả với người Cộng-Sản.

Một số đảng sẽ theo Nga-Sô nghĩa là muốn đem vào trong khối Cộng-Sản một không khí «dân chủ» cởi mở để cho nước nào cũng có thể xây dựng xã hội chủ nghĩa theo những đường lối và cơ cấu thích hợp với mình.

Một số khác sẽ theo Trung-Cộng vì cho rằng những nhu cầu cách-mạng đấu tranh của thế giới vô sản đòi hỏi một kỷ luật tập trung một khối Cộng-Sản thuần nhất không nứt rạn.

Thế là như một ngọn đao sắc bén mà người ta chỉ gặp trong các chuyện kiếm hiệp, Hội Nghị sắp tới sẽ bổ một nhát vỡ đôi cái tảng đá Cộng-Sản Quốc-Tế từ trước đến nay vẫn được coi như là một nguyên khối.

Có người lại còn cho rằng chưa chắc gì mà ngọn đao đó sẽ cắt đứt được một mạch tảng đá kia. Và cái nguyên khối Cộng-Sản Quốc-Tế có khi không vỡ đôi mà sẽ vỡ ba. Bên cạnh hai khuynh hướng khắc biệt tranh chấp nhau cái danh hiệu thừa kế chân chính của Cộng-Sản Quốc-Tế có thể lại còn một khuynh hướng thứ ba không muốn bị ràng buộc bởi phe nào hết. Có thể là đảng Cộng-Sản Cuba, từ trước đến nay vẫn đứng ngoài cuộc tranh chấp Nga-Hoa, sẽ cùng với đảng Cộng-Sản Algérie và một vài đảng Cộng-Sản khác nữa, thành lập một nhóm phi liên kết.

Dầu Quốc tế Cộng-Sản sẽ chia hai hay chia ba, thì sau Hội-nghị mà Nga-Sô sẽ triệu tập, biểu đồ các đảng Cộng-Sản trên thế giới chắc chắn sẽ được hoạ lại. Dưới tên mỗi đảng Cộng-Sản rồi đây sẽ có thêm một dấu hiệu chỉ dẫn họ thuộc phe nào.

Và như vậy, Hội-nghị sắp tới quả thật là một rung động lớn lao trong thế giới Cộng-Sản. Ngay đối với cả thế giới tự do, Hội-nghị cũng buộc người ta nghiên cứu lại biểu đồ nói trên một cách kỹ lưỡng để rút ra những quyết định mới trong chiến lược chống Cộng-Sản.

VŨ-BẢO

PHAN-DU

uất hận lên men...

HOÀNG kéo hai chiếc ghế dựa lại gần góc tường ngay, chỗ có mấy chồng đặc san cũ của Nha Công an, sửa một thế nằm tạm để nghỉ lưng trong lúc đợi chờ.

Suốt một đêm không ngủ, tinh-thần căng thẳng vì những xúc động dập dồn mãnh liệt, hắn nghe mệt nhoài. Giờ đây hắn không còn nhọc trí để suy đoán, tiên nghiệm những gì sẽ xảy ra. Lành hay dữ hắn bất cần. Hắn sẽ được đưa về địa điểm nào ? liệt vào hạng nào ? A hay B, hay C ? Chúng sẽ hỏi những gì khi lấy khẩu cung ? mức độ của sự tra tấn ? Những câu hỏi này không còn ám ảnh, quấy rầy tâm trí hắn như lúc hắn còn ngồi bó rọ trong chiếc xe màu xanh, thùng kín bít bùng, của Ty Cảnh sát quốc gia, hay trong đêm vừa rồi, nằm ép một bề như con cá trích đóng hộp giữa một đám đông có đủ hạng người trong cái không khí oi bức, ngột ngạt của gian nhà kho chật chội.

Với cái mệt lả người, nhừ nhuyễn cả thể xác lẫn tinh-thần, đầu óc Hoàng càng nặng trĩu càng trở nên trống rỗng. Hắn không buồn suy nghĩ và chỉ thấy cần được nằm, được ngả lưng xuống trong giây lát rồi đến đâu thì đến. Tuy phải nằm trong một cái thế rất cấn cái — đầu tựa ngửa trên chồng đặc san, chân bỏ thõng xuống đất — nhưng cảm giác đầu tiên của hắn lại là một thoải mái khó tả. Hắn nhắm mắt lại và trông cho những phút nghỉ ngơi càng được kéo dài càng hay . . . Hắn muốn tạm quên hết. Nhưng ngay trong lúc sự suy tư ngưng lại, thì những ảnh tượng lại đua nhau xuất hiện, lũ lượt biểu diễn trên nền đen sâu thẳm của trí tưởng : những ngôi chùa bị tấn công, bừng tỏa ánh lửa của đèn đuốc, vang dậy tiếng gào thét, la ó thất thanh, náo động cả một góc trời đêm ; đám sư sải bị thương, băng bó nhiều nơi, ngồi lúc nhúc trong vòng vây của bọn lính gát dưới ánh nắng vàng mười, những chiếc xe thiết giáp hùng hổ xông xáo qua các phố, những chiếc G. M. C. đi xúc thanh

niên, thiếu nhi và những xe nhà binh đủ cỡ chạy qua lại, ngược xuôi, liến thoắng như thoi đưa trên các nẻo đường nhựa thưa người, ngổn ngang những giây kẽm gai, lỗ-nhỗ bóng quân nhân được võ trang hoàn bị hơn cả những khi xuất trận . . .

Bên ngoài, cái rào-rào ù-ù phát ra từ đám người đông đảo không ngớt vọng vào. Trong cái rào-rào luân lưu như tiếng biển động ấy, Hoàng phân biệt được những tiếng la hét, tiếng kêu gọi ơi ới, tiếng cãi vã, tiếng động cơ của nhiều loại xe ô-tô. Có cả tiếng reo hò và những tiếng cười.

Tuy nhắm nghiền đôi mắt, nhưng Hoàng vẫn như thấy rõ qua đôi mí trĩu nặng, qua cả lớp tường dày của gian phòng, cảnh tượng đông đảo ồn ào ngoài kia. Đám đông có trên ngàn. Một phần lớn đã bị dồn vào phía hội-trường — tạm biến thành địa điểm câu lưu — ở bên kia sân quần vợt, nằm ngay sau ngôi lầu một tầng cao lớn, trụ sở chính của Nha công-an. Phần còn lại, đa số là thanh-niên, thiếu nhi, được tập trung ở phía bên này sân quần vợt, trong khoảng trống giữa ngôi lầu và dãy nhà phụ. Chúng được sắp ngồi thành hàng năm, hàng bảy trên những lối đi, ngay dưới ánh nắng, gay gắt, hừng hực sức nóng của than hồng. Có lẽ bọn chúng bị xúc từ những cuộc mét-tinh biểu tình, nhốt ở một nơi nào đó, mới chở về lúc sớm. Cứ trông sắc diện hình thù, những mái tóc bù rối như tổ quạ, những bộ mặt hốc hác, nhem nhuốc, áo quần nhầu nát, bết lấm đầy cả bụi đất, cũng đủ biết bọn chúng đã trải qua những cuộc đuổi, lùng ví kinh hoàng, bắt bớ, đánh đập, giam giữ và bị bỏ phế như một bầy vật đã mấy đêm ngày là ít. Một số đông trong bọn được băng bó nhiều nơi. Những giải băng dấy đầy máu — những vệt máu rớm thấm qua vải đã khô và sẫm hẳn màu — bám chặt trên đầu, trên cổ tay, cánh tay hoặc ở đùi về của lũ trẻ, tuy bẩn thỉu, ám đầy bụi và mồ hôi, nhưng giữa cái đám đông ngơ ngáo, hỗn độn, và trong cái không khí nặng nề, đầy những đe dọa, màu trắng tàn tạ của chúng vẫn ánh ngời lên một cách kinh dị, dưới ánh nắng chói chang, như cố phô-trương sự đắc-thắng của một cuộc đàn áp cực kỳ man rợ. Lũ trẻ, với những thương tích đầy mình, giống hệt một đoàn cừu non mang dấu vết quào cấu điên loạn của những móng vuốt thú dữ say máu. Nhưng cái bản tính hồn nhiên, vô tư, nghịch ngợm của tuổi trẻ vẫn không ngừng đùa cợt với bạo lực. Mặc dầu bị phơi nắng, vùi bụi, đói và khát nước, bọn chúng vẫn thản nhiên nô-đùa, tạo ra đủ cách thế để thỏa mãn tính hiếu động và tính nghịch. Không chạy nhảy được thì chúng lại múa, nhào lộn, trồng chuối ngay tại chỗ, ném sạn, ném giấy, ca hát, reo hò. Tiếng cười vẫn trong trẻo, ròn rã như tiếng cười ngày hội. Tiếng cười hồn nhiên, trong cái khung cảnh này, tự dưng lại đượm vẻ thách thức, ngạo nghễ. Tất cả một cơ-quan cưỡng chế với bao nhiêu phương tiện, hình thức phô-trương thế lực áp đảo, uy hiếp tinh thần con người : lính gác, súng ống, nhà giam, xà-lim, dụng cụ tra tấn, đám nhân-viên lăn xăn ra vào, mặt đầy sát khí, dữ dằn đanh ác, thét ra khói, hét ra lửa, chỉ trở thành một

thú trò đùa, trò hề, một loại «*Ba kẹ*» bất lực, vô hiệu trước cái thái độ phớt tỉnh, dê kêu của đám quần chúng măng sữa này.

Nghĩ đến bọn chúng đang phải phơi nắng, tự dưng Hoàng ái ngại và thấy khó chịu với cái may còn được nằm trong góc phòng nhỏ hẹp, tuy hắn biết hắn chỉ được ném bỏ tạm thời vào cái xó này mà thôi. Lát nữa, hay lâu lắm là vài giờ nữa, hắn cũng sẽ được lùa vào đám đông bên kia sân quần vợt hay đưa tới một địa điểm nào khác.

Hoàng mở mắt khi nghe tiếng động cơ gào rít lên dữ dội và tiếng chuyển mình ầm ầm của một chiếc xe cỡ lớn vừa tiến vào, dừng lại đâu đó trước dãy nhà phụ có gian phòng hắn đang nằm nghỉ lưng. Hắn tự nhủ : Lại một chuyến nữa. Từ đâu tới ? Cho đến bao giờ những cuộc săn người của chúng mới chịu kết thúc ! Xe vừa tắt máy được một lúc, Hoàng đã thấy có rất nhiều bóng người lũ lượt lướt qua khung cửa lớn. Cứ mỗi chuyến xe đến, hắn lại để ý dòm kỹ để xem có mặt Chấn hay không Đã ba chuyến xe chở người về đây, vẫn chưa thấy Chấn. Sớm nay, tại nhà kho của Ty cảnh Sát, khi nghe đọc danh sách loạt người đưa về nha này để làm thủ tục, hắn rất ngạc nhiên vì không có tên của Chấn tuy cả hai cùng ở một nơi và bị tóm một lần. Chấn cũng sửng-sốt. Trong vẻ sửng-sốt của Chấn có gì khiến Hoàng thương hại : cái ngơ ngác, hốt hoảng của một đứa bé tự dưng cảm thấy mình phải bỏ rơi bơ vơ, lạc loài, biểu lộ trên gương mặt của một gã tráng-niên đã có vợ, có con càng khiến Hoàng cảm động và đau xót. Lúc ra đi, Hoàng nghĩ có lẽ vì số người bị giam tại Ty quá đông lại thiếu xe, nên chúng phải chia ra nhiều tốp như vậy. Chấn sẽ đi vào lượt sau cũng nên. Nhưng đã ba chuyến xe rồi, Hắn càng có ít hy vọng hơn, khi hỏi thăm một anh lính gác, có bộ mặt hiền lành hơn cả, để xem có phải tất cả số người bị giam tạm đêm vừa rồi, tại Ty Cảnh-sát quốc gia, đều được lùa về đây không. Người lính, với bộ mặt lạnh lùng và lầm lì, chừng như từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ chưa biết xúc động, chưa biết cười là gì, đáp gọn : không chắc, có thể đưa về địa điểm khác. Rồi anh ta vội vã bỏ đi, dáng lấm lét sợ hãi như vừa phạm phải một trọng tội và lo ngại có người trông thấy.

Ba chuyến xe, chưa thấy Chấn. Lạc rồi chăng ? Tình và Cửu, cùng bị bắt và được đưa qua đây một lần với Hoàng, ngồi mãi ngoài hiên, lúc này bước vào phòng. Tình lại gần Hoàng rỉ tai :

— Xem chừng bọn này chúng bắt ẩu. Có người không có trong danh sách. Anh có nhớ lúc chúng chở bọn mình xuống bến xe Nguyễn-Hoàng không ? Chúng gọi tên một người nào đó. Anh ta đi vắng. Thấy có thằng em đứng xớ rớ bên cửa, chúng tóm cổ lùa vào xe. Thật là ô-danh. Mình nghĩ tức quá. Mình có làm gì đâu mà chúng bắt mình. Đi chùa cũng không ? Phật-tử cũng không ? Tôi nghĩ kỹ chỉ có một lý do...

Tình ngừng lại. Nhưng Hoàng đã đoán ngay được ý nghĩ của người bạn đồng sự khốn khổ này rồi. Hắn tiếp lời :

— Vì tôi chứ gì. Cũng có lý.

— Vì bọn tôi làm việc gần phòng anh, năng chuyện trò to nhỏ, năng đi cà-phê, cà-pháo với anh. Chúng đã xúc anh thì thế nào cũng phải tóm cả bọn tôi theo. Chúng nghi là bọn mình có liên kết với nhau chứ gì.

— Chúng cho tôi là đầu đảng. Nhất định là như thế.

Tuy Hoàng vẫn biết những câu nói của Tình không có ý gì qui oán cho hắn, nhưng hắn vẫn cảm thấy áy náy, ân hận như chính hắn phải gánh chịu một phần trách-nhiệm về chuyện không may đã xảy ra cho Chấn, Tình và Cửu. Sự bắt bớ, ở trường hợp hắn, xét ra còn có nghĩa lý — tuy hắn cũng không phải là một phật tử và không có ý tham gia cuộc tranh đấu của Phật-giáo đồ —, nhưng đối với Tình, Cửu và Chấn thì thực là hết sức vô nghĩa. Hắn cảm thấy thương hại khi nhìn vẻ mặt thiểu não, đầy lo âu của hai người. Đây chỉ là những con người ngoan ngoãn trong đám đông sự giàu đức ngoan ngoãn, thuận thụ mà hắn được chung sống từ ngày hắn gia nhập vào cái xã hội công sở. Càng đi sâu vào cái phần nhân giới này, Hoàng càng cảm nghiệm được rõ rệt hơn một sự thật rất đáng hãi hùng : đồng lương, địa vị lần hồi đã giết chết mọi ý-hướng thăng tiến của nhân cách. Chúng đã trở thành những thứ xích sắt, còng sắt mạ vàng, kiềm hãm trong xó tối những con người tự do, bất khuất, để dành chỗ cho những tên nô-lệ ngoan ngoãn, những con người máy dễ sai khiến vươn lên và choán phần ánh sáng mặt trời. Đức tính tiêu biểu nhất trong cái xã hội này là cái đức « tròn trặn, nhỏ nhoi ». Hầu hết đều tròn, tròn vo, lúc nào cũng tròn như con quay, con vụ. Tròn và nhỏ nhoi như con kiến, mềm như còn bún, nhẵn như đá mài, giỏi tránh né, luồn lọt như thân lươn. Nhỡ có một cạnh góc nào chớm mọc ra trong tâm tính, để đánh dấu cái sức khỏe còn vướng sót của nhân cách, thì nó lại được xem như là một thứ đại họa, một ung nhọt nguy hiểm cần mổ xẻ, loại bỏ gấp. Trong cái xã-hội này người ta chẳng bận tâm đến những gì khác hơn là những công việc — thanh toán một cách thong dong và tắc trách — hàng ngày ở cơ-quan và những thú vui nho nhỏ sau giờ làm việc. Tất cả mọi cố gắng, nỗ lực đều chỉ nhằm vào mục đích giữ vững nồi gạo và bảo vệ đến kỳ cùng hạnh-phúc bình yên. Tinh thần cầu an đã được khai triển đến cái độ người người đều hãi sợ những chuyện bất thường, những xáo trộn, sóng gió của cuộc sống. Nhất là sợ tù tội. Giữa cái cộng đồng mà con người chỉ biết và đã quen đánh giá nhau bằng chức vụ, địa vị, ngạch trật, đồng lương, bộ cánh cùng các thứ tiện nghi, thì tù tội dầu trong trường hợp nào, với mục đích, ý nghĩa nào cũng không thể là con đàng vinh hạnh.

Hoàng lặng nhìn Tình và Cửu. Chỉ mới một đêm một ngày mà trông cả hai đã già khọm đi. Tình hỏi :

— Có cách gì nhắn tin về nhà được không ?

— Chịu. Lúc nãy tôi có gặp mấy thằng quen trong đám nhân viên công an, làm ở văn-phòng. Nhưng chúng đều làm ngơ cả. Chúng sợ !

Tình lại hỏi tiếp :

— Bị bắt thế này chắc là không được lãnh lương nữa chứ gì. Chết mất.

Hoàng an ủi :

— Thường thì lúc nào có tội hắn hoi, tòa tuyên án xong rồi kia chứ. Nếu tôi không lầm, thì tuy bị giam thế này lương vẫn lãnh đủ.

Thực ra Hoàng cũng không hiểu rõ lắm về những nguyên tắc này. Hắn chỉ nói để an ủi, và an ủi xong hắn lại càng thấy bứt rứt, ân hận. Hắn tự nhủ:

— Dầu sao thì cũng tại mình một phần. Thức tỉnh ý thức chống đối ở những con người này là một chuyện làm chính đáng hay là một tội ác? Giá cứ để yên bọn họ trong cái nguyên trạng ngoan ngoãn thuận thụ thì đâu họ có khổ sở như hôm nay.

Vì năng gần gũi, chung đụng trong công việc hàng ngày, và cái cảm tình của Hoàng đã chiếm được một cách sâu đậm ở bọn họ, mà Tình, Cửu cũng như Chấn đã chịu ảnh hưởng rất nhiều về cái tính cương trực, khí khái của Hoàng. Nhất là Cửu, một ấn công trong ban ấn loát thuộc quyền điều khiển của hắn trước khi hắn bị bắt. Một Phật tử rất chân thành. Có thể nói khó tìm được một tín đồ nào đã thấm nhuần và thực hiện đúng mức cái tinh thần « dĩ ân báo oán » của giáo lý nhà Phật như anh ta. Hiền lành, trầm mặc, ít nói và không hề biết giận ai bao giờ. Rất giỏi nhẫn nhục, nhường nhịn. Trước mọi sự khiêu khích, mọi thái độ bất nhã, xử tệ, Cửu chỉ đáp lại bằng nụ cười hay cái vẻ chịu đựng, cầu hòa. Tuy biết rằng cái đức nhẫn nhục của Cửu vốn được bắt nguồn từ cái bản chất hiền hậu, trung thực sẵn có và tinh-thần của tín-ngưỡng hơn là từ cái mẫu số chung về tâm lý của giới đồng sự, Hoàng vẫn bực mình. Hắn thường coi là một tủi nhục, một dấu hiệu đáng buồn thương, lo ngại cho loài người trên con đường hoàn thành nhân tính, sự phát hiện của những tâm hồn mà trong đó mọi ý-niệm, ý hướng phản kháng, chống đối đã tê liệt hẳn. Một quả tim đã nguội lạnh thứ máu nóng biết sôi réo lúc cần là một quả tim chết. Và cùng với nó phải chết theo tất cả những động lực cần thiết cho sự thăng hoa của nhân phẩm. Cảm tình hắn dành cho Cửu là một thứ cảm tình đau xót. Hắn không bỏ qua một dịp nào có thể nêu cho Cửu thấy rõ những nhược điểm và cái hại cho nhân cách của đức khoan nhu thuận thụ ấy. Sự cảm hóa lần hồi đã tỏ ra có tác dụng. Nhất là từ khi cuộc tranh đấu của Phật giáo đồ bùng nổ cho đến ngày hắn bị bắt, Hoàng lần hồi nhận thấy ở Cửu nhiều dấu hiệu của một cơn vũ bão chuyển dậy trong nội tâm. Con người ấy vẫn lầm lì, thinh lặng, chăm chú, cần cù với công việc hằng ngày trong xó nhà in, nhưng chính cái vẻ thinh lặng, lầm lì, cặm cụi ấy nhiều lúc lại đã mặc khải với Hoàng một biến động lớn lao tiềm ẩn ở bên trong. Có một hỏa-sơn tắt nguội từ lâu đang chuyển mình bùng nổ. Máu lạnh đã được hâm lại

cho nóng và đã bắt đầu muốn trào réo trong bầu tim vốn yên lặng vì giàu đức khoan nhu. Sự mặc khải phát hiện từ gương mặt và cặp mắt của Cửu. Nhất là cặp mắt chúng là thứ hàn thử biểu bén nhạy, ghi nhận và phản ảnh một cách lẹ làng, trung thực mức độ thăng trầm, tiến thoái của cuộc tranh đấu.

Nếu những dấu hiệu này có vẻ lạ ở một con người như Cửu thì nó còn lạ hơn ở Chấn. Cửu là phật-tử. Nhưng với Chấn ? Hoàng nhớ chính vào cái ngày có đoàn xe thiết giáp biểu dương lực lượng trước đám dân lành trong thành phố, tối lại, vì các công sở phải cấm trại một trăm phần trăm, Chấn cùng nằm chung một phòng với Hoàng. Đã khuya lắm, cả hai vẫn chưa ngủ. Chấn nằm ngửa người trên chiếc bàn bên cạnh, hai tay khoanh trước ngực, hai chân duỗi thẳng và hai bàn chân chồng lên nhau, lắc qua lắc lại không ngừng. Chấn có cái cố tật là mỗi lúc nằm, hai bàn chân hắn cứ phải lắc lư mãi cho đến lúc ngủ mê. Cũng như Cửu hay Tình, Chấn rất mến Hoàng, thích gần gũi, tâm sự. Nhất là dạo gần đây, ngay trong giờ làm việc, mỗi lúc được rảnh rang, Chấn lại tìm vào phòng Hoàng để hỏi dọ những tin tức về dư luận ngoại-quốc đối với vụ Phật-giáo. Chấn khoái nhất là những bài bình luận đả-kích mà Hoàng dịch miệng lại cho hắn nghe. Những đêm trực, thế nào Chấn cũng chọn cho được chỗ nằm gần Hoàng để chuyện trò. Hoàng cũng yêu Chấn vì cái vui tính, sự tận tâm, thói quen hay giúp ích bạn bè của người bạn trẻ này, nhất là cái vẻ thơ ngây, ấu trĩ. Tuy đã trên hăm lăm tuổi, có vợ, có con, nhưng vì vóc người nhỏ nhắn, gương mặt lại còn giữ nguyên vẹn cái vẻ măng sữa, non dại, nên dầu Chấn có cố tạo ra vẻ đứng đắn, chững chạc bao nhiêu, mới trông, người ta vẫn thường lầm hắn với một thanh niên độ mười bảy, mười tám là cùng. Đời sống của Chấn cũng thật là hiền lành, vô sự. Hoàng thường nghĩ là Chấn rất khách quan với thời cuộc, hắn có chú ý đến tin tức, những bài bình luận đả kích chính quyền chẳng qua là vì tính hiếu kỳ mà thôi. Nhưng đêm ấy, chính Hoàng lại phải ngạc-nhiên vì nhận thấy mình còn đánh giá Chấn quá thấp. Vào lúc một giờ hơn, nghe Chấn trở mình, Hoàng nhìn qua, chú ý đến hai bàn chân lắc lư rất mạnh của Chấn, hắn mỉm cười hỏi :

— Sao ? chú em chưa ngủ à ? Suy nghĩ chuyện gì đấy hay là nhớ bà xã ở nhà ?

Chấn vẫn gác tay trên trán, lim dim cặp mắt, chúm môi phà nhẹ khói thuốc thành từng luồng dài. Nghe Hoàng hỏi, Chấn chép miệng :

— Lạ thật !

— Cái gì lạ ?

— Tôi nghĩ tôi không phải là Phật-tử. Không đi chùa bao giờ. Có thể nói là bọn thầy cúng còn làm cho tôi có thành kiến với đạo Phật nữa là khác, mà tại sao trước những biến cố xảy ra, trước những biện pháp đối phó có vẻ chó má của Chính-quyền, mình cứ thấy như chính mình bị khiêu-khích

vậy. Lắm khi tôi nghe tức ăm ắp cả ngực, tức đến sôi gan. Càng thấy những trò đểu cáng của chính quyền, thái độ hống hách, côn đồ của bọn mặt rạch, cái vênh vang hí hởn của một số trong bọn đầu sỏ ở cơ-quan này mình càng « sô » quá.

Hắn ngồi lên, vất mạnh mẩu tàn thuốc ra sân, rồi khoanh tay ôm hai đầu gối, mỉm cười :

— Nhiều lúc vì thế mà tôi nẩy ra những ước mơ rất ngộ nghĩnh anh ơi ! Tôi ước sao mình được như Tề-thiên đại-thánh, hóa muỗi bay vào dinh Độc lập dùng búa mà đập cho bể sọ con mẹ Nhu, thằng cha Nhu và lão Diệm. Cũng có lúc tôi ước mình có đủ sức bầm nát bọn chúng độ mươi đứa rồi mình chết cũng hả lòng.

Hắn lại cười một cách chua chát, thảm khổ rồi gục đầu trên hai cánh tay. « Mái tóc chải phồng thường được hắn giữ gìn, chăm sóc rất cẩn thận lúc này nứt rạn và sệ xuống hai bên tai, như hai cánh gà mái ấp con. Trong bóng tranh tối, tranh sáng của gian phòng, lúc Chấn ngẩng mặt, Hoàng nhận thấy cặp mắt của người bạn trẻ này vụt sáng quắc lên, sáng một cách kinh dị. Cặp mắt ấy hướng nhìn về phía đầu cầu Tràng Tiền và dừng hẳn lại trước một chiếc xe thiết giáp, nằm phơi mình một cách vô tích-sự dưới ngọn điện đường, dương mũi súng lên cao như cố làm oai với hàng cổ-thụ và đám dơi nghịch ngợm đang mải miết phóng nhanh mình qua các vòm cành lá, vẽ thành những vòng tròn đen trên không trung. Cặp mắt ấy cũng giống cặp mắt của Cửu. Giống ở cái vẻ dữ dằn, say máu.

Nghĩ đến Chấn lúc này, Hoàng thêm nôn nao trong lòng. Xa Hoàng và đồng bọn chắc Chấn đã khổ sở càng khổ sở thêm. Hắn cố nhìn vào đám người mới tới. Nhưng chuyến này hầu hết là sinh-viên học sinh. Một số dòm vào gian phòng hắn đang ngồi với những cặp mắt tò mò, lục sạo rồi bỏ qua các gian phòng khác. Tiếng giày, tiếng dép, tiếng guốc quyện vào nhau theo một nhịp dập dồn, cuống quít, rối loạn và cùng cuốn theo cái rầm rì, thì thào của những câu đối thoại, bàn tán thấp giọng.

Từng loạt người cứ trảy qua mãi. Sau cùng, có bốn thiếu-nữ suýt soát tuổi nhau, trạc mười tám, đôi mươi, dừng lại, ngập ngừng giây lát rồi kéo nhau vào phòng. Một cô trong bốn thiếu-nữ có dáng là tiểu thương gia, còn là nữ-sinh cả. Nhìn lối ăn mặc còn tươm tất, những cuốn sách, kẹp sách trên tay của ba nữ-sinh, Hoàng đoán biết là đám này vừa bị xúc đâu ngay tại trường, giữa giờ học. Cô gái, «tiểu thương» chắc cũng thế, cũng vừa được điệu cổ đâu từ cửa hàng hay từ một cảnh chùa nào đó đến thẳng nơi này. Cả bốn nhìn quanh phòng một lượt rồi cùng tiến vào góc phòng gần cửa ra vào. Ba nữ sinh ngồi ghé vào chiếc ghế băng dài kê sát tường. Cô gái « tiểu-thương » chiếm chiếc ghế vừa đượt bỏ trống cạnh đấy vì ông cụ choáng chỗ, ngồi lâu mỏi lưng, bước trái ra mé hiên. Cả ba nữ-sinh đều có vẻ ngơ ngác như những con nai bất thần chạy lạc vào giữa vòng vây của đám người đi săn. Nhất là cô nữ-sinh mặc áo tím-

nhỏ thó hơn cả, có mái tóc phủ vai, mướt và óng ả như một bợn tơ, ủ ấp một gương mặt hơi tròn. Gương mặt của thiếu nữ được Hoàng chú ý ngay từ lúc nàng mới bước vào. Chú ý vì cái vẻ rời rã và cái sắc trắng bạc đến kinh dị. Một gương mặt chết. Cái chết lạnh của băng giá, của đá khối, của sự chết. Ngắm kỹ gương mặt ấy, Hoàng nghĩ trừ phi có một phép lạ nào đó, không bao giờ vẻ tươi thắm hồng hào lúc thường còn có thể hồi-sinh. Cặp mắt nàng tuy đẹp, trong trẻo lạ, vẫn không cứu vãn nổi cái sắc diện úa héo, thiếu não. Cặp mắt đen, to lớn, nhưng mệt mỏi, lờ đờ. Hoàng tin rằng lúc thường nó phải là hai viên hoàng chiếu, hai nụ cười bất tuyệt. Nhưng giờ đây, ngọc mờ mất rồi, nụ cười bất tuyệt héo úa mất rồi. Cặp mắt ấy không cười được nữa. Nó chỉ nói lên bao nỗi xao xuyến, hãi hùng. Hai nữ-sinh kia, cô mặc áo trắng cũng như cô mặc áo màu hoa cà, tuy cũng lộ vẻ hớt hãi âu lo, nhưng thần thái vẫn còn đỡ hơn. Chừng như hai nữ sinh này không quen biết nữ sinh áo tím. Ngồi lâu buồn, cả hai cùng dở vở ra đánh «Croix zéro», trong lúc thiếu nữ «tiểu thương», chống khuỷu tay vào bàn, đỡ lấy cằm, ngó ra bên ngoài, một tay mân mê chiếc khăn lụa màu hồng nhạt xếp gọn. Tuy thiếu nữ cũng đẹp, lối phục sức cũng thanh lịch không kém ba nữ sinh kia, nhưng ngay trong vẻ người của nàng có cái gì khác biệt khiến Hoàng đoán biết ngay thành phần. Có lẽ đó là cái vẻ già dặn, tinh khôn so với lứa tuổi của nàng. Cũng có lẽ đó là cái dáng, chừng chạc, mực thước trong thái độ, cử chỉ mà phải là cái nhìn tinh tường mới phân biệt được. Tóc nàng cũng vừa phủ vai, khuôn mặt hình thuẫn với hai gò má hơi cao một cách khêu gợi. So nàng với nữ-sinh mặc áo tím thực là hai hình ảnh đối chọi nhau như mặt trời với mặt trăng. Nàng có một cặp mắt sáng dưới đôi chân mày khá rậm. Một thứ ánh sáng rất lạ. Cái sáng ghê rợn của những tia lửa căm hờn. Cùng với cái sức sáng của cặp mắt, đôi môi hơi dày thinh lặng, suy tư, tạo cho gương mặt lầm lì mà khả ái của nàng, một vẻ kiêu hãnh cương nghị hiếm có. Cái cương nghị của hạng đàn bà si và to gan. Nàng ngồi nhìn ra ngoài, nhưng thực sự là không nhìn vào đâu cả. Không nhìn vào đám thiếu nhi, không nhìn các bồn cỏ và hàng cây cổ thụ đang rũ ngọn gội nắng, không nhìn đám lính gát, không nhìn những chiếc công xa đang nằm nghỉ dưỡng sức sau những chuyến xúc người đắc lực. Cái nhìn của nàng xa xăm lạ. Nó hướng vào một đối tượng vô-hình nào đó, khó mà phỏng đoán được, chỉ biết là nàng càng nhìn, cặp mắt trông càng dễ sợ, càng long lanh. Trong cái đượm buồn, ánh ngời lên những lằn xao dợn của sóng uất hận. Hoàng thấy thiếu nữ càng đẹp và quyến rủ hơn nhiều với cái vẻ hằn học, căm phẫn trong trạng thái chiêu đãm, thinh lặng. Cái nhìn của nàng như dính liền với một đối tượng vô hình nào đó. Chừng như cái nhìn ấy đang phóng thẳng và xuyên qua mọi chướng ngại của sắc giới để đón nhận một cái cái gì huyền nhiệm. Cái gì vậy ? Thật khó mà nghiệm đoán nổi. Nhưng một sự kiện ngẫu nhiên đã giúp Hoàng khám phá được thứ đối tượng huyền nhiệm của cặp mắt ấy. Ở một phút bất ngờ, từ đâu trong chiếc khăn tay màu hồng, rơi ra một bức ảnh nhỏ. Thiếu nữ cúi xuống nhặt lên, với cái dáng trân trọng,

kính cẩn tuy hấp tấp, vội vàng, và thu giấu ngay trở vào trong chiếc khăn hồng. Sự việc chỉ diễn ra trong một khoảnh khắc thoáng qua, nhưng bọn Hoàng cũng kịp nhận thấy. Tình buột mồm khẽ kêu lên :

— Bức ảnh Thích-Quảng-Đức ! Gan thực.

Cũng ngay lúc ấy, một nhân viên công-an từ đâu bên ngoài tiến tới trước cửa phòng, đưa ngang tầm mắt một bản danh sách đánh máy, gọi lớn :

— Nguyễn thị Thu-Nguyệt ! Thu Nguyệt có đây không ?

Thiếu nữ « tiểu thương » ngồi thẳng người lên, lạnh lùng đáp :

— Có. Tôi đây.

Nhân viên công an nhìn nàng rồi lại nhìn vào bản danh sách lần lượt đọc tên độ mười người nữa, rồi nói :

— Mời đi theo tôi.

Thiếu nữ đứng lên rời khỏi ghế, cùng mấy người có gọi tên bước ra khỏi phòng.

Tình nói nhỏ :

— Gan thực. Vào đây mà còn dám mang ảnh Thích-Quảng-Đức theo, cũng gan đấy.

Cửu, vẻ mặt tươi sáng hẳn lên :

— Còn phải nói. Giới tiểu thương ở chợ Đông Ba thì còn phải nói. Công an cũng chạy mặt.

Hoàng nhìn hai người và trông thấy cả hai như khác hẳn. Cặp mắt Cửu như bừng chói với những tia lửa mà Hoàng thường bắt gặp trước đây. Tình cũng có vẻ trầm tĩnh nhiều hơn.

***

— Cơm ! a ! cơm ! Cơm dọn rồi bay ơi !

— Thôi đi. Mấy nội lầm to, Cơm cho đám đông bên kia chứ đâu có phải cho bọn chúng mình.

— Bộ mày tưởng bỏ đói bọn mình được sao ? Dễ bỏ đói à ?

— Chúng làm tàng, chúng bỏ đói, mày làm gì được chúng.

— Làm gì sao ? Đã vào đây là liều rồi. Không cho ông ăn, ông đói, ông chửi cho bỏ mẹ đi chứ.

Có nhiều tiếng cười reo, rồi lại có tiếng nói :

— Không bỏ đói đâu. Nhưng chắc cũng lâu lắm mới đến phiên bên này. Ăn những thứ gì thế hả bay ?

— Thì cũng lại cơm với xì-dầu chứ gì. Xì dầu tịch thu trên chùa, gạo tịch thu trên chùa. Tao biết hết, Chính quyền làm cho bõ ghét mà. Xì dầu, gạo được chở những mấy căm nhông lúc nãy toàn là của chùa cả. Tao biết.

Một chú lính gác đứng núp trong bóng cây, trợn mắt sừng sộ :

= Im cái mồm ! Cho một báng súng chết tốt ngay bây giờ.

Bọn trẻ đang cười nói lao nhao vụt nín lặng hẳn. Nhưng chúng chỉ nín lặng trong chốc lát để nhìn nhau, nheo mắt, méo miệng với cái dáng chế diễu, rồi trong đám đông, có đứa bỗng nhại lại cái giọng chú lính :

— Im cái mồm !

Một vài đứa khác nói tiếp :

— Cho một bảng súng chết tốt ngay bây giờ.

Rồi cả hàng trăm đứa cùng cười rộ lên. Tiếng cười tập thể của chúng như búa vây và chôn sống cả chú lính gác lúc này đứng chống súng, dương tròn cặp mắt cú vọ, nhưng lặng người như một kẻ bị trời trồng. Bộ mặt sượng sùng của hắn mỗi lúc mỗi đỏ thêm. Một quả ớt chín mùi.

Lũ trẻ được thế càng làm dữ. Những tiếng «ê» đua nhau thoát ra từ hàng trăm cửa miệng, ngân dài, tiếp nối mãi như không muốn ngừng... Đám người lớn đang nằm sóng soải hoặc ngồi ngủ gà, ngủ gật trong mấy gian phòng của dãy nhà phụ, nghe tiếng ồn, chồi dậy, nhìn về phía sân quần vợt. Dưới ánh nắng lóa mắt, bọn nhà thầu vừa cho khiêng ra sân độ mươi thúng cơm lớn để trần. Trên mỗi thúng cơm có bốn năm chai xì-dầu. Xen lẫn giữa mấy thúng cơm nầy có hai chảo canh rau lỏng bỏng. Vừa thấy cơm, số người xấu chứng đói từ phía sân hội trường đã chồm vội tới. Nhưng lớp người tiền-phong này vừa tiến lại gần thì bọn lính gát đã sừng sộ dùng báng súng thúc vào ngực, vào bụng và quát tháo :

— Ê, lui hết. Lui ! Có lịnh cho ăn mới được ăn.

Tiếp theo những tiếng quát tháo này, từng loạt súng lại dương cao lên và giáng mạnh xuống. Nhưng đám đông chỉ dồn lui mấy bước, rồi thình lình, những tiếng la hét, reo hò vụt nổi lên như sấm dậy, thác người từ trong sân, trên các bậc cấp, trên hiên và ngay cả trong hội trường ào ào đổ xuống, tràn ngập sân quần vợt, và trong đám bụi tung lên mịt mờ là một cảnh hỗn loạn. Từng đám đông bu quanh các thúng cơm như đàn kiến vủ lại chung quanh những giọt mật, chen chúc, giành giật, mạnh ai nấy bới, xúc, vục cả đĩa hoặc cà mèn vào chảo canh, rồi chạy bay biến tản mác về những phía còn có đôi chút bóng mát vì mặt trời đã đứng bóng. Những đợt tấn công ồ-ạt như vậy tái diễn có đến bốn năm lần, sân quần vợt mới phục hồi lại được cái trống trải lúc bình thường. Trên nền xi-măng trắng, nóng bỏng, chỉ còn trơ lại những chiếc thúng không, những chiếc chảo không, và lênh láng đây đó những vũng nước canh chao đổ trong cơn giành giật...

Hai nữ-sinh đánh croix-zéro đã bỏ cuộc từ lâu và cả bộ ba cùng ngồi nhìn, theo dõi, quan sát sự diễn tiến của bữa tiệc lộ thiên trên sân quần vợt để cùng nhìn nhau, mắt đầy lo ngại.

— Ăn thế sao ?

— Còn sao nữa ! Tù mà lại.

— Bưa bọn chúng mình chết đói mất.

Tự dưng Hoàng lại ngắm nữ-sinh áo tím. Nàng vẫn ngồi yên, vẫn thinh lặng. Cặp mắt trông càng xa xăm, chới với, và sắc mặt càng trắng bệch thêm. Trông nàng như một cái xác cẩm thạch. Dưới mắt Hoàng, chính cái thần thái tan tác, vẻ ngây ngô, thơ dại, hãi hùng của nữ sinh có những gì khả dĩ tố cáo một cách hùng hồn, hơn cả những vết thương băng bó ở đám thanh-niên, thiếu nhi ngoài kia, tính cách man rợ, đê hèn của cuộc khủng bố, đàn áp. Gương mặt ấy đã chết hẳn rồi. Những nét tươi thắm, hồng hào, sinh động đã chết hẳn. Thật là vô phương cứu vãn. Một đóa hoa héo úa đến độ không còn có thứ sương móc nào có thể mang trả được sức hồi-sinh. Trừ phi một phép lạ, hắn nghĩ thế. Nhưng hắn cảm thấy không thể có một phép lạ nào, đúng theo sự mong muốn của hắn, lại có thể xảy ra được cho sự hồi sinh của gương mặt ấy, giữa cái không khí và khung cảnh đầy đe dọa này.

Ngay giữa lúc Hoàng đang băn khoăn ái ngại thì từ phía ngoài hiên, một toán người vừa được chở đến, đổ dồn lại phía cửa phòng. Lại vẫn là sinh viên, học-sinh, giáo chức. Bỗng có nhiều tiếng kêu gọi ồn ào :

— Cẩm ! Trời ! Đến đây hồi nào ! Anh Hoàng ! Chị Lan ! Cẩm đây. Cẩm ở đây rồi.

Những tiếng nói, tiếng kêu gọi vui mừng tíu tít đổ dồn vào cửa phòng. Năm nam-sinh và bốn nữ-sinh kéo nhau tiến vào, bao quanh nữ sinh áo tím :

— Trời ơi ! bị gọi đi, đưa đi qua đây hồi nào ? Cứ tưởng là lạc mất. Bọn mình cũng buồn héo ruột. Tin là lạc hẳn nhau mất rồi còn gì.

Không khí nặng nề của gian phòng chật chội, lúc nãy như đông đặc thành khối, giờ đây vụt nhiên nứt rạn, tan vỡ, giải tỏa thành hơi. Hoàng nhìn qua phía nữ sinh áo tím. Hắn ngạc nhiên xiết bao khi nhận thấy cái phép lạ, hắn nghĩ không bao giờ xảy đến, đã xảy đến. Trên gương mặt của nàng, những gì mà hắn cho là đã chết hẳn, vụt nhiên sống lại. Cái màu trắng bệch của sự chết, của sự hải hùng đã chuyển vội thành cái sắc hồng hào, tươi thắm. Có một thứ lửa huyền nhiệm đốt sáng trở lại cặp đồng tử, nhuộm hồng lại đôi má, đôi môi. Có lẽ một đóa hoa héo úa, giữa bãi sa mạc nóng bỏng, tự dưng hồi tỉnh lại với tất cả hương sắc, cũng không làm cho người ta phải sửng sốt, ngạc nhiên bằng sự phục hồi mau lẹ của cái thần thái bình thường ở cô nữ sinh áo tím lúc này.

Sự phục hồi càng trở nên toàn vẹn khi, giữa đám người đông đảo, một giáo sư trường luật — Hoàng nhận ra đó là cái ông luật sư đã bị giam giữ cùng một chỗ với hắn tại Ty cảnh sát quốc gia trong đêm qua — từ đâu ở một gian phòng phía đầu hồi dãy nhà phụ, len lỏi tiến vào với một gói bọc giấy nhật trình khá lớn trên hai bàn tay đưa cao lên khỏi đầu, vui vẻ ngỏ lời cùng đám sinh-viên :

— Đây là món quà của giáo sư X... nhờ tôi chuyển đến anh chị. Dùng tạm đi cho đỡ đói.

Quà đây là một gói bánh ngọt. Gói bánh được tiếp nhận sét với nhiều tiếng hoan hô, reo cười và những gương mặt đầy cảm động. Gói quà tuy tầm thường nhưng lại được vẽ thiêng liêng, vì nó đánh dấu sự còn sót lại của một cái gì, mà người ta yên trí từ lâu là đã mất hẳn, trong cái thời buổi mà nhân tình đã tiến tới chỗ cực độ của sự khinh bạc : *tình nghĩa thầy trò*. Không còn phân biệt quen lạ, gói bánh được mở ra, phân phối đồng đều cho những nam nữ sinh-viên có mặt trong phòng. Chiếc bàn ở góc phòng biến thành một bàn tiệc. Bao nhiêu băn khoăn, lo ngại được gát lại một bên, cảnh huống hiện tại chừng như cũng được quên bẳng. Tất cả chỉ còn biết vui cái vui tái ngộ của một đàn chim sau cơn tản lạc vì nạn cung tên. Những câu đối thoại dập dồn, tíu tít, thân mật và hoan hỉ chẳng kém gì câu chuyện hàn huyên của những linh hồn thân yêu từ phương xa qui tụ về dưới mái ấm vào dịp Tết nhất. Nữ-sinh áo tím, tươi tỉnh hẳn lại với đôi mắt nhung ngời sáng thêm và đôi môi hồng thắm đơm hoa. Trông nàng khác hẳn, xa lạ quá với cô nữ-sinh áo tím trước đây chỉ trong giây lát. Và ngay lúc này, những nhịp cầu thông cảm cũng đã được nối liền giữa nàng cùng số sinh viên quen thân mới vào và hai nữ sinh cùng vào một lần với nàng trước đây. Người ta xoắn xuýt lấy nhau, hỏi han nhau về trường hợp bị bắt, kể cho nhau nghe từng chi-tiết về những gì đã xảy ra và hầu như không ai còn bận tâm đến cái bối cảnh đáng lo ngại chung quanh mình nữa.

Một điểm làm cho Hoàng phải chú ý nhiều hơn là cùng với cái thần thái định tỉnh, cái vẻ tươi thắm vừa được phục hồi, và qua những câu chuyện trao đổi với đám bạn bè vừa tái hợp, cặp mắt nữ-sinh áo tím có gì khác lạ. Trong đôi mắt vừa thu hồi sức sáng của sao băng, Hoàng như bắt gặp lại những tia sáng kinh dị ở cặp mắt của thiếu nữ «tiểu thương» lúc nãy, ở cặp mắt của Cửu vào cái hôm có xe tăng thiết giáp đi thị-uy trong thành phố, ở cặp mắt của Chấn trong cái đêm cùng ngủ chung ở phòng trực. Sự liên hệ ánh mắt của nàng lúc này với những cặp mắt, những cái nhìn của Linh, của Chấn, của cô gái «tiểu thương» tự dưng làm vơi nhẹ những băn khoăn, bứt rứt của hắn về nỗi Chấn, Cửu và Tình bị bắt. Nếu quả óc chống đối, phản kháng ở những con người như bọn Chấn, được triển khai, quấy động vì hắn, đã đưa cả ba vào con đường tù tội, thì ngay giữa lúc này, Hoàng càng tin là mình đã làm một công việc chính đáng thay vì phải băn khoăn ân hận, bởi lẽ, những sự việc

đang xảy ra quanh hắn đã giúp cho Hoàng cảm nhận được, ngay bên trong cái vẻ thắng lợi của uy vũ, cái tình trạng hầu như tan tác, rối loạn, đổ vỡ của lực lượng từng đương đầu với cường quyền, vẫn còn có một nguồn hoạt lực đang ngấm ngầm sôi trào, lan rộng và triển khai mau lẹ ngay từ cuộc đàn áp lớn lao vừa rồi.

Hắn càng nghe nhẹ cả lòng, khi Tình để nở một nụ cười — nụ cười đầu tiên từ lúc bị bắt đến nay — và nói nhỏ :

— Bị bắt tuy cũng đáng lo, nhưng giờ đây lại thấy vui vui.

Thấy vui vui ! Hoàng còn thấy một cái gì đáng vững tin hơn nhiều. Hắn tự nhủ :

— Cuộc tranh đấu của Phật giáo đồ có thể thất bại, có thể chấm dứt cũng nên. Những con người Phật tử có thể ngã gục xuống, có thể bị chà nghiến sạch bởi xe thiết giáp, chết rục trong đáy ngục tối, nhưng cũng chính đó là lúc những con người khát vọng tự do, công chính đứng dậy, vùng lên... đông đảo hơn bao giờ cả.

Hoàng thấy buồn cười lúc hắn nhìn cái vẻ hí hởn, chắc ăn trên gương mặt đanh ác, nham hiểm, đầy sát khí của bọn nhân viên công an lăn xăn qua lại, nhất là trên bộ mặt kiêu căng, hách dịch của anh chàng đứng gọi tên các can nhân phải ra sắp hàng trước dãy nhà phụ.

Hoàng cùng Tình và Cửu đứng vào hàng sau cùng. Hắn không biết là sẽ được đưa vào hội trường bên kia sân quần vợt hay một địa điểm nào khác. Nhưng hắn có một cảm nghĩ, một niềm tin rất ngộ là không phải tất cả cái đám đông này đang bước vào vòng tù tội những đang tiến bước trên con đàng tất thắng.

Đám đông có gần ngàn người ở bên kia sân quần vợt thấy số can nhân bên này đang đứng sắp hàng, tin là sắp được đưa qua, cùng vẫy tay và hò reo chào mừng. Ở phía bên này, trong một phút bất thần, những tiếng reo hò vụt bật thoát từ hàng trăm cửa miệng theo hàng trăm nắm tay cùng đưa cao một loạt. Tiếng reo hò đối thoại của đôi bên vang rền như sấm động trước sự ngỡ ngàng, sửng sốt và tức tối của đám nhân viên Công-an. Đứng cách mấy hàng phía trước, nhóm nữ sinh, cả cô nữ sinh áo tím, cũng reo cười theo và tung cao những chiếc khăn lụa màu xinh như những cánh bướm. Tình và Cửu lúc này như đã quên hẳn những âu lo, e sợ, đưa tay cao và hét to hơn ai cả. Hoàng nhìn hai người rồi nhìn cả đám đông. Hắn nghe say sưa trong cái bốc dâng rào rào của thứ men uất hận.

PHAN-DU

NHÀ XUẤT BẢN SÁNG TẠO

Đã cho phát hành tại khắp các hiệu sách

ĐÊM. MẶT TRỜI TÌM THẤY

thơ thanh tâm tuyền *Bản đặc biệt* 100$

KHÔNG BỜ BẾN *thơ* Tuệ Mai Trần Gia

Bản đặc biệt 90$

CHIẾC BÈ NỮ CHÚA (*tiếp Tiếng hát tự lòng đất*)

doãn quốc sỹ

● *Các bạn có thể ghi mua tự bây giờ bản quý NGƯỜI ĐÀN BÀ BÊN KIA VĨ TUYẾN (đóng gồm cả hai phần : Tiếng Hát Tự Lòng Đất và Chiếc Bè Nữ Chúa — 250$.)*

Cách gửi tin : *xin hỏi tại bưu cuộc nơi bạn ở thiếp phiếu mẫu số CH — 1418, để gửi tiền cho* Doãn-Quốc-Sỹ, trương mục 16.22, Chánh Trung Khu SAIGON, *Gửi theo lối này các bạn khỏi phải mua bưu phiếu, cũng khỏi phải gửi thư bảo đảm, đỡ tốn bưu phí.*

● **Muốn biết đạo Phật cao siêu, vĩ đại đến đâu !**

● **Muốn biết tư-tưởng loài người có thể cao, đẹp đến đâu !**

● **Muốn hiểu sâu đạo Phật !**

HÃY ĐỌC :

Phật - Giáo

của Tuệ-Quang Nguyễn-Đăng-Long

tựa của Thượng Tọa Thích-Tâm-Châu

Bộ sách đầy-đủ nhất từ xưa đến nay về đạo Phật, từ lý-thuyết đến thực hành cho đến những tinh hoa cao tột mà ít người hiểu nổi. Đọc xong bộ này độc giả đã có một căn bản vững-chắc về đạo Phật, về đủ phương-diện. Ta sẽ thấy đạo Phật là một đạo sống đầy sinh-khí.

500 trang — khổ lớn — in rất mỹ-thuật 100$. Có bán tại nhà sách Khai-Trí, nhà sách Xuân-Thu, Chùa Ấn-Quang, Chùa Giác-Minh.

Truyện ngắn của VÕ-HỒNG

Tình yêu đất

LÃO TÚC bổ liên-tiếp năm, sáu nhát cuốc thật mạnh: Lưỡi cuốc vạt từng mảng đất lớn, kéo ngã sấp xuống. Vết cắt láng nhẵn như có thoa mỡ. Mặt đất cỏ mọc dày, vết cuốc cắt đứt rễ cỏ chằng chịt nghe « rạo » một tiếng ngọt. Chốc chốc là một cây sục-sạc, một bụi mắc-cỡ, một cây găng bị ngã theo mảng đất. Đất mới mở tỏa ra một hương thơm nồng, ầm, ngai ngái. Đó là thứ mùi quen thuộc lão vẫn thường ngửi khi, vào tháng Năm lưỡi cày ải của lão xốc từng rãnh đất thổ, khi vào tháng Hai lưỡi cuốc của lão bổ xuống từng nhát mạnh để cuốc cỏ mía. Nơi vết thương của lòng đất vừa mở, hơi nóng tỏa nhẹ lên làm lão ngây ngất và khiến lão nghĩ rằng đất là thứ da thịt có cảm-xúc.

Ở quanh nìa đám đất, những gốc duối, gốc móc ó, móc mèo nằm ngổn ngang hoặc chồng chất lên nhau. Gốc nào cũng vặn vẹo sù sì, mang từng dải, từng chùm rễ dài. Chúng đói khô để chui vào bếp lửa.

Lão Túc chống cán cuốc đứng nghỉ. Mồ hôi điểm giọt trên khuôn mặt, họp lại chảy thành dòng xuống má xuống râu. Da mặt đen sạm như một gốc tre bị hun khói. Nếp nhăn chằng chịt cày sâu trê khuôn mặt, bao quanh đôi hố mắt trũng xuống, bao quanh cái miệng móm. Lão không mặc áo mà chỉ đánh một cái quần đen bạc màu xắn lên đến đầu gối. Da ở ngực, ở lưng, ở đôi cánh tay ống chân cũng đều hừng-hực một màu nâu cháy, màu của những chóe rượu bằng đất nung già lửa chảy men.

Mặt trời đã đứng ở đỉnh đầu. Hai con chim bạc-má đuổi nhau kêu chi-chách ở bụi cò-ke um-tùm gần đó. Lão đi lại gần ấm nước,

vói tay cầm lên tu một hơi dài. Nước chảy từng dòng xuống ngực, xuống bụng. Lão đưa mắt nhìn một vòng khu đất vừa khai-phá. Bờ ranh sát với đường cái đi, lão đề chừa một hàng gai bàn chải làm hàng rào. Đầu kia là cái bầu nước mọc đầy rong đuôi chồn màu xanh già. Những chòm rau chóc đứng ven bờ đơm từng chùm hoa tím nhạt.

Khoảng đất này nguyên là đất bỏ hoang mọc đầy gai bàn chải. Bỏ hoang từ bao giờ, lão không hề biết vì hồi còn nhỏ lùa bò đi qua đây lão đã hồi-hộp lo sợ khi nhìn rừng bàn chải âm-u, vắng lạnh. Hồi ấy nơi đây còn có một cây đa to. Thân đa đầy hang hốc, rễ buông sù-sì và hỏa lò vỡ, bình vôi bể chất ngổn ngang ở gốc cây. Một không khí ma quái rùng rợn phảng-phất, nhất là khi nhìn lên chân núi đứng kề đó, lão thấy ngổn ngang những nấm mộ. Người sống đi lại, buôn bán nói chuyện, cãi vã ở đầu xóm và giữa xóm. Người chết nằm yên-lặng ở cuối xóm nơi chân núi, dưới những ngôi mộ. Khu gò hoang này, người trong xóm gọi là Gò Đình. Chắc hồi xưa nơi đây có cái đình. Bây giờ thì trong óc người dân trong xóm, Gò Đình là tượng-trưng cho một cõi, một niềm xa xôi hoang vắng nhiều rắn rết, nhiều ma quái. Những lời truyền trong xóm không thiếu gì để tô-điểm cho cái không-khí âm-u huyền bí nơi đây. Có người bảo đã gặp, chỗ này, một đôi rắn thần to bằng cột nhà, dài hàng mươi thước và trên đầu có màu đỏ. Có ngươi bảo sư cụ chùa Đồng Mạ đi qua đây giữa khuya đã gặp một con quỉ màu trắng toát cao đến đọt cây gạo. Sư cụ bắt quyết, nạt to lên một tiếng và con quỉ tan đi. Biết bao nhiêu câu chuyện rùng rợn nữa làm cho lão, hồi nhỏ, ngồi chồm hổm bên bếp lửa mùa đông, mở to mắt say mê nghe và cứ xích lần vào gần đống lửa.

Lớn lên, già đi, lão không còn sợ ma, sợ quỉ nữa. Đã từng chứng kiến bao nhiêu cái chết, cái chết của cha mẹ, của họ hàng, của người quen và người lạ, của người già và người trẻ, lão thấy nếu người chết có hoá ra ma thật thì lão cũng sẽ không ngạc-nhiên khi gặp. Lão tưởng tượng mình có thể đứng nói chuyện với ma được. Và nếu ma có rũ lão chết thì lão cũng sẽ chết theo, miễn chết sao cho nhẹ nhàng êm thấm, đừng đau đớn. Đời lão có gì sung sướng đâu mà lão tiếc ? Lên sáu tuổi đã phải đi chăn bò cho người ta. Lên mười lăm tuổi thì cầm liềm cầm hái đi gặt. Rồi thì cày ruộng, tát nước, gánh mạ, cuốc cỏ... có bao giờ lão được an-nhàn tấm thân đâu ? Hết đời Tây đến đời Nhật qua thời kháng-chiến, lão mơ-ước có một đám đất của mình để gieo hạt giống của mình, cắt lên bó lúa của mình, nhưng không bao giờ lão có được. Sống gần hết đời người mà lúc nào cũng chỉ có trên tay một cái rựa, trên vai một cái cuốc, trên đầu một cái nón lá tả tơi. Nhìn người ta có đôi bò, đôi trâu, có đụn rơm đứng ngất nghều ở góc sân, có bồ lúa nằm oai-vệ ở giữa nhà, lão thèm thuồng một cách tuyệt-vọng. Ông Xự kêu người ta

tới cân bông. Ông Lá nhắn người ta đến hốt đường. Ông Quyền bán lúa, Ông Lâm bán bắp... mọi người nhà nông đều có một món gì để bán ra. Ngày mùa họ lo âu hoặc hớn hở. Còn lão, lão luôn luôn đóng vai người ngoại-cuộc, lúc nào cũng chuẩn bị đổ mồ hôi ra dưới ánh nắng để làm lấy công. Lão không có dịp, lão không có quyền lo-lắng và hi-vọng. Bắc sớm hay nồm trễ, lúa nhe kịp trổ hay lúa ba thóc mới đòng đòng, đó là câu chuyện của người ta, chỉ dính dáng đến người ta. Lão cũng muốn nói góp vào, nói cho đậm đà câu chuyện nhưng mà tủi thân biết bao khi câu chuyện chấm dứt. Vì khi trở về với thực-tế, lão lại chua xót thấy mình không hề có được một vạt lúa, một đám bắp, một nương khoai.

Một hôm, lão chợt nảy ra ý-kiến khai phá Gò Đình. Vợ lão e dè phản-đối :

— Chỗ mồ mả rắn rít...

— Gặp mồ mả thì mình lấy cốt.

— Biết vậy nhưng mà...

Vợ lão không nói hơn. Ngoại trừ những chuyện cụ-thể như nồi cơm trách mắm, con chó con mèo, cây cau cây chuối... còn thì mụ không nói lý luận được. Lão Túc cặm cụi phát một mớ bàn chải cho ngã xuống. Sau mươi ngày phơi nắng, lão chất đống lại đốt. Từng nhát cuốc bổ xuống. Những đống cây bàn chải khác lại tiếp tục được phát xuống, được đốt đi. Từng nhát cuốc bổ xuống. Kiến càng, kiến lửa, kiến bù nhọt táo tác chạy loạn. Thằn - lằn rắn mối, kỳ - nhông chạy « rẹt » vào bụi rậm khi nghe bước chân thình-thịch, nhát cuốc phầm phập. Cào cào châu chấu, bọ ngựa, dế trũi, dế mèn nhảy tới tấp, bay rào rào về phía trước mặt, nơi gai gốc và lá xanh chưa bị tàn-phá. Tháng Bảy nền trời nặng những tảng mây vẩn đục. Cơn mưa dông đầu mùa ào xuống. Nơi khoảnh đất vừa khai phá, lão đánh vồng trồng khoai lang. Giữa hai vồng khoai, lão rắc bắp. Nơi bờ ranh, lão gieo hạt mướp, bí ngô. Ven bờ cái bàu nước, lão trồng rau muống, rau húng, rau ngổ, cà dĩa, cà dái dê. Lão cắm những hom củ mì. Lão giâm những đọt mía. Lão muốn trồng đủ thứ, đủ thứ vào trong cái giang-san bé nhỏ này của lão. Nhất định là không có một diện-tích nào bỏ trống. Lão thương yêu từng mảng đất nhỏ. Nhổ một bụi cỏ dại nhưng trước khi vất đi vào bụi rậm, lão phải cẩn thận đập chùm rễ cho bao nhiêu đất bám vào đó phải rụng xuống vào giang-san của lão. Nhiều lần thuận tay chụp một hòn đất định ném theo một con dông đang đào hang bươi những rễ khoai, lão chợt ngừng tay lại bỏ hòn đất xuống rồi đảo mắt tìm một mảnh sành, một viên đá. Lão sợ hòn đất chạy lọt ra ngoài bờ đường, làm gầy mòn đi cái giang-san của lão Lão thương đất như thương con, như thương chính thịt da của mình. Có những buổi chiều mùa Hạ lão trải chiế:

chiếu manh xuống đất rồi nằm ngửa mặt nhìn trời. Da trời xanh láng nhuyễn như thịt một con mực vừa cắt ra. Một tiếng sơn ca rung rinh trên từng cao. Lão cảm nghe ấm áp tựa nơi lưng mình là mảnh đất thân yêu, mảnh đất của mình, mảnh đất chắc chắn là của mình, nhẫn nại sinh ra khoai ra lúa là để cho riêng mình. Còn ai thương lão hơn mảnh đất này không ? Còn ai trung-thành với lão nhiều hơn mảnh đất này không ? Con lão bỏ lão ra đi. Nó mê gái hơn thương cha. Lão nói với nó:

Hết mùa cày, thằng Lợt, mày phụ tay với tao phá rộng thêm miếng đất Gò Đình.

Thằng Lợt im lặng, lầm lì không trả lời.

— Chừng nào tao chết thì mày có miếng đất đó để trồng trọt làm ăn. Có một miếng đất đỡ hơn là suốt đời chỉ đi làm mướn.

— Giàu có gì, miếng đất đầy mồ mả đó.

Lão Túc quắc mắt nhìn con, chồm người tới trước trong một thế tự-vệ. Câu nói của thằng Lợt mồ vào tự-ái của lão, bất ngờ như lão vừa bị một con ong châm nọc. Nó xúc phạm tới mảnh đất của lão. Lão giận dữ quát lên :

— Mày nói sao ? Đất sao lại mồ mả ? Đất nào không mồ mả ? Công tao khai phá, đốt từng cái gai, dời từng ngôi mộ, đổ mồ hôi cục mồ hôi hòn xuống đó. Mày...

Giọng lão run lên. Thằng Lợt bỏ đi ra chuồng heo. Thực tình thì nó đâu có ghét đất ? Nó sở dĩ chán hết cả cày, cuốc, trâu, bò là vì con Tỵ sắp đi Phan-Thiết làm ăn. Cô con Tỵ bỏ xứ đi hoang mười lăm năm trời, mới về thăm qnê. Mụ mặc áo ni-lông và đeo đồng hồ tay. Mụ nói giọng Sàigòn. Mụ bảo : đi ở đày tớ cho người ta ở thành-phố còn sướng hơn có ruộng ở nhà quê. Mỗi tháng lãnh lương bốn, năm trăm đồng, để dành uốn tóc, mua đồng hồ, và may áo ni lông. Con Tỵ nghe nói mê mẩn quyết đi vào Phan-thiết nơi cô nó ở. Thằng Lợt nghe tin đau xót trong lòng. Nó như người mất hồn, để cái gì đâu quên cái đó. Con Tỵ rủ nó cùng đi. Nó ngần ngại vì nhút nhát. Từ nhỏ đến giờ chỉ nói đi xe ngựa tới Phú-Tân. Tuy-Hòa xinh đẹp ra làm sao, Qui-nhơn sang trọng như thế nào, nó chỉ mơ ước và sợ sệt mà không dám mong đi tới. Nó khuyên con Tỵ đừng đi. Nó bày đặt chuyện đem ra dọa con Tỵ. Nhưng con Tỵ chỉ thô lỗ mắt ra nhìn, lông nheo dày đặc, lông mày rậm ri. Đó không phải là loại đàn bà biết sợ. Nên thằng Lợt, cuối cùng phải lén cuốn mớ áo quần cũ trốn nhà đi theo nó.

Thằng con bội bạc ! Bây giờ nó ở đâu lão đâu có biết. Mê gái bỏ cha bỏ mẹ, bỏ quê hương làng xóm. Đó, nuôi con cầy cục từ nhỏ chí lớn, thế mà lớn lên có nhờ đó được gì không ? Mảnh đất trung thành

với lão hơn. Và hiền-lành nữa. Hơn cả vợ lão. Vợ lão ăn hiếp lão thường xuyên, nói một tiếng thì mụ trả lời lại mười. Mụ xô vào giằng co với lão, đập thùm thụp vào lưng lão. Lão nhịn. Hôm nào vô phúc lão nổi hăng lên cãi lại mụ thì chiều hôm đó lão phải nhịn đói. Mụ nằm dài trên giường đắp chiếu rên khì khì, nhất-định không xuống bếp. Thằng Lợt bỏ nhà ra đi theo con Tỵ, cả xóm đều biết nhưng mụ cũng nhất định đổ tội cho lão, bảo rằng tại lão mà ra. Láng diềng của lão thì cũng chẳng ai hiền lành hơn. Họ nhìn xéo và liếc trộm. Đó là những người cùng nghèo như lão. Những người giàu, những ông hương ông xã thì gọi lão bằng «Thằng cha Túc». Khi lão để râu dài, người ta gọi là «Lão Túc». Mấy cán bộ trẻ tuổi có người gọi lão bằng «Cụ» nhưng lão phải trả lại bằng rất nhiều tiếng «Dạ», «dạ» trước câu nói và «dạ» sau câu nói. Rốt cuộc chỉ có mảnh đất này là để cho lão an lòng, để yên cho lão nương tựa. Nó không phản bội lão. Đất không phản bội người, chỉ có người mới phản bội đất. Người dậm chân thề nguyền rủa sả rồi bỏ ra đi. Đất vẫn ở lại, nhẫn nại trung thành. Khi người về, người cứ tưới mồ hôi xuống là đất lại nảy ra lá xanh, đơm hoa, kết quả. Lão dang tay đặt sát mặt đất. Lão duỗi chân cho chân kề sát đất. Lão lăn qna nằm úp mặt xuống đất. Khối đất vững chắc nặng trình trịch nằm câm nín như khuyến khích lão an-tâm. Đất không vồn vập đón mừng nên đất cũng không lạnh nhạt xua đuổi.

Qua tháng mười bí ngô bò chằng chịt lên bụi bờ gai gốc nở những nụ hoa vàng lớn.Lá bí lá mướp xanh rờn rợn che kín những thân gai xương xẩu, như truyền cho lão sức sống dồi dào tươi mát. Thân bắp vươn lên căng ứ nhựa, lá óng ánh chao đi chao lại theo gió phe phẩy. Rồi bắp trổ cờ, hoa vàng rung rinh thả từng trận mưa phấn nhẹ mỏng như sương. Rồi bắp răng chàng, nhu nhú trong bẹ. Trái bắp lớn dần, no tròn thêm. căng những hạt non dưới lần bao. Những con ong và vẽ, ong bầu, ong mật bay vù vù rộn rã suốt ngày, chui vào hoa này, bám lên hoa kia làm nhộn nhịp cả một khu không khí. Vành khuyên chích chòe gọi nhau, trả lời nhau, đuổi nhau từ cành này sang cành khác. Một cặp chìa vôi bay đến đậu, nói chuyện líu lo hàng tràng dài. tiếng nói trong trẻo liến thoắng. Đúng là những đứa lắm miệng lắm mồm. Tiếng con chim gáy đồ hồi ở nơi xa hơn, chậm chậm, buồn buồn như tiếng đếm nhịp của một ông giáo già dạy nhạc ở Nhà Thờ. Chào mào nghe ồn ào cũng rủ nhau tìm tới, cất tiếng chuyện trò. Tiếng chim ở trước mặt, ở sau lưng, bên trái bên phải chen chúc lẫn lộn vào nhau. Sau một hồi làm náo loạn khoảnh đất yên-tĩnh này, chúng vội bay đi mất hết để lại một mình lão với tiếng cuốc phạt từng nhát xuống đất, chậm chạp đều đặn, tiếng một cành cây bị bẻ gãy, tiếng một chùm là cọ xát vào nhau. Có khác gì cuộc đời của lão đâu ? Hội-hè, đình đám

Tết nhất giỗ chạp, giòng cười bên ấm trà, câu chuyện vui trong khói thuốc... tất cả chỉ là những món trang-điểm nhất thời. Lầm lì, chịu cán cuốc bóng nhẫn trong gan bàn tay, ánh nắng rung rinh đốt nóng tròng mắt, đó mới là cuộc đời thực của lão. Những buổi chiều đi về nhà, tay cầm quả mướp mới hái, đầu đội thúng khoai mới dỡ hay một xâu trái bắp tròng vào cán cuốc vác lên vai, lão thấy lòng lâng lâng vui xướng, chân bước nhẹ nhàng. « Mảnh đất của mình ! Niềm thương và hi-vọng của mình ! » Từng chặp lão bắt gặp ý-tưởng ấy nó như len lỏi, như nấp kín trong óc lão, không chịu rời.

Mỗi ngày cái khoảng đất của lão mỗi nới rộng ra. Những bụi duối to được chặt đi và lão hì-hục dùng xà-beng nạy cho bật rễ, kéo đặt nằm rrên mặt đất trôn như những thân người quằn quại đau đớn.

Ăn được một mùa lúa sạ thì bỗng một chiều kia thằng Lợp lù lù bước vào cửa. Chân nó đi khập khễnh. Lão hỏi, giọng bình thản như chưa bao giờ biết cảm động :

— Sao đi cái chân cà-nhắc vậy ?

Thằng Lợp nhìn lầm lì xuống đất, trả lời nhát gừng :

— Tại xe nhà binh nó tán.

— Chớ con mắt mày để đâu ? Đi sao không ngó trước ngó sau ?

Thằng Lợt đỏ quạu liền :

— Sao lại không có con mắt ? Đạp xe ba gác chở củi cho người ta, xe nhà binh chạy ầu, qua « cua » phanh không kịp tán lăn nhào. Không chết là may.

— Sao không bắt người ta đền ?

— Sao ông không vô đó bắt đền dùm ? Bộ dễ bắt đền lắm sao ?

— Đó là tại mày lỗi.

— Lỗi cái gì ? Tôi đi đúng luật.

— Thế thì mày giỏi.

— Chớ sao...

Câu chuyện cắt ngang ở đó, vô duyên, ngớ ngẩn. Hai cha con không lái nổi câu chuyện khiến nó đâm vào ngõ bí. Thằng Lợt đặt cái va-li làm bằng thiếc xuống chõng. Mụ Túc chạy lại xun xoe sờ mó. Mụ bảo nó mở khóa và mụ lôi ra nào bít tất cũ, sơ-mi cũ, bài ca vọng-cổ và lục cục nhiều món mà mụ không biết dùng để làm gì. Mụ cầm một cái lọ giơ lên hỏi :

— Chai thuốc gì đây, mày ?

— Thuốc gì ? (Thằng Lợt nhíu mày) đó là lọ bi-ăng-tin chải tóc

— Chà thằng này sang quá, Còn cái áo gì mà cụt ngủn vậy ? Bận làm sao ?

— Cái đó mà kêu là cái áo ? Cái xì-líp. Bận thay quần xà-loảng.

Lão Túc ngồi ở ngạch cửa nhìn vợ con, bực mình thấy vợ lão vồ vập một cách thái quá. Cái chân khập khễnh của thằng Lợt mới là điều đáng cho lão suy nghĩ, âu lo. Nó có còn đi cày được không ? Nó có còn cuốc cỏ mía được không ? Nó có còn khiêng nổi cái che không ?

Chợt vợ lão hỏi :

— Mày còn dư tiền được mấy ngàn ?

— Tiền ăn ăn cướp hay sao mà dư ? Nằm nhà thương thì hai tháng mới lành cái chân. Đạp xe ba-gác không được, chủ cho thôi. Phải xin một trăm rưỡi tiền xe về xứ.

Lão hỏi :

— Còn con Tỵ đâu ? Sao nó không về với mày ?

— Mắc mớ gì mà nó về với tôi ?

— Là tao hỏi vậy thôi. Chớ nó không ở chung với mày sao ?

— Thân ai nấy lo.

Mụ Túc chen vào :

— Thế hai đứa bay hết thương rồi sao ?

— Thương cái gì nữa ? Nó vô Phan Thiết nó theo người khác.

— À đàn bà là vậy đó, — lão Túc thở dài. Nó vô trong đó làm nghề gì ?

— Ban đầu, đi ở cho người ta. Bây giờ nó làm đĩ.

— Trời Thần ơi ! — mụ Túc kêu lên.

Hai vợ chồng già nghĩ thương cho sự thất bại của thằng Lợt nên thôi không nói đến chuyện con Tỵ nữa. Riêng lão Túc, lão cảm thấy an lòng, mặc dù cái chân khập khễnh của thằng Lợt làm lão lo-lắng vẩn vơ. Như thế là rõ ràng thành-phố phụ-bạc con người đúng như lòng lão nghĩ. Chỉ còn đồng quê. Chỉ còn mảnh đất.

Hôm sau những nhát cuốc của lão giáng xuống mạnh hơn, những nhát rựa chém xuống ngọt hơn. Lão thêm tình yêu đối với đất, đồng thời dự-tính trong óc cũng nhiều hơn.

Để cho thằng Lợt nghỉ dăm ngày rồi lão sẽ bắt nó ra đây chặt phụ cây, đốn phụ chà với lão. Nó sẽ luôn luôn ở cạnh lão trên mảnh đất này. Có bị thành phố hắt hủi nó mới chịu an phận bên luống cày. Tháng Năm tháng Sáu rỗi rãi việc đồng án, lão sẽ mạnh dạn phá thêm

một khoảnh rộng nữa. Sẽ rắc một giạ giống lúa gieo, sẽ gặt về năm mươi giạ lúa mới, phơi khô gié sạch. Lúa sẽ xô đầy sào sạo dưới chân lão khi lão đi cày lúa trên sân phơi. Lúa sẽ rơi rào rào trên nong khi thằng Lợt nâng cao thúng cho lúc chảy xuống từng lớp mỏng và lão cầm chắc cái quạt to đứng sau quạt phần phật. Mụ Túc sẽ đi đi lại lại lê cái chổi quét dụm những ngọn lúa lép. Bầy gà của lão sục sạo tha hồ trong đám rơm mới đập thơm ngát mùi lúa giập, mùi nắng, mùi bùn. Ngoài lúa ra, mảnh đất thân yêu còn sản xuất mỗi thứ một ít đủ cho lão dùng. Có bắp, có khoai, có mè, đậu, rau, cà... Tháng Chạp, giây bầu, giây mướp quần quại dưới sức nặng của những trái xanh. Tháng Giêng, những trái bí-ngô nằm lăn lóc trên mặt đất phơi màu da vàng tanh loang lổ...

Lão buông ý nghĩ, đi lần về phia bụi bí ngô tìm ngắt hoa bí đực. Bí bò lan đầy mặt đất, lá xanh che kín một vùng, chỉ thỉnh thoảng nở vàng một hoa, Lão rón rén đi nhón bước giữa đám lá um tùm. Trong cái vạt áo được cuộn lên làm bọc, hoa bí vàng chứa mỗi lúc một thêm nhiều. Hoa bí luộc có vị ngọt của cánh đài, cánh tràng, có mùi thơm của phấn hoa. Mỗi bữa cơm chiều là có một rổ hoa bí luộc chấm nước...

Thốt nhiên dưới bước chân lão, lão nghe một tiếng «bóc». Một cảm giác tê buốt như tự đâu châm mạnh vào da thịt. Lá bí lay động rẽ ra một con đường hẹp cho một thân rắn trườn tới, cong mình vụt tới, thật nhanh, vun vút. Thân rắn màu đen sậm, óng ánh. Lão la lên:

— «Trời ơi ! Rắn hổ mang».

Tay trái buông xuống, vạt áo bị tuột ra, hoa bí rơi tung té xuống đất, nằm gác trên lá. Lão bước ra khỏi đám bí. Máu ri rỉ chảy từ vết rắn cắn ở trên mắt cá chân mặt. Nhứt ở nơi ấy. như có nhiều mũi kim châm tới. Sự đau nhức tiến lên rất mau, đến bắp chân, trên bắp chân như những lửa liếm tới, tràn lan ra, tỏa xung quanh như mép những đợt sóng con dạt vào bờ, tràn rộng, tỏa ra xa. Nhức lên đến bắp đùi. Lão hết bước được nữa. Chân trái run run, lão kéo lê chân mặt. Phải

CÁO LỖI

Vì lý do đặc biệt của tác giả, truyện dài « **Vòng tay học trò** » phải tạm hoãn một kỳ.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc Bách-Khoa.

gắng về đến nhà, cho thật nhanh. Rắn lục cắn dầu độc nhưng còn dễ chữa. Nọc rắn hổ mun, hổ chuối còn có bài thuốc trừ. Chứ rắn hổ mang... Lão giận mình sao không lưu tâm đến cái hang rắn này hôm vỡ đất. Lão giận mình sao hôm nay hái hoa bí chi quá sớm. Hay là lão tới số rồi. Nghĩ đến đây, nước mắt của lão tuôn ra làm hai dòng, chảy vào miệng nghe mằn mặn. Lão nặng nhọc cố lê từng bước. Nhưng mỗi bước mỗi chậm hơn. Mỗi nặng hơn. Loạng choạng. Mắt lão hoa lên. Từng vòng vàng, vòng đỏ quay cuồng lộn xộn. Còn năm thước nữa mới đến đường cái. Lão cố nhướng mắt lên, cố vận dụng sức lực chuyên xuống đôi chân. Còn bốn thước rưỡi nữa. Lão loạng choạng, nhưng gượng cho khỏi ngã . Tay lão run theo chân. Vẫn còn bốn thước rưỡi nữa. Tai lão ù đi. Lão không thấy lạnh ở hai vai, Cái cổ như cứng lại. Chân mặt của lão nặng như khúc gỗ. Có còn là chân của lão thật không ? Lão cố nhìn xuống xem nó có còn đấy không. Nó đã rời ra chưa. Lão lạng người đi. Đầu lão xoay vần. Bụi duối xanh, con đường vàng, bờ tre xa, dãy núi, vòm trời.... chao đi, đảo lộn, xoay vòng, nhanh lần, mờ mờ, rung rinh. Lão ngã khuỵu xuống đất.

Người đi qua trông thấy vực lão về nhà. Xóm giềng giã gừng pha, nước tiểu đồ cho lão. Mụ Túc vừa khóc sùi sụt vừa quạt lửa đề hơ ngực cho lão. Lão tỉnh lại, đưa ngón tay chai sạn sù sì chỉ xuống chân ú ớ nói :

— Rắn hổ mang... mồ.

Mọi người « ồ » lên. Tiếng nói rào rào như sóng dậy.

— Chết ! Chết ! Trời ơi ! Bị rắn cắn chỗ nào ?

— Kiếm đâu cho có nước lò rèn?

— Đâu phải chó dại cắn mà uống nước lò rèn ? Mô Phật, không biết ở gần đây có xương chồn đèn không.

Lời bàn tán kéo dài, bàn tán ở quanh giường lão, ở trước sân, ở ngoài ngõ. Lão Túc rên hừ hừ. Mỗi lần trở mình, lão la hét lên như có ai cứa dao vào thịt lão.

Tin lão bị rắn hổ mang cắn chuyền đi thật nhanh. Ông câu Đáp chuyên-môn hốt thuốc Nam chống gậy đến. Mặt ông đỏ gay vì rượu. Chòm râu thưa, da mặt mỏng và bóng nhẵn. Ông lại gần, xích cái va-li thiếc của thằng Lợt còn đặt nằm trên chõng, ghé đít ngồi xuống. Ông lật miếng lá xanh ai đã nhai đắp lên vết rắn cắn, ném « bạch » xuống đất rồi cất tiếng dõng dạc hỏi :

— Đứa nào đắp món gì đó ?

Mụ Túc lật đật cung kính đáp :

— Dạ thưa ông Câu tôi nhai lá hẹ mới đắp lên.

— Hứ ! Lá hẹ mà ăn thua gì ?

Ông vén ống quần lão Túc, nắn bóp cái chân bị nạn. Nó sưng to gấp rưỡi cái chân kia. Da căng bóng. Lão Túc la rống lên như một con heo bị chọc tiết. Ông Câu Đáp chậm rãi nói :

— Nếu thiệt rắn hổ mang cắn thì không cứu được. Mà cái điệu sưng nhức này thì đúng là rắn hổ-mang.

Mụ Túc khóc òa lên chắp hai tay vái lia lịa.

— Lạy ông Câu, xin ông Câu làm phúc cứu dùm.

Mặt ông Câu vẫn nghiêm trang lạnh lùng :

— Thì tôi cũng chữa cầu may. Không bảo-đảm. « Gằm tại chỗ, hổ về nhà ». Có hai con rắn đó là độc hơn hết. Mai gằm cắn thì chết tại chỗ. Rắn hổ cắn thì về nhà mới chết.

Ông dừng câu nói, lẽ mẽ tháo lưng quần lấy ra một gói bọc bằng lá chuối tươi :

— Đem giã nắm bắp đóng chông này cho nhỏ rồi tra vào chút muối.

— Dạ.

— Lấy xác đắp lên chỗ rắn cắn. Còn nước thì cho uống.

— Dạ.

Khi ông Câu Đáp ra về thì láng diềng cũng lạc đục về theo. Chi bà Gậy nhà ở liền trước mặt và ông Bộ còn nán lại. Lũ trẻ nhỏ hiếu kỳ thì tổ-chức cuộc chơi đáo ở ngoài đường, ngay cửa ngõ. Tiếng cười nói, tiếng cãi nhau ồn-ào. Ở trong nhà, lão Túc vẫn rên, tiếng rên càng lúc càng mệt nhọc. Đến xế chiều thì lão thở hồn hển. Hàng xóm đến thăm đông trở lại. Họ đứng thành từng nhóm nhỏ. Nhóm này bàn tiếp về phép chữa rắn cắn. Nhóm kia thảo-luận về đám đất Gò Đình. Mấy người đàn-bà không tin rằng ngẫu-nhiên mà lão Túc bị rắn cắn. Họ che miệng nói nhỏ vào tay nhau :

— Các đẳng ở đó . . . linh lắm.

Người nghe gật đầu khe khẽ và gật liên tiếp bốn năm cái.

Một nhóm khác thảo-luận về việc đồng Tấn-lương bị khô nước, chủ rẽ kiện chức-yền đập Sơn-chà. Mấy nhóm thanh-niên tụ họp xa hơn, ở gốc ổi, góc mít, nói chuyện nhân-tình nhân ngãi, gả bán cho nhau rồi thích-thú cười ngặt-nghẽo

Chợt ở trong nhà có tiếng mụ Túc khóc rống lên :

— Ớ ông ơi, sao ông thế này ? Ớ ông Túc ơi ! Hu hu...

Mọi người chạy đổ xô vào nhà. Người ta chen nhau tìm một chỗ đứng. Mụ Túc quì bên cạnh giường, tóc sổ tung che nửa mặt. Thằng Lợt đứng khoanh tay gần đó, nước mắt chảy ròng ròng. Lão Túc nằm thở thoi thóp. Đôi mắt đã dại. Đôi tay mân mê giường chiếu. Chợt lão mấp máy môi. Mụ Túc kế sát tai lại gần lão. Mọi người im lặng. Lão nuốt liên tiếp những miếng đàm khò khè chạy lên chận cổ. Rồi lão thều thào nói đứt quãng :

— Miếng đất Gò Đình... thằng.

Mắt lão trợn ngược. Mụ Túc khóc òa lên :

— Ớ ông ơi ! Ông bỏ tôi ông đi một mình. Ớ ông Túc ơi !

VÕ-HỒNG

Tin Mừng

Được tin Cô NGUYỄN-THỊ-HOÀNG, bút hiệu Hoàng-Đông-Phương, đã vâng lệnh song thân, làm lễ thành hôn với anh NGUYỄN-PHÚC-BƯU-SUM tại Nha Trang ngày 18-8-64, toàn thể các anh chị em trong tòa soạn Bách-Khoa trân trọng gửi lời mừng hai bạn được trăm năm hạnh phúc.

KỂ TỪ NGÀY 1-9-1964

SINH HOẠT

Tuần lễ đấu tranh của sinh viên học sinh Saigon

Sau khi tình trạng khẩn trương được ban bố ngày 7-8-64 và chế độ kiểm duyệt báo chí được tái lập chừng một tuần, người ta đã nhận thấy những dấu hiệu công phẫn của sinh viên Saigon vì sự làm việc máy móc và quá khe khắt của cơ quan kiểm duyệt.

Để thể hiện niềm công phẫn đó, Tổng-hội sinh viên đã cho phổ biến một văn thư (in ronéo) phản đối việc kiểm duyệt. Nội dung văn thư cho rằng việc kiểm duyệt vi phạm tự do ngôn luận và do đó có tính cách bưng bít sự thật, gây hoang mang. Nhiều tờ báo nhận được văn thư này, cho đăng và dĩ nhiên, khi lên mặt báo thì nó chỉ còn là một khoảng trắng hình chữ nhật, ghi thêm một nét nữa vào bộ mặt bi đục trắng, bôi đen nham nhở thảm hại của tờ báo. Ngay tờ « Lửa Việt », cơ quan ngôn luận chính thức của sinh viên Sài-gòn, khi đăng văn thư đó cũng không tránh khỏi bị bôi đen. Nhưng phản ứng của sinh viên chỉ thực sự sôi động khi bản Hiến Chương Vũng Tàu ngày 16-8-1964 được ban bố, đưa Trung Tướng Nguyễn-Khánh lên chức vụ Chủ-tịch Việt-Nam Cộng-hòa và thiết lập một Quốc-Hội trong đó một phần lớn hội viên do Hội-đồng Quân-đội Cách-mạng chỉ định, trái với lời hứa của Trung Tướng Nguyễn-Khánh về Quốc-Hội dân cử khi giải tán Hội-đồng Nhân-sĩ.

Bởi vậy mà sinh-viên đã tổ chức ba cuộc hội thảo liên tiếp. Những ý kiến được phát biểu trong ba cuộc hội thảo này thường là những

lời đả kích dữ dội. Các diễn giả không ngần ngại bày tỏ sự chống đối của mình và lúc này vụ phản đối kiểm duyệt lại chỉ là một yếu tố nhỏ trong những mục tiêu tranh đấu của sinh-viên. Tại các phòng hội thảo người ta thấy rõ một bầu không khí phẫn nộ. Nhiều lần anh chủ tịch ban chấp hành Tổng-Hội sinh-viên phải nhắc nhở các diễn giả nên tránh dùng những danh từ quá nặng nề.

Những cuộc thảo luận sôi nổi nói trên đã chuẩn bị tinh thần cho các sinh viên Saigon để chuyển sang hành động : xuống đường tranh đấu, mà dưới đây là khúc phim hoạt động :

— *Ngày 21-8-64* hơn 200 sinh-viên biểu tình tới Phủ Chủ-tịch. Vì Trung Tướng Nguyễn - Khánh vắng mặt nên ông Bộ trưởng Nghiêm-Xuân-Hồng tiếp các đại-diện sinh-viên, nhận kiến-nghị và hứa chuyển đến Trung Tướng Nguyễn-Khánh. Anh em sinh-viên yêu cầu Trung tướng Nguyễn-Khánh xét lại : về bản Hiến-chương phản dân chủ, về tình trạng khẩn trương, về tự do báo chí, thực thi dân chủ vv... và đòi được giải quyết trước ngày 25-8.

Ngày 22 - 8 - 64 Trung Tướng Nguyễn-Khánh về Saigon và hồi 3g30 tiếp các đại diện sinh-viên. Sau khi nghe trình bầy các thắc mắc, Trung tướng đã giải đáp và hứa hẹn, nhưng sau cùng các đại diện sinh-viên vẫn chưa thỏa mãn.

Cùng ngày đó hồi 6g30 chiều một quyết nghị của thanh - niên, sinh-viên, học sinh Saigon được công bố : không chấp nhận Bản Hiến-Chương Vũng Tàu, kêu gọi các Tướng lãnh trở về vị trí chiến đấu của mình, tiêu diệt bọn Cộng-Sản, Trung lập và « dư đảng cần lao » ẩn núp trong chính quyền v.v... và sẵn sàng tuyệt thực, bãi khóa để tranh đấu cho những nguyện vọng trên.

— *Ngày 23-8-64.* Buổi sáng, một cuộc hội-thảo được tổ chức tại trường Đại-Học Y-Khoa, đặt dưới quyền chủ tọa của ông khoa-trưởng Đại-Học Y-khoa, có các sinh-viên ở những phân khoa khác tham dự. Các sinh viên đã phân tích bản Hiến chương, lên án độc tài, đả kích việc tập trung quyền hành...

Buổi chiều những người tham dự khóa Hội-thảo kéo đến đài phát thanh quốc gia với mục đích yêu cầu đài cải-chính bản tin buổi tối ngày 22-8 nói rằng sinh viên đã được Trung-tướng Khánh giải đáp không còn thắc mắc nữa và ủng hộ Trung tướng Chủ-tịch.

Vì không được thỏa mãn yêu cầu trên đây, nên sinh viên đã tràn vào Đài, leo lên lầu và đập phá văn phòng giám đốc cùng mấy phòng kế cận . . .

— *Ngày 24-8-64* hơn một ngàn sinh-viên thuộc các phân khoa Viện Đại-Học đã tập họp tại giảng-đường trường Luật để kỷ niệm ngày vùng dậy đấu tranh chống bạo quyền

Hồi 11 giờ, các sinh viên biểu tình tiến về Bộ Thông Tin. Tại đây một số người đã xông vào phòng hành-chánh của Bộ đập phá một ít bàn ghế. Một số đông tụ họp ngay giữa đường đòi Bộ Thông Tin phải bãi bỏ kiểm duyệt báo chí và loan tin chính xác. Sau khi ông Thứ trưởng Bộ Thông-Tin ra tiếp xúc với anh em sinh viện, trình bày sự việc và giải đáp về hai yêu sách trên đây thì anh em sinh viên giải tán.

Chiều hôm đó trụ sở của Tổng hội sinh viên bị một nhóm người đốt phá. Nhóm này phần đông 15, 16 tuổi do một số người lớn tuổi hướng dẫn có mang phù hiệu « Lực lượng sinh viên Liên-khoa Saigon ».

7 giờ tối hôm đó, Tổng-Hội sinh-viên họp báo trình bày việc đốt phá hồi chiều và xác định lập trường của sinh-viên : không nghi ngờ quân đội, không nghi ngờ một tôn giáo nào, nhưng thắc mắc về thiện chí của chính quyền.

Cũng tới hôm đó phủ Chủ-tịch có ra một thông cáo đại - ý nói là thỉnh nguyện của dân chúng và sinh-viên đã được Chủ-tịch Việt-Nam Cộng-Hòa giải quyết như sau : sẽ tu chỉnh Hiến-Chương, giảm giờ giới nghiêm, nới rộng kiểm duyệt, xét xử dư đảng Cần lao, phá-hoại... đồng thời những biện pháp cứng rắn cũng sẽ được xử dụng để chấm dứt những sự bạo động, những hành động quá khích v.v...

Cũng nên ghi thêm là 9 giờ đêm hôm đó các vị Thượng Tọa Thích-Tâm-Châu, Thích-Trí-Quang, Thích-Thiện-Minh được mời đến phủ Chủ - tịch, và trong dịp này đã chuyển đệ Trung-Tướng Chủ-tịch một Tuyên-ngôn của Viện Tăng-Thống và Viện Hóa-Đạo. Tuyên ngôn này có ghi 8 nguyện vọng : Hủy bỏ Hiến-Chương. Hội-đồng Quân-đội Cách-mạng bầu một vị nguyên thủ quốc gia rồi giải tán, bầu cử Quốc-Hội, triệu thỉnh một hội-đồng đoàn kết tôn giáo, nghiêm trị những kẻ giết người, đốt nhà v.v...

— *Ngày 25-8-64.* 8 giờ sáng, trong khi các học sinh, thanh niên nam nữ Phật - tử sắp hàng tiến đến Công trường Diên-Hồng để làm lễ kỷ niệm nữ sinh Quách-thị-Trang đã hi sinh chống chế độ độc tài họ Ngô, thì hàng ngàn sinh viên, học sinh đã tập hợp tại trường Đại-học Văn khoa. Từ đây đoàn biểu tình do Tổng hội sinh viên Saigon lãnh đạo, xuất pnát và tiến thẳng về phủ Chủ-tịch, hàng ngũ trật tự, biểu ngữ trương cao. Vì đi tới đâu cũng được các học sinh và dân chúng theo tiếp, nên lúc tới trước phủ Chủ-tịch thì số lượng đoàn biểu tình đã lên tới hàng chục ngàn người.

Sau những lời hô « đả đảo độc tài » bản Tuyên cáo của thanh niên sinh viên và học sinh Việt-Nam được công bố, đòi chánh quyền : Thu hồi bản Hiến-chương 16 8, bãi bỏ lịnh giới nghiêm tại những vùng an ninh, bãi bỏ kiểm duyệt báo chí, các tướng lãnh trở về với quân đội, loại bỏ dư đảng Cần

lao trong chánh quyền, thay Hội đồng quân đội Cách mạng bằng Hội đồng Dân Quân Cách Mạng...

Đoàn biểu tình không chịu nói chuyện với ông Bộ trưởng Nghiêm-Xuân - Hồng và đòi gặp Trung-Tướng Nguyễn-Khánh. Sau cùng khoảng 10g45 Trung tướng Khánh ra tiếp xúc với đoàn biểu tình, cùng hô các khẩu hiệu « đả đảo độc tài » với đoàn biểu tình, nhưng chỉ hứa là sẽ xét bản Tuyên-cáo. Ban đại diện không chịu đòi phải được trả lời dứt khoát.

— Mưa rất lớn, xong nắng lại lóe lên như đổ lửa. Rồi mưa lại ào ào trút xuống. Đoàn biểu tình, tinh thần tranh đấu bền bỉ, vẫn điềm nhiên nhịn ăn ngồi trước dinh Chủ-tịch, mặc cho nắng mưa «sao tầm», quyết dành kỳ được thắng lợi hoàn toàn.

Và rồi thắng lợi cũng phải tới : 2g25 giáo sư Nguyễn - xuân - Oánh, xử lý thường vụ Phó Thủ tướng kinh-tế tài chánh, thay mặt chánh phủ đọc bản tuyên cáo nhượng bộ của Hội đồng quân đội cách mạng: Thâu hồi Hiến chương, bầu lại vị nguyên-thủ quốc-gia, H.Đ.Q.Đ.C.M tự giải tán, triệu tập quốc dân đại-hội.

Đoàn biểu tình vỗ tay reo hò, quên cả đói, rét, mệt nhọc. Họ lại chấn chỉnh hàng ngũ tiến về công trường Diên-Hồng để tưởng niệm nữ sinh Quách-Thị-Trang, rồi sau mới tự giải tán.

***

Thế là chế độ do bản Hiến-chương 16-8 thiết lập, chỉ tồn tại được 10 ngày « Tuần lễ vùng dậy » mà sinh viên học sinh kỷ-niệm đã được kết thúc bằng một thắng lợi vẻ vang. Đạt tới thắng lợi mau mắn như vậy tất nhiên còn nhờ ở sự phối hợp hoạt động của lực lượng Phật-Giáo, của các cuộc biểu tình tranh đấu, mở đầu tại Huế và tiếp theo tại nhiều thị trấn lớn, của sinh viên, học sinh, và dân chúng. Qua những sự việc đã xảy ra, chúng ta có thể ghi lại một vài nhận xét :

— Một khi cuộc tranh đều phục vụ thực sự quyền lợi của dân chúng thì tức khắc dân chúng sẽ ủng hộ nồng nhiệt : Cảnh dân chúng tự động tiếp tế bánh, nước cho sinh viên ngày 25-8 vừa qua cũng cảm động không khác gì cảnh đem quà bánh cho quân đội hồi 26-10-1960 và 1-11-1963.

— Sự nhận định sáng suốt của Ban chấp hành Tổng hội sinh viên chiều hôm 24-8, không vì hành-động khiêu khích đốt phá trụ sở của Tổng Hội mà để lệch hướng tranh đấu, là một yếu tố rất quan trọng cho sự thành công của cuộc biểu tình sáng hôm sau. Nếu mọi người đều bình tĩnh sáng suốt như vậy thì có lẽ đã tránh được bao nhiêu vụ xung đột đẫm máu đáng tiếc xảy ra trong mấy ngày gần đây, chỉ có lợi cho những kẻ dùng chia rẽ tôn giáo để làm lạc hướng và suy yếu sự đấu tranh của dân chúng, nhất là chỉ có lợi cho thực-dân, Cộng-sản trong lúc này.

— Phản ứng bén nhậy và hồn nhiên của thanh niên (sinh viên, học sinh) tại Huế, Saigon và nhiều thị trấn khác, đối với mọi hình thức độc tài, lại thêm những kinh nghiệm tranh đấu năm ngoái, năm nay làm cho chúng ta tin tưởng được rằng nếu kẻ nào còn tham vọng bóp nghẹt tự do dân chủ của nhân dân thì tất kẻ đó lại sẽ thất bại như những người đi trước hắn.

— Sự im hơi lặng tiếng của các đảng phái quốc gia trong thời gian vừa qua đã làm lớp trẻ thất vọng khá nhiều đối với lớp người lớn tuổi làm chính trị. Trong buổi hội thảo tại trường Đại-Học Y-khoa Sài-gòn ngày 23-8, một truyền đơn đã nhắc lại sự tranh đấu đơn độc của sinh viên năm ngoái chống bạo quyền Ngô-Đình-Diệm và liên tưởng tới tình trạng «im lặng bất động» của các đảng phái trong cuộc tranh đấu năm nay và tỏ bày nhiều thắc mắc.

Trên báo Chính-Luận ngày 27-8-64 một sinh viên, anh Nguyễn-Hữu-Thái, đã viết : «Các bậc chính trị gia cao minh, các vị trí thức và ngay các vị giáo sư khả kính của chúng tôi trong mấy ngày tranh đấu vừa qua ở đâu cả ? Chúng tôi khản cả cổ kêu gọi các vị đứng về lập trường ý chí toàn dân. Quí vị vẫn giữ cái im lặng «đáng quí» và «khôn ngoan» như năm vừa qua, ngày chống độc tài Ngô-đình-Diệm. Sau 1-11-63 các vị vẫn ngồi chễm chệ, nhiều vị còn lên chức và được ưu đãi là khác, và sau ngày 25-8-64 chắc rồi cũng lại tiếp tục ngồ trên đầu trên cổ nhân dân... Không, trò đùa này không thể tiếp diễn mãi. Thanh niên chúng tôi đã hết tin tưởng vào phần lớn các ngài. »

***

27-8-64. Sau hai ngày hội họp, buổi chiều Hội - Đồng Quân - đội Cách Mạng đã quyết định :

Hủy bỏ Hiến-chương 16-8, giải tán Hội-đồng Quân-đội Cách-mạng kể từ ngày 27-8-64, triệu tập Quốc dân Đại Hội trong thời hạn tối đa hai tháng để bầu Nguyên-thủ Quốc - gia v.v . . . Đồng thời một Ban lãnh đạo lâm thời Quốc dân và Quân đội Việt-Nam Cộng-Hòa được thành lập gồm các vị : Trung tướng Dương-Văn-Minh, Trung-tướng Nguyễn-Khánh và Đại tướng Trần-Thiện-Khiêm.

LÊ-TẤT-ĐIỀU

Đã phát hành một cuốn kịch ấn loát thật trang nhã tại Kim Lai Ấn Quán

Đôi kính

Kịch ĐINH - XUÂN - CẦU. Thế-Phong vào đề. Vị Ý họa và trình bày. 40 đồng

Đại Nam Văn Hiến Xuất Bản Cục

Hộp thư 1123 Saigon

Saigon : Khai-Trí — Dalat : Hòa-Bình — Nha-Trang : Minh-Tân, Nguyễn-Lê, Phước-Hải — Đà-Nẵng : Văn-Hóa — Mỹ-Tho : Do-Quang.

Các nơi muốn có sách xin viết thư cho xuất-bản-cục.

Lời kêu cứu nguy

Trước những biến cố vừa xảy ra và có thể còn tiếp diễn, chúng tôi xin nêu những nhận xét sau đây :

I. — Đấu tranh chính trị không những là một quyền công dân mà còn là một bổn phận của bất luận người công dân theo tôn giáo nào.

II.— Đấu tranh chính-trị bao giờ cũng có đối tượng rõ-rệt. Đối tượng ấy phải là một công ích quốc gia.

III. — Đối tượng tranh đấu hiện tại có tính cách chính-trị, chống một âm mưu độc tài, chứ không phải là một cuộc xung đột tôn giáo. Toàn thể công dân không phân biệt tôn giáo phải sát cánh, không thể đối thủ. Nếu không, tức là phản bội mục tiêu tranh đấu.

Chúng tôi những người ký tên dưới đây, tôn giáo khác nhau, tha thiết kêu gọi các vị lãnh đạo tôn giáo gấp thành lập một « Ủy ban Hỗn hợp » để đối phó với những âm mưu biến cuộc tranh đấu chính-trị hiện tại thành cuộc xung đột tôn giáo.

Chúng tôi kêu gọi nhà hữu quyền các cấp hãy vô tư trong nhiệm-vụ phụng sự công ích, không thiên vị một tôn giáo nào, không lợi dụng tôn giáo làm công cụ cho chính quyền.

Chúng tôi kêu gọi báo chí hãy ý thức những hậu quả của một cuộc xung đột tôn giáo trong hiện tình đất nước, để thận trọng trong việc phổ biến và bình luận tin tức.

Saigon, ngày 27 tháng 8 năm 1964

1) Luật-sư Vũ-Văn-Huyền 2) Giáo-sư Lý-Chánh-Trung 3) Bác-sĩ Mạch-Dũng 4) Kỹ-sư Võ-Long-Triều 5) Giáo-sư Nguyễn-Tường-Ánh 6) Giáo sư Trần-Hữu-Quảng 7) Giáo-sư Hồ-Sĩ-Khuê 8) Giáo-sư Trần-Điền 9) Giáo-sư Võ-thị Phương-Nghi 10) Giáo-sư Nguyễn-Văn-Trung.

(Danh sách còn tiếp)

HỘP THƯ BÁCH-KHOA

Bách-Khoa đã nhận được :

Cái án Điêu-thuyền (Trần-Đình-Dũ) Thu-Đông Việt-Bắc (Nguyễn-Đức-Vinh) Lòng Mẹ (Nông Cao Nguyên Thời gian — dĩ vãng (Chu Vương Miệm) Trao em... (Võ Đào Vương) Chuyến đi... (Trần văn Hoa) Chứng tích) Chu kỳ buồn... (Từ Kế Tường) Tiếng ca vườn Thúy (Nguyễn Kinh) Hoang Liêu... (Thanh Đào) Đơn côi — Hiện diện (Minh Lương) Nói với N (Lâm Thương) Nước mắt người yêu (Nguyễn Lê Cang) Buồn hôm nay (Phương Thủy) Ngậm ngùi (Lê Thanh Xuân) Chết đuối .. (Nguyễn Đức Vinh) Đoản ca 1 (Cô Dã Vị) Điệu buồn luân chuyển (Thi Hoài Chi) Kỷ niệm... (Lữ Quỳnh) Bà mẹ Việt Nam (XuânThao) nỗi buồn hôm nay (Tài Chung) Hoài niệm... (Hoa Phong) Anh (Mây Hải Đảo) Huyền ca (Du Tử Lê) Niềm anh Đau (Mạc Chinh) Tưởng nhớ (Hàn Châu) Khi bước xuống.. (Mặc Duy Thanh) Kỷ niệm gọi..(Triệu Cung Tinh) Buồn tuổi dại Tâm... Trần hồng nhan) Tìm nhau (Vũ Tiêu Giang) Vai biển tình yêu (Vũ tiêu quang) Thủ thế... (Vũ huyền) Lần tâm tư với em... (Hà Nghiêu Bích) Sông mùa thu... (Hoàng thị Bích ni) Nẻo Luân hồi .. (Hương Linh) Thơ Thề ly — Đẹp đông phương (Tử Bích) Tình hoang đảo (Trần phát Tài) Tha thiết (Thi Uyên Trang) Ngập ngừng (Vũ Đình Thanh) Tuổi đời băng giá (Lâm Chương)

SÁCH BÁO MỚI

— **Triết-Học Zen** (Tu - Thuyền Tập II) của T.T. Thiện-Ân Đoàn-văn-An, do Đông Phương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 268 trang, bài bặc biệt, không đề giá.

— **Phật Giáo** của Tuệ - Quang Nguyễn-Đăng-Long Tủ sách Phật-học, do tác-giả gửi tặng sách dày 480 trang, bìa của Họa sĩ Lữ Hồ, giá 100đ.

— **Trắng Đêm** tập thơ của Thu-Nhi, do Ý-Nhi xuất bản. Sách dày 88 trang, gồm trên 40 bài thơ, giá 45đ

— **Đùa Gió** của Chiều Thiên-Thương, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 30 trang, gồm 50 bài thơ, không đề giá bán.

— **Của lịch - sử** tập thơ của Trương - Hoài - Ngâm, Ngọc - Dũng minh-họa, Hữu-Nghị xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày ngót 100 trang gồm 50 bài thơ giá 60đ.

— **Mặt trời tìm thấy**. Tập thơ của Thanh-Tâm-Tuyền, Sáng-tạo Xuất bản và tác giả tặng. Sách dày trên 120 trang gồm 3 phần : Liên, Đêm, Mặt trời tim thấy, bìa Duy-Thanh, phụ bản của Duy-Thanh, Ngọc-Dũng, Thái-Tuấn không đề giá, bản quý.

— **Phương pháp sử học.** của L.M. Nguyễn-Phương do phòng nghiên-cứu Sử Viện Đại-Học Huế xuất-bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 227 trang, một vài phần được giới thiệu với bạn đọc Bách-khoa qua loạt bài « Phương pháp Sử-học » giá 78đ.

— **Thủy và T 6** Tập truyện của Thế-Phong do Đại-Nam Văn-Hiến xuất-bản và tác giả gửi tặng. Sách in ronéo, loại sách bản thảo, dày 56 trang, gồm 4 truyện không đề giá bán.

— **Tiếng hát khuẩn trùng** tập thơ của Khải-Triều, do Đại-Nam Văn-Hiến xuất-bản và tác giả gửi tặng, sách in ronéo, dày 37 trang, gồm gần 30 bài thơ, không đề giá bán.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ẤM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

Chỉ có

NƯỚC-NGỌT "CON-CỌP"

Thật HỢP TIỀN!

CAPSTAN

MEDIUM

W.D.&H.O.WILLS.
BRISTOL & LONDON

Quản-nhiệm :
HUỲNH-VĂN-LANG
Chủ-nhiệm :

Tòa Soạn
160, Phan-Đình-Phùng — SAIGON
Dây nói : 25,539

In tại VĂN-HÓA ÂM-QUÁN
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10$
Công số : 15